

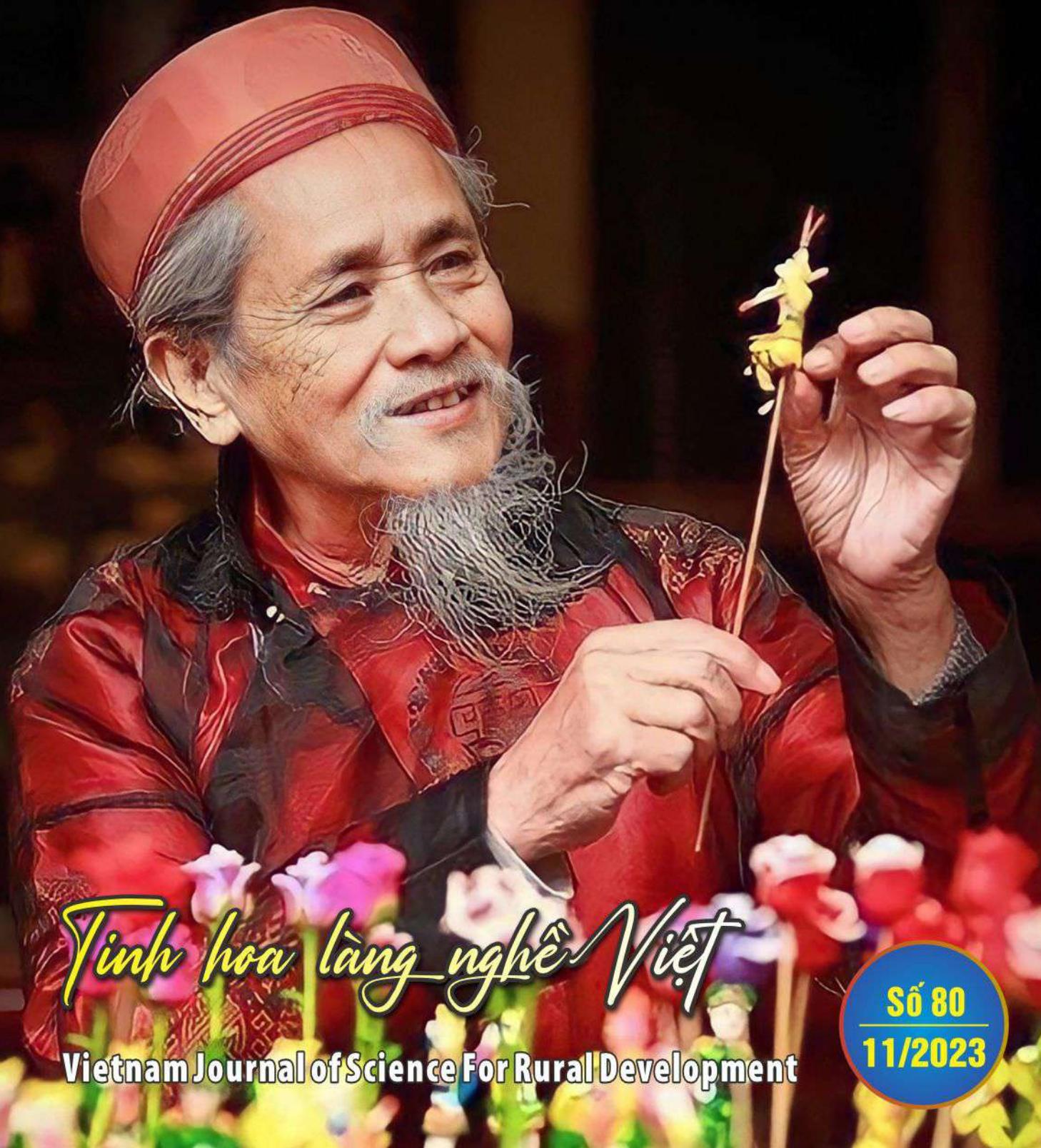
PHANO

Tạp chí

HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

ISSN 1859-4700



Tinh hoa làng nghề Việt

Vietnam Journal of Science For Rural Development

Số 80

11/2023



“Kiến trúc truyền thống dựa vào phong thổ và văn hoá bản địa. Mỗi địa phương có thiên nhiên khác biệt. Mỗi dân tộc anh em trầm tích những bản sắc văn hoá riêng. Bảo tồn và Phát triển Làng nghề phải đặc biệt lưu ý những đặc điểm đó, để mọi người thêm trân quý những giá trị truyền thống cha ông để lại. Và biến nó trở thành tài nguyên phục vụ sự phát triển của đất nước, sự cường thịnh của dân tộc. Làng nghề giàu bản sắc, đậm chất văn hoá, sẽ hấp dẫn khách phương xa tìm đến khám phá những nét đẹp tinh hoa...”

(Ông Lê Minh Hoan - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Honoring the Heritage Value of

VIETNAMESE CRAFT VILLAGES!

Throughout thousands of years of Viet Nam's culture and heroic history, our forefathers have passed down invaluable legacies of traditional crafts and craft villages, which today must be preserved and developed. Among the thousands of craft villages, more than 2,000 have been officially recognized across the country, with half of them showcasing their excellence in the heart of Thang Long – Ha Noi.

These craft villages are not only serve as preservation of cultural and historical values, but they also contribute to the safeguarding of the sustainable material and spiritual livelihoods of the people. Many of these craft villages have now become attractive tourist destinations, drawing visitors from both within and beyond our borders. They play a significant role in promoting the image of Viet Nam – its land, its people – to the international community and contribute to the socio-economic development of their respective localities.

Recognizing the immense role of craft villages, the Ministry of Agriculture and Rural Development, in collaboration with the Ha Noi People's Committee, organize the "Viet Nam Craft Villages Festival" from October to November of 2023. This festival will encompass practical activities held at various locations throughout Ha Noi.

Notably, from 9th to 12th November, Thang Long Imperial Citadel will host major events of the Festival, featuring the honoring ceremony of 100 skilled artisans and craftsmen, the grand opening ceremony, and an international exhibition introducing craft products and those under the One Commune One Product (OCOP) programme.

This event offers a genuine opportunity to create new perceptions on crafts and craft villages, ignite strong internal and external resources, as well as kindle the love for traditional crafts and craft villages among the people. It aims to stimulate business connections and international cooperation in the conservation and development of craft villages, all with the goal of "Connecting Potential, Enhancing Value, and Ensuring Sustainable Development." This event will harness the essence of Vietnamese craft villages in the current era of digitalization and international integration. It is also a practical celebration of the 78th anniversary of the traditional day of Viet Nam's Agriculture sector (November 14th, 1945 - November 14th, 2023) and the 69th anniversary of the Ha Noi's Liberation Day (October 10th, 1954 - October 10th, 2023).



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tôn vinh Giá trị Di sản LÀNG NGHỀ VIỆT!

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử văn hiến - anh hùng, ông cha ta đã trao truyền cho muôn đời sau những di sản vô giá về nghề và làng nghề truyền thống, mà ngày nay rất cần phải bảo tồn và phát triển. Trong số hàng ngàn làng nghề, đến nay cả nước đã công nhận hơn 2.000 làng nghề và nghề truyền thống. Và một nửa trong số đó là những tinh hoa hội tụ ở Thăng Long - Hà Nội.

Các làng nghề không chỉ là không gian kết tinh và lưu giữ những giá trị văn hoá, lịch sử, mà còn là sinh kế góp phần đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần bền vững của nhân dân. Ngày nay nhiều làng nghề đã trở thành địa điểm du lịch hấp dẫn thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam - Đất nước - Con người với bạn bè quốc tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Xuất phát từ vị trí vai trò to lớn đó, năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức "Festival bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam" từ tháng 10 đến tháng 11 với chuỗi hoạt động thiết thực diễn ra tại nhiều địa điểm ở Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt, từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 11 tại Khu Di tích Hoàng Thành Thăng Long sẽ diễn ra các hoạt động chính của Festival như: Vinh danh 100 nghệ nhân, thợ giỏi; Lễ khai mạc và Hội chợ quốc tế giới thiệu sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP.

Đây thực sự là cơ hội để thay đổi nhận thức mới về nghề và làng nghề; khơi dậy mạnh mẽ những nguồn lực nội sinh và ngoại sinh, cũng như tình yêu nghề và làng nghề truyền thống trong nhân dân; thúc đẩy kết nối giao thương, hợp tác quốc tế trong công tác bảo tồn và phát triển làng nghề...hướng tới mục tiêu "Kết nối tiềm năng - Gia tăng giá trị - Phát triển bền vững" và phát huy những giá trị tinh hoa làng nghề Việt trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế hiện nay. Đây cũng là sự kiện thiết thực chào mừng 78 năm Ngày truyền thống ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (14/11/1945 - 14/11/2023) và 69 năm ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2023).



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



CHÚC VĂN GIỖ TỔ NGHỀ VIỆT NAM



Ngày hôm nay:

1. Gió lành reo muôn ngả,
Rộn rã đất Hoàng Thành tươi hoa.
Nắng ấm sưởi khắp vùng,
Lồng lộng trời Thủ đô thăm sắc!
2. Hà Nội tung bừng: Đàn, nhạc, sáo, múa ca,
Núi sông rực rỡ: Trống, chiêng, cờ, bút, kiếm!
3. Lễ Thánh tổ linh thiêng
Đất Long Thành ứng nghiệm!
4. Lớp lớp Tài nhân đến tự trăm miền,
Tầng tầng Danh nghệ về từ tám hướng!
5. Lễ Tổ nghề uy nghi,
Giang sơn giàu đẹp,
Gia tộc bình an!
Báu Thánh thần linh hiển,
Đất nước hùng cường,
Nhân dân thịnh vượng!
6. Thôn xóm đìu hiu,
Con người vất vưởng!

Nhớ thuở xưa:

7. Cái nghèo, cái đói đeo đẳng quanh năm,
Nỗi cực, nỗi đau dày vò suốt tháng!
8. Đất cỗi cằn chỉ độc canh nông,
Dân xơ xác, chẳng ngoài đồng áng!

9. Củ săn, củ khoai, củ năn, bẹ chuối...
Thân chú chẫu chàng,
Hạt ngô, hạt đậu, hạt gạo, lá rau...
Phận con cà cuống!

10. Kém nghề nông nghiệp,
Nỗi truân chuyên biết lúc nào yên!
Yếu món thủ công,
Niềm hạnh phúc bao giờ có được?

May mắn thay:

11. Non sông gấm vóc,
Có nhiều bậc Tiên Thánh cao siêu.
Đất nước hùng anh,
Sinh những đấng Thần nhân tài lược!

12. Thánh tổ phát minh rạng núi sông,
Nghệ sư sáng chế vang non nước!

13. Hùng Vương Thủy Tổ, truyền bách nghệ
thịnh dân

Đức Thánh Tản Viên, dạy trăm nghề
hưng quốc!

14. Các Nghệ sư tài trí,
Dạy muôn dân nghề: mộc, gốm, tằm tơ...
Bậc Thánh tổ đức nhân,
Truyền bách tính môn: sơn, tranh, đồng, đá!

15. Kim hoàn, xà cừ, chạm bạc, khảm trai,
Thêu ren, cắt may, chả giò, dệt lụa...

16. Ghi công Tổ:
Lê Công Hành, Dương Không Lộ, Phùng
Khắc Khoan,
Tuệ Tĩnh, Nguyễn Kim.
Tạ ơn Thầy:
Lương Nhõ Học, Hứa Vĩnh Kiều, Tô Trung
Tự, Thụ La công chúa!

17. Dạy nghề dân, tinh hoa chắt lọc,
Mãi muôn đời ngưỡng vọng Tiên nhân.
Truyền trăm họ nghệ thuật cao siêu,
Suốt vạn năm phụng thờ Thánh tổ!

18. Nước mạnh giàu bền vững núi sông,
Dân no ấm âu ca ngàn thuở!

Theo dòng lịch sử:

19. Muôn làng nghề:
Quảng Ninh, Nam Định, Đà Nẵng, Ninh
Thuận,
Long An, Đồng Tháp...
Suốt Bắc chí Nam!

Trăm xứ nghệ:
Yên Bái, Hải Phòng, Hà Nội, Nha Trang, Sài
Gòn, Cà Mau...
Từ rừng xuống bể!

20. Gốm sứ Bát Tràng, hoa Hạ Lũng,
Thêu Văn Lâm, múa rối Nhân Hoà.
Thuốc lào Kiến Thiết, nón Gai Bùn,
Mắm Phú Quốc, đúc rèn Bản Phố...

21. Lụa Vạn Phúc, gốm Bầu Trúc,
Tranh đá quý Lục Yên,
Rượu Mai Hạ, chè Tà Xùa,
Bánh khô mè Cẩm Lê...

22. Muối Trường Trịnh, chiếu Nhật Tảo,
Bánh tráng Tuý Loan,
Hương An Lập, Miến Làng So,
Đan tre Thôn Duệ...

23. Mãi từ ngàn núi, trong rừng,
Cho tới chân trời, góc bể...

24. Làng truyền thống vạn bàn tay thợ,
Vẽ tinh hoa rồng phượng múa ca.
Nghề thủ công muôn triệu sắc hương,
Tạo nghệ thuật trăm hoa đua nở.

25. Làng trên xóm dưới, xứ xứ cờ bay,
Miền ngược, vùng xuôi... nơi nơi hội mở!

26. Muôn nghề giỏi, nối nghiệp ông cha,
Vạn nghệ hay, ghi ân Thánh Tổ!

27. Giao thương hội nhập, xuất hàng hoá
thịnh vượng non sông
Kinh tế chấn hưng, thu ngoại tệ, vinh quang
người thợ.

28. Phát triển làng nghề truyền thống, có
Chính phủ
chỉ đường
Duy trì nghề tiểu thủ công, ơn Thánh sư
truyền nghệ!

29. Giữ gìn bảo vật Tiên tổ, muôn năm
vững mạnh quốc phòng
Tiếp nhận di sản cha ông, ngàn thuở thịnh
hưng kinh tế!

Ngày hôm nay:

30. Chiêng trống rộn rã phố phường,
Cờ hoa tung bừng nhân thế.

31. Uống nước nhớ nguồn, ngàn phương về
Hội lễ phụng bái Tiên nhân,
Ghi lòng tạc dạ, muôn dân tới Thủ đô
kính thành
Thánh tổ!

32. Trống rung Đại nội,
Tình nghĩa bách gia
Hương ngát Long Thành,
Tấm lòng hậu duệ!

33. Công Thánh sư sáng chế vời vợi non ngàn
Tài Tổ phụ phát minh mêm mang trời bể.

34. Nhân dân hạnh phúc muôn đời,
Nước Việt thịnh cường vạn thế!

35. Kính lễ!

Hoàng Thành Thăng Long, ngày 09 tháng 11 năm 2023

**Nhà thư pháp Lê Thiên Lý phúng soạn theo tư liệu BTC Festival Bảo tồn và Phát triển
Làng nghề Việt Nam 2023 và tổng hợp của Nhà báo Vương Xuân Nguyên**

CHÚ GIẢI CHÚC VĂN GIỖ TỒ LÀNG NGHỀ VIỆT NAM

Tục thờ tổ nghề là truyền thống tốt đẹp ở các làng nghề Việt Nam, thể hiện sự biết ơn những vị sáng lập, mở mang tri thức ngành nghề cho dân làng. Thờ phụng tổ nghề, người ta mong cho ngành nghề phát triển, cuộc sống sung túc, ấm no, hạnh phúc. Mỗi năm, tại các làng nghề đều có ngày giỗ tổ nghề để tôn vinh, tạ ơn tổ nghề. Tổ nghề còn được gọi là Đức Thánh tổ hay Tổ sư, là một hoặc nhiều người có công sáng lập hay truyền bá cho dân làng một nghề nào đó. Vì thế, Tổ nghề được các thế hệ sau suy tôn, thờ cúng. Tổ nghề thường là những người có thật trong lịch sử nhưng cũng có khi là những nhân vật được hư cấu theo truyền thuyết dân gian. Từ ngày 9-12/11/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp cùng UBND thành phố Hà Nội tổ chức Festival Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam. Trong khuôn khổ sự kiện, diễn ra hoạt động dâng hương, lễ vật làng nghề tri ân công đức của các vị tiên đế và tổ nghề tại Hoàng Thành Thăng Long. Nhân dịp này, Nhà thư pháp Lê Thiên Lý phúng soạn Chúc văn Giỗ Tổ Làng nghề Việt Nam theo tư liệu của BTC và tổng hợp của Nhà báo Vương Xuân Nguyên. Dưới đây là một số chú giải có liên quan.

1. Hùng Vương Thủy Tổ:

Trong tiến trình lịch sử hàng ngàn dựng nước và giữ nước của

dân tộc, người Việt Nam từ bao đời nay đã hình thành trong tâm thức: Vua Hùng là vị Vua Thủy Tổ khai sơn lập quốc, là Tổ tiên của dân tộc Việt Nam, là vị Tổ nghề của các vị Tổ nghề đã có công trao truyền bách nghệ cho nhân dân có cuộc sống êm no. Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày để cả dân tộc tưởng nhớ, biết ơn tiền nhân đã có công sinh thành giống nòi; khai mở bờ cõi, truyền dạy nghề nghiệp, tạo dựng hình hài đất nước. Nhắc đến Hùng Vương Thủy Tổ là nhắc tới biểu tượng ăn sâu vào tâm khảm thiêng liêng của mỗi người dân đất Việt. Đây là điểm hội tụ tâm linh, hội tụ bản sắc văn hóa và tinh thần đại đoàn kết dân tộc; là nguồn sức mạnh tinh thần giúp cho dân tộc Việt Nam vững vàng vượt qua mọi gian nan thử thách, đoàn kết, gắn bó keo sơn để chiến thắng mọi thiên tai và kẻ thù. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào ngày 6 tháng 12 năm 2012. Đây chính là đề cao sự thống nhất trong đa dạng văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Đức Thánh Tân Viên: Ngài không chỉ là Vị Thành hoàng bảo trợ cho làng xã, vị thánh đứng đầu trong “Tứ bát tứ” được nhân dân suy tôn là Đệ Nhất Phúc Thần, Thượng đẳng tối linh thần và là vị Anh hùng dân tộc, anh hùng khai điền tri

thủy, anh hùng khai sáng văn hóa của dân tộc ta từ thuở dựng nước. Tín ngưỡng thờ Tân Viên Sơn Thánh, vị tổ của bách thần thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, tinh thần đoàn kết cùng ước vọng chinh phục thiên nhiên ngàn đời của người Việt. Tục thờ Tân Viên Sơn Thánh - Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia đã và đang được bảo tồn, phát huy giá trị trên vùng đất Xứ Đoài.

3. Lê Công Hành: Là một vị quan lại thời Hậu Lê (Kim tử Vinh Lộc Đại phu, chức Tả thị lang bộ Công, tước Thanh Lương hầu, được vua ban quốc tính). Ông mất ngày 12 tháng Sáu năm Tân Sửu, thọ 56 tuổi, được triều đình truy tặng hàm Thượng thư Thái bảo Lương Quận công. Ông được cho là đã dạy cho người làng Quất Động những kỹ thuật thêu và làm lọng tân tiến hơn mà ông đã tiếp thu được trong chuyến đi sứ sang ngoài. Từ đó, nghề thêu và làm lọng trở nên phát triển hơn, lan dần ra nhiều làng nghề trên khắp cả nước. Để ghi nhớ công đức của ông, người dân làng nghề tại Thường Tín lập nên Đền Ngũ Xã (do dân 5 xã lập). Trong đền có tấm bia *Vũ Du Tiên sư bi ký* ghi lại sự tích của tổ nghề thêu. Ngoài ra còn có một số đền thờ khác như như đình Tú Thị ở số 4 phố Yên Thái, quận Hoàn Kiếm, hoặc đền thờ ở phố Hàng Lọng (nay thuộc khu vực đường Nam Bộ) nay không còn, đình

làng Nhị Khê thờ Tổ nghề tiện Lê Công Hành... Lễ giỗ tổ nghề của những làng sinh sống bằng nghề thêu tại Việt Nam thường được tổ chức vào ngày giỗ hàng năm của ông. Chỉ riêng tại Huế, lễ tế Tổ sư nghề thêu Lê Công Hành tại phố Cẩm Tú - Huế lại được tổ chức vào ngày 22 tháng Giêng âm lịch hàng năm và ngày mồng 4 tháng Sáu âm lịch là ngày kỷ tổ.

4. Dương Không Lộ: Là một Thiền sư được nhân dân xưng tôn là ông tổ nghề đúc đồng. Trong "Lĩnh Nam Chích Quái" có viết về Dương Không Lộ như sau: Ông họ Dương, tên Không Lộ, vốn xưa làm nghề đánh cá. Một hôm, ông đang đứng ở bến sông, bỗng thấy có một người hình thù cổ quái, đứng bên đường, nhìn ông rất lâu rồi cười mà nói: Người là người cõi tiên sao không học đạo mà lại đi câu cá? Nói xong, liền phát tay áo ra đi. Không Lộ định hỏi thêm thì không thấy đâu nữa. Từ đó, ông bỏ nghề đánh cá vào tu ở chùa Nghiêm Quang, tỉnh Thanh Hoá lấy tên là Không Lộ thiền sư.

Sau đến thời Lý Thánh Tông thì ông về tu ở chùa Hà Trạch, tỉnh Hà Bắc. Ông có pháp thuật cao siêu có thể bay trên không, đi trên mặt nước, sai khiến cả thú dữ, biến hóa muôn hình vạn trạng. Đặc biệt ông rất giỏi nghề đúc chuông niken tượng. Một lần ông đi sang Trung Quốc, quyên đồng được hàng trăm vạn tạ, đựng vào một cái bao lớn mà các thuyền phương Bắc không thể chở nổi. Ông bèn hoá phép lấy nón làm thuyền, lấy gậy làm

chèo, cứ thế chèo chống, chở đồng vệ, đúc thành bốn đồ quý (Tứ bảo) gọi là Yên nam tứ quý.

Sự tích của Không Lộ dân gian nhập vào với Minh Không. Điều này còn tìm thấy trong văn bia chùa Keo (Thái Bình), chùa Keo (Hành Thiện, tỉnh Nam Hà), chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), chùa La Vân (Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình). Nên sau này ông tổ nghề đúc đồng lúc thì được gọi là Nguyễn Minh Không, lúc thì lại được coi là Không Lộ.

5. Phùng Khắc Khoan: Ông được nhân dân suy tôn là ông tổ nghề dệt hết lòng vì dân. Theo sử sách, Phùng Khắc Khoan sinh năm 1528 tại làng Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội). Tương truyền ông là học trò của Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm. Tuy nổi tiếng là người có văn tài, kiêm thông cả thuật số, nhưng ông không đi thi và không chịu ra làm quan triều Mạc.

Nghề nuôi tằm dệt tơ của ta có từ lâu đời nhưng buổi đầu ta chỉ mới biết dệt lụa, cao nhất là lụa đậu, còn gấm, vóc, the, lụt thì phải mua ở ngoài. Vì vậy trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc, Phùng Khắc Khoan luôn tìm hiểu cách làm ăn của người dân ở mỗi địa phương đi qua, nhằm sau này giúp cho dân mình khi trở về nước. Một trong số đó phải kể đến việc ông đã học được cách dệt lụt. Sau khi về nước, Phùng Khắc Khoan đã dành thời gian đi đến các làng nuôi

tằm, dệt to đem kỹ thuật làm vải lụt truyền cho nhân dân. Nhờ đó, các làng dệt ven sông Tô như Nghi Tàm, Trúc Bạch, Yên Thái, Bá An, Trích Sài... cho đến vùng ven sông Nhuệ, có nhiều gia đình biết dệt lụt. Sau này, nơi tiếp thu và phát huy tốt nhất kỹ thuật của nghề này là vùng sông Nhuệ. Lụt ở đây mỏng, nhẹ, mịn màng, mặc vào trông thoát tha, thanh quý. Nhân dân lấy tên quan Trạng đặt cho vài lụt mịn dệt, gọi là lụt Bùng.

Tương tự, bằng sự thông minh, tài trí của mình, ông đã đem được giống ngô của phương Bắc về cho nhân dân ta trồng. Khi đã trí sĩ (tức về hưu) ở tuổi gần 80, ông còn tổ chức đào mương dẫn nước ở các cánh đồng quanh núi Thầy, đưa nước về tưới cho các cánh đồng Phùng Xá, Hoàng Xá. Nhờ đó mà ruộng vườn nơi đây quanh năm tươi tốt. Có thể nói, Phùng Khắc Khoan luôn hết lòng vì dân. Chính vì vậy, dù đỗ Hoàng giáp mà không đỗ Trạng nguyên nhưng dân gian phục tài trí và tấm lòng của ông nên gọi ông là Trạng Bùng với hàm ý coi ông là trạng nguyên của làng Bùng.

6. Tuệ Tĩnh: Người được mệnh danh là "ông tổ" thuốc Nam và mở đầu cho nền y dược cổ truyền của Việt Nam. Thiền sư Tuệ Tĩnh được mệnh danh là ông tổ của nghề thuốc Nam. Trong suốt cuộc đời của mình, ông đã để lại nhiều đóng góp to lớn cho nền y học cổ truyền, góp phần đưa nền y học của Việt Nam lên một tầm cao mới.

Y học Cổ truyền Việt Nam hay còn gọi là thuốc Nam (thuốc ta) là một ngành y học thuộc Đông y có nguồn gốc từ xa xưa, được bắt nguồn từ Việt Nam.

Người đã đặt nền móng cho Y học cổ truyền Việt Nam là Danh y - Thiên sư Tuệ Tĩnh (tác giả của câu nói nổi tiếng “Nam dược trị Nam nhân” - thuốc Nam dùng chữa bệnh cho người Nam). Ông cũng được coi là người sáng lập ra nghề thuốc Nam, sau này Hải Thượng Lãn Ông là người tuyên truyền thực hiện có hiệu quả cao về nghề thuốc dân tộc này.

Đối với Tuệ Tĩnh, ông học y, hành y, không chỉ đơn giản là cứu người mà còn tổ chức, viết sách để lưu truyền những bài thuốc Nam đến với nhân dân. Ông dạy nhân dân cách trồng thuốc chữa bệnh cho đến chăm sóc sức khỏe, phòng tránh bệnh tật. Có thể nói đây là tư tưởng cực kỳ tiên bội của y học, chủ động phòng bệnh, tận dụng thảo dược thiên nhiên, phát huy thế mạnh của toàn dân sẽ tạo ra sức mạnh, tài sản quý báu cho các thế hệ sau.

Tuệ Tĩnh phân tích rõ biện chứng tổng quát về dược lý chủ yếu là hướng điều trị từ 630 vị thuốc để chữa các bệnh như: Ngoại cảm lục đàm, lao lực, trúng độc, uất khí, hỏa tích, đờm,... Bên cạnh đó, ông cũng phân tích thêm, Việt Nam là quốc gia nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm thường xuyên. Chính vì vậy, dân thường mắc các bệnh thiên về nhiệt, đờm hoà hoặc khí hư

yếu nên cần tìm những bài thuốc Đông y điều trị tả hỏa, hóa đàm, thanh nhiệt,...

7. Nguyễn Kim: Theo sách Hồ sơ tư liệu văn hiến Thăng Long – Hà Nội, tập 4: Huyện Phú Xuyên – Huyện Thanh Trì – Huyện Thường Tín có ghi ngắn gọn Nguyễn Kim (thế kỷ XVII-XVIII) là ông tổ nghề khám trai. Ông còn có tên là Vũ Văn Kim. Quê gốc ở làng Thuận Nghĩa, Thanh Hóa, về sau chuyển đến làng Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, nay thuộc xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Ông có sáng kiến ghép các mảnh trai, vỏ hến thành các hình đẹp để gắn vào vật dụng, tạo ra nghệ thuật khám trai, chạm trổ tứ linh, tứ quý lên các bàn thờ, sập, tủ. Ông truyền nghề khám trai cho dân làng Chuyên Mỹ, được thờ làm tổ nghề.

Vào thời vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786), có một người nông dân làm nghề chài lưới ở làng Thuận Nghĩa, xứ Thanh, do ngày ngày tiếp xúc với sò hến, cá tôm, nên đã nhìn thấy sự huyền ảo của sắc màu từ những vỏ trai, hến phát ra, đặc biệt là khi nó nằm trong những khoảng sáng tối phân tranh. Về nhà, người nông dân này ra ý định cắt những vỏ trai, dán vào chân bàn thờ và quả tinh, nó có sức quyến rũ lạ thường. Ông đã đem dán lên tất cả những đồ gỗ gia đình, khiến đem lại bao lời đồn thổi, đưa đến tai ương. Quan trấn thủ đến nhà, bắt lên dinh trị tội vì những đồ dùng của một dân đen lại dám trang trí những hình

long, phượng của triều đình và hoàng tộc. Ông phải chịu tội chu di. Thế nhưng, sau bao lần kêu oan, được quan tha, nhưng tất cả đồ gỗ trong nhà bị tịch thu. Nỗi sợ cứ đeo đuổi và dần vặt ông hoài, buộc phải bỏ làng đi tha hương nơi đất khách. Đất khách ấy chính là làng Chuyên Mỹ, tức làng Chuôn, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây ngày nay. Tại đây ông đã phát triển nghề khám trai và trở thành tổ nghề. Hậu duệ đã ghi công, lập đền thờ. Một bộ phận khác của dòng họ đã chuyển về Thăng Long, mở ra phố Hàng Khay, và để tưởng nhớ người khai sinh ra nghề khám, họ cũng đã lập đền thờ ông ở đây, đó chính là phần nối phố Tràng Tiền hiện nay, mà xưa kia là làng Cựu Lâu của kinh thành Thăng Long một thời vang bóng.

8. Lương Nhữ Hộc (1420 - 1501): Bách khoa toàn thư Việt Nam gọi là Lương Nhữ Hộc, ở đây lấy theo Khâm định Việt sử Thông giám cương mục và Đại Việt sử ký toàn thư, tự Tường Phủ, hiệu Hồng Châu, là danh sĩ, quan nhà Lê sơ. Ông là người hai lần làm sứ giả sang Trung Quốc và đã có công truyền lại nghề khắc bản gỗ in cho dân làng Liễu Tràng, Hồng Lục và được dân làng tôn xưng là “ông tổ nghề khắc ván in”. Tuy nhiên, từ trước đó khá lâu, người Việt đã biết đến nghề này, nổi bật là Hồ Quý Ly đã cho in tiền giấy trong thời gian trị vì đầu thế kỷ 15.

9. Hứa Vĩnh Kiều: Tổ sư nghề gồm sứ Bát Tràng là Hứa Vĩnh

Kiều. Hứa Vĩnh Kiều cùng với Tổ sư hai làng gốm khác là Đào Trí Tiên làng Thổ Hà và Lưu Phong Tú làng Phù Lãng cùng khởi nghề ở Bát Tràng, sau đi học men gốm tại Thiểm Châu, Quảng Đông, Trung Quốc về truyền nghề cho dân làng.

10. Tô Trung Tự: Theo ngọc phả đình Vị Khê, nghề trồng hoa cây cảnh làng Vị Khê có từ thế kỷ XIII, năm 1211 thời Lý, Mạc có một người tên là Tô Trung Tự, quan Thái úy phụ chính của triều Lý, được cử về trấn ái Sơn Nam và cho xây dựng thành, hào ở đây lấy tên là Bảo Bình Giã. Thấy nơi đây đất đẹp, dân cư chịu khó và thuần phác ông đã truyền nghề trồng hoa, cây cảnh cho người dân làm kế sinh nhai. Sau khi ông mất, để tỏ lòng biết ơn công lao của ông, dân làng đã tôn ông là ông tổ nghề trồng hoa, cây cảnh và lập đền thờ phụng. Đến thời Trần, nghề trồng hoa cây cảnh nơi đây phát triển hơn. Cho đến nay, trong đình làng còn có câu đối của quan Bình nguyên Phạm Đôn Lễ, khi ghé thăm làng hoa đã đề tặng:

**Dục chung tài hoa Tô tú
thủy/ Nguyễn Trang Vị Xá
hiệu chi tiên.**

(Trồng hoa ươm cây do tướng họ Tô khơi dậy trước/Ấp tên Trang Nguyễn vốn làng Vị, Xá buổi ban đầu).

Làng Vị Khê, xã Điện Xá, huyện Nam Trực nằm ven đê sông Hồng, cách thành phố Nam Định 5 km, được coi là vùng đất tổ của nghề trồng hoa cây cảnh. Trên 800 năm trôi qua với biết bao biến cố nhưng làng hoa cây cảnh Vị Khê vẫn tồn tại và phát triển. Hàng năm, từ ngày 12 đến 16 tháng Giêng, tại ngôi đình thờ thành hoàng và ông tổ làng nghề Vị Khê, xã Điện Xá (Nam Trực) lại tổ chức Lễ hội hoa – cây cảnh để để tưởng nhớ, tôn vinh công lao của ông tổ nghề Tô Trung Tự - người đã truyền dạy nghề trồng hoa cây cảnh cho dân địa phương làm kế sinh nghiệp lâu dài.

11. Thủ La công chúa: Nhân dân ta tôn bà Nguyễn Thị La – về sau được vua phong là Thủ La công chúa là bà tổ nghề dệt vải để nhớ ơn dạy nghề của bà. Bà là con gái của ông Nguyễn Diệu, người Ái Châu, Thanh Hoá, chủ một xưởng dệt ở thành Thăng Long. Cha mẹ nàng chăm chỉ làm lụng, công việc ngày càng phát đạt. Lớn lên nàng nối nghiệp cha. Với

đôi bàn tay khéo léo, vải nàng dệt đã bền lại đẹp, ai thấy cũng phải thán phục. Năm 18 tuổi, nàng kết hôn cùng Trần Thường người Hồng Châu, Hưng Yên. Vài năm sau, Trần Thường thi đỗ được bổ làm quan coi sóc việc hộ. Với mong muốn được mở mang nghề dệt, chàng xin vua cho lập một phường dệt ở ven Hồ Tây. Nàng La chuyên về đó lo đảm đương việc dạy dỗ dân làng nghề dệt vải. Từ đó, nghề dệt vải ở đây được phát triển, danh tiếng vang xa.

Trong một lần cầm quân ra trận, Trần Thường không may tử trận. Được tin chồng, nàng La liền tự vẫn chết theo. Vua Huệ Tông thương xót cho lập miếu thờ nàng ở phường Nhược Công, phong cho nàng làm Thủ La công chúa. Hai vị được tôn làm thành hoàng làng Thành Công. Hàng năm, 12/3 đến 14/3 âm lịch lễ hội truyền thống đình làng Thành Công được tổ chức để tưởng nhớ công đức truyền nghề của hai vị.



“Giá trị cốt lõi của Làng nghề và Nghề truyền thống mà chúng ta cần phải tập trung thúc đẩy mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay là: Tinh hoa Văn hóa; Nghệ nhân tài hoa và Kết nối giao thương...”,

(Ông Trần Thanh Nam - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Quyết Tuấn (Thực hiện)

Festival Bảo tồn và Phát triển Làng nghề Việt Nam 2023 diễn ra từ tháng 10 và tháng 11 tại Thủ đô Hà Nội. Trong đó, những hoạt động chính của Festival diễn ra từ ngày 9 - 12/11/2023 tại Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội. Để hiểu rõ hơn về thực trạng và giải pháp bảo tồn và phát triển Làng nghề, ngành nghề phát triển nông thôn, Tạp chí PHANO có cuộc trao đổi với ông Lê Đức Thịnh - Cục trưởng Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

PV: Trước hết xin ông có thể giới thiệu qua một số nét tổng thể về bức tranh làng nghề, ngành nghề phát triển nông thôn Việt Nam?

Ông Lê Đức Thịnh: Trải qua hàng ngàn năm lịch sử văn hiến - anh hùng, ông cha ta đã trao truyền cho muôn đời sau

những di sản vô giá về nghề và làng nghề truyền thống, mà ngày nay rất cần phải bảo tồn và phát triển. Trong số hàng ngàn làng nghề, đến nay cả nước đã công nhận hơn 2.000 làng nghề và nghề truyền thống. Và một nửa trong số đó là những tinh hoa hội tụ ở Thăng Long - Hà Nội.



Ông Lê Đức Thịnh, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

Hiện nay, quy mô của ngành nghề nông thôn có doanh thu là 202.391 tỷ đồng, giảm 11.624 tỷ đồng so với năm 2020; Tổng số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh 808.201 cơ sở, giảm 4.705 cơ sở so với năm 2020 (trong đó: có 13.201 doanh nghiệp, 5.582 hợp tác xã, 5.594 tổ hợp tác và 783.474 hộ sản xuất); Tạo việc làm cho khoảng 3,69 triệu lao động, tăng 1,45 triệu lao động so với năm 2020 (trong đó: lao động thường xuyên là 2,73 triệu và lao động thời vụ là 0,96 triệu); Thu nhập bình quân đầu người đạt 05 triệu đồng/người/năm. Xuất khẩu các sản phẩm và nguyên liệu đạt khoảng 3,3 tỷ USD (trong đó: xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ là 1,08 tỷ USD; gỗ mỹ nghệ 0,03 tỷ USD, sản phẩm gốm sứ 0,71 tỷ USD...).

Đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống: Cả nước

có khoảng 2008 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận, tăng 80 làng nghề so với năm 2020 (bao gồm: 1356 làng nghề và 652 làng nghề truyền thống) và có 54 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia thuộc loại hình Nghề thủ công truyền thống; Doanh thu của các làng nghề đã được công nhận là 75.720 tỷ đồng, tăng 17.332 tỷ đồng so với năm 2020; Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh 270.760 cơ sở, tăng 59.705 cơ sở so với năm 2020 (trong đó: có 3.307 doanh nghiệp, 401 hợp tác xã, 508 tổ hợp tác và 266.544 hộ sản xuất); Tạo việc làm cho khoảng 1,58 triệu lao động, tăng 0,96 triệu lao động so với năm 2020; Thu nhập bình quân đầu người đạt 05 - 06 triệu đồng/người/năm.

Có thể thấy, các làng nghề không chỉ là không gian kết tinh và lưu giữ những giá trị văn hoá, lịch sử, mà còn là sinh kế góp phần đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần bền vững của nhân dân. Ngày nay nhiều làng nghề đã trở thành địa điểm du lịch hấp dẫn thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam - Đất nước - Con người với bạn bè quốc tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

PV: Ông đánh giá thế nào về công tác phát triển ngành nghề nông thôn nói chung và công tác bảo tồn, phát triển

nghề truyền thống nói riêng trong thời gian vừa qua?

Ông Lê Đức Thịnh: Công tác phát triển ngành nghề nông thôn đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện.

Cụ thể, Chính phủ ban hành Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về Phát triển ngành nghề nông thôn; Thủ tướng Chính phủ ban hành

Quyết định 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030. Nhiều địa phương đã ban hành kế hoạch Bảo tồn và phát triển làng nghề; Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 3671/QĐ-BNN-KTHT ngày 28/9/2022 về triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030.



Phát triển Nghề truyền thống gắn với hoạt động thu hút du lịch đang được nhiều địa phương quan tâm.

Tổ chức sản xuất ngành nghề nông thôn đang có xu hướng chuyển sang mô hình sản xuất hợp tác theo chuỗi giá trị. Bắt đầu hình thành hệ thống doanh nghiệp thương mại làm nòng cốt, trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ

cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn, góp phần tăng khối lượng hàng hoá xuất khẩu, hoạt động dịch vụ du lịch làng nghề. Các sản phẩm xuất khẩu ngày càng đa dạng, mẫu mã phù hợp với thị hiếu nhu cầu thị trường, nhưng vẫn

giữa được nét văn hoá đặc sắc.

Các địa phương đã quan tâm xây dựng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, xúc tiến thương mại... để thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhân tham gia sản xuất kinh doanh các nhóm ngành nghề nông thôn. Đây là các cơ sở để ngành nghề nông thôn

phát triển và nâng cao chất lượng lao động nông thôn của địa phương. Tạo nhiều việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực ngành nghề nông thôn; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở khu vực nông thôn.

thấy, trong thời gian vừa qua, công tác phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, ngành Nông nghiệp và PTNT cùng với những lợi thế về truyền thống phát triển, cơ hội tiếp cận thị trường rộng mở... là những tiền đề rất thuận lợi để phát triển.

Tuy nhiên, công tác này cũng gặp một số hạn chế, khó khăn cơ bản như: Nhận thức còn có nhiều hạn chế của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ và nhân dân về tầm quan trọng, vai trò, vị trí của việc phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống trong cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng nông thôn mới và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vùng, miền.

Một số cơ chế chính sách được cho là chưa đủ để khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn như: quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, tiền thuê đất chưa phù hợp với đặc thù của ngành nghề nông thôn.

Phát triển ngành nghề nông thôn phần nhiều còn mang tính tự phát, phân tán, thiếu tính bền vững, các địa phương chưa xác định được tiềm năng, lợi thế trong các hoạt động ngành nghề nông thôn; quy mô sản xuất nhỏ, tận dụng lao động và sản xuất trong không gian các hộ gia đình là chủ yếu.



Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống góp phần gìn giữ văn hóa và giải quyết sinh kế ổn định cho người dân.

Cùng với đó, ngành Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ về bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Tổ chức các hội thảo, hội nghị và các hoạt động thông tin tuyên truyền về chương trình phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; bản tin trên truyền hình để nâng cao nhận thức và tăng cường công tác quản lý Nhà nước. Tổ chức các đoàn kiểm tra, hướng dẫn

công tác quản lý nhà nước, tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề tại các địa phương nhằm phát hiện tồn tại, vướng mắc và để kịp thời tháo gỡ cho các địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

PV: Từ thực tiễn công tác quản lý, theo ông, công tác phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống có những khó khăn hạn chế nào?

Ông Lê Đức Thịnh: Có thể



Những nghệ nhân tài hoa là linh hồn của các làng nghề truyền thống

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị, máy móc vào sản xuất, kinh doanh các nhóm ngành nghề nông thôn đang còn nhiều hạn chế, dẫn đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn còn hạn chế như: phần lớn vẫn chưa qua đào tạo, thiếu kiến thức về thị trường...

Nguyên liệu tự nhiên phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn đang bị suy giảm, thậm chí cạn kiệt do khai thác quá mức, thiếu tổ chức. Trong các kế hoạch đã được các địa phương ban hành, vẫn chưa có những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng làng nghề để thực hiện công tác bảo tồn và phát triển các làng nghề của địa phương.

Khó khăn trong tiếp cận tín dụng cũng như đầu tư khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao năng xuất lao

động, mẫu mã, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, gắn nhãn sản phẩm làng nghề cũng như liên kết sản xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

PV: Vậy đâu là nguyên nhân của những hạn chế đó?

Ông Lê Đức Thịnh: Có thể điểm một vài nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến một số khó khăn, hạn chế trong công tác bảo tồn và phát triển làng nghề, nghề phát triển nông thôn trong thời gian qua như: Chưa có những hoạch định, định hướng lâu dài có tính chiến lược cho việc phát triển ngành nghề, làng nghề, chưa xây dựng hệ thống chính sách hoặc chương trình tác động thiết thực cho làng nghề. Khả năng liên kết sản xuất, tiếp cận thị trường và nguồn lực từ bên ngoài còn hạn chế.

Các chính sách trong Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày

12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, Quyết định 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 chưa được các địa phương cụ thể hóa bằng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để triển khai nên chưa huy động được các nguồn lực đầu tư.

Sự liên kết giữa các trường, làng nghề, nghệ nhân, thợ thủ công và các doanh nghiệp (thương nhân) trong việc mở mang, truyền nghề, cấy nghề, cung cấp thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm chưa rộng rãi. Các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn thường có quy mô nhỏ, không có tài sản đảm bảo, thủ tục vay vốn phức tạp nên rất khó tiếp cận các nguồn vốn tiềm dung.

Nhiều địa phương chưa có chính sách phong tặng nghệ nhân, thợ giỏi cấp tỉnh để làm cơ sở phong tặng nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú. Chưa có chính sách để phong tặng nghệ nhân đối với các lĩnh vực như: sinh vật cảnh, chế biến thực phẩm... Việc quy hoạch và đầu tư các cụm tiểu thủ công nghiệp để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi du dân cư ở các địa phương do thiếu vốn nên triển khai còn chậm.

Công tác bảo vệ môi trường làng nghề vẫn chưa thực sự được ưu tiên tại các địa phương, kinh phí sự nghiệp môi trường còn hạn chế, thiếu cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường làng nghề, công tác quản lý còn thiếu chặt chẽ dẫn đến môi trường bị ô nhiễm

chưa được khắc phục, cải thiện. Nguồn vốn ngân sách để thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn rất hạn chế và chủ yếu lồng ghép từ các Chương trình MTQG, dự án, các nguồn vốn khác nên không đủ nguồn lực. Các vùng nguyên liệu nuôi trồng tập trung thiếu quy hoạch, bị thu hẹp do phải cạnh tranh với các loại cây trồng khác và chịu áp lực về đất đai của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa.

PV: Ngành Nông nghiệp và PTNT theo ông cần phải có định hướng và giải pháp cụ thể nào để thúc đẩy công tác bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trong tình hình mới?

Ông Lê Đức Thịnh: Trước hết, cần tập trung đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành nghề, làng nghề ở nông thôn. Tham mưu rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật phát triển ngành nghề, làng nghề nhằm đẩy mạnh sản xuất, bảo tồn và phát triển các ngành nghề, làng nghề gắn với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Định hướng phát triển cụ thể cho từng lĩnh vực ngành nghề nông thôn để phát huy thế mạnh, khắc phục những tồn tại hạn chế và gắn với bảo vệ cảnh quan, môi trường nông thôn. Trong đó, có một số giải pháp chính như áp dụng các tiến bộ khoa học, máy móc, thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm...

Kết hợp các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các

hoạt động ngành nghề nông thôn để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới. Đa dạng hóa các sản phẩm và loại hoạt động ngành nghề nông thôn ở khu vực nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, tích hợp đa giá trị, nhất là giá trị về văn hóa, lịch sử, truyền thống. Quan tâm phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, sinh hoạt và đời sống dân cư nông thôn.

Phát triển mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển nghề, làng nghề, các hội và hiệp hội nghề, làng nghề quy mô vùng, quốc gia. Đồng thời củng cố hoạt động của các trường, cơ sở dạy nghề phục vụ nhu cầu đào tạo, dạy nghề ở các địa phương.

Phát triển hạ tầng, xây dựng các cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư. Thúc đẩy phát triển bền vững (các loại hình kinh tế nông thôn, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát

thải khí nhà kính, bảo vệ tài nguyên, môi trường...) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

Đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định để cung cấp nguyên liệu cho các ngành nghề, làng nghề ưu tiên phát triển một số sản phẩm chủ lực như: Mây tre lá, gốm sứ, thêu dệt, dược liệu...tại các địa phương có điều kiện.

Thứ hai, tập trung cho ứng dụng KHCN, bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan và môi trường nhằm phát triển ngành nghề, làng nghề hiệu quả, bền vững.

Hình thành các mô hình du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái và du lịch các làng nghề truyền thống. Định hướng xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng khu vực đồng bộ như: Khu thu gom rác tập trung, hệ thống cung cấp nước (sinh hoạt và phục vụ sản xuất), điện, đường giao thông...



Nhiều sản phẩm làng nghề Việt Nam đã xuất khẩu đi nhiều thị trường trên thế giới.

Phát triển ngành nghề nông thôn gắn với việc bảo tồn các công trình, di tích lịch sử, công trình văn hoá, tâm linh ở nông thôn. Thực hiện và triển khai các giải pháp về công tác bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Thứ ba, phát triển thương mại các sản phẩm ngành nghề nông thôn. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm ngành nghề nông thôn để tiêu thụ sản phẩm trong nước và hướng tới xuất khẩu một số sản phẩm chủ lực như: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP, một số sản phẩm chế biến truyền thống...

Đa dạng hóa các hệ thống phân phối sản phẩm từ chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, khách sạn, resort đến các kênh thương mại điện tử (sendo, lazada, shopee..), các mạng xã hội (facebook, youtube, tiktok, zalo...).

Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất (thiết lập mã số vùng nguyên liệu, mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...) gắn với các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

PV: Vâng, xin ông có thể chia sẻ một vài thông tin về Festival Bảo tồn và Phát triển Làng nghề Việt Nam 2023?

Ông Lê Đức Thịnh: Năm 2023, Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT là đầu mối thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng có liên quan đến công tác bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn như: Dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ và triển khai các nội dung tại Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Hướng dẫn các địa phương triển khai Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/07/2022 của Thủ tướng chính phủ về Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và triển khai các nội dung Quyết định số 3671/QĐ-BNN-KTHT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 801/QĐ-TTg...

Trong đó, tổ chức các hoạt động trong Festival bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023 với các hoạt động chính như: Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ năm 2023; Hội thảo Quốc tế về phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ; Hội chợ quốc tế là một nhiệm vụ trọng tâm.

Xuất phát từ vị trí vai trò to lớn đó, năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức

"Festival bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam" từ tháng 10 đến tháng 11 với chuỗi hoạt động thiết thực diễn ra tại nhiều địa điểm ở Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt, từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 11 tại Khu Di tích Hoàng Thành Thăng Long sẽ diễn ra các hoạt động chính của Festival như: Vinh danh 100 nghệ nhân, thợ giỏi; Lễ khai mạc và Hội chợ quốc tế giới thiệu sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP.

Đây thực sự là cơ hội để thay đổi nhận thức mới về nghề và làng nghề; khơi dậy mạnh mẽ những nguồn lực nội sinh và ngoại sinh, cũng như tình yêu nghề và làng nghề truyền thống trong nhân dân; thúc đẩy kết nối giao thương, hợp tác quốc tế trong công tác bảo tồn và phát triển làng nghề...hướng tới mục tiêu "Kết nối tiềm năng - Gia tăng giá trị - Phát triển bền vững" và phát huy những giá trị tinh hoa làng nghề Việt trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế hiện nay. Đây cũng là sự kiện thiết thực chào mừng 78 năm Ngày truyền thống ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (14/11/1945 - 14/11/2023) và 69 năm ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2023).

PV: Xin trân trọng cảm ơn ông!



“Hà Nội ưu tiên thúc đẩy phát triển làng nghề gắn với hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn trong kinh tế tuần hoàn, tạo cơ hội để tạo môi trường liên kết giữa nghệ nhân, đội ngũ thiết kế trẻ với tinh thần khởi nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học chuyên ngành, tổ chức quốc tế phát huy ưu thế văn hóa địa phương, khát vọng phát triển kinh tế của cộng đồng tại các làng nghề truyền thống...”

(Ông Nguyễn Mạnh Quyền - Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội)

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ THỦ ĐÔ HÀ NỘI

"HỘI TỤ - KẾT TINH - LAN TỎA"

ThS. Nguyễn Văn Chí

Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Nông thôn mới Hà Nội



Trải qua hơn 1.000 năm văn hiến, Hà Nội vẫn luôn là trung tâm văn hóa lớn nhất nước với các di tích văn hóa vật thể và phi vật thể. Hà Nội vốn nổi tiếng vùng đất "Địa linh nhân kiệt" và Hà Nội đẹp, thơ mộng không chỉ bởi vẻ đẹp của 36 phố phường mà còn nổi bật bởi những làng nghề truyền thống nổi tiếng đã đi vào trong sử sách, thơ ca. Hà Nội – mảnh đất trăm nghề hội tụ đã tạo nên giá trị của một nền văn hóa. Trải qua biết bao nhiêu thăng trầm, biến cố, các làng nghề ở Hà Nội vẫn giữ được nét đẹp riêng khó lẫn, không nơi nào sánh được. Với bề dày lịch sử cùng câu chuyện ý nghĩa ẩn giấu trong từng sản phẩm,

những làng nghề này đã thành công mang những giá trị văn hóa đẹp đẽ nhất khắc sâu trong tâm hồn của mỗi người con đất Việt. Và đến nay, Thủ đô Hà Nội – cái nôi của hơn 1350 làng nghề và làng có nghề, hội tụ 47/52 nghề trong tổng số nghề truyền thống của cả nước. Thành phố hiện có 322 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận thuộc địa bàn 23 quận, huyện, thị xã. Trong đó, có 274 làng được công nhận danh hiệu Làng nghề, 48 làng được công nhận danh hiệu Làng nghề truyền thống với 6/7 nhóm nghề, bao gồm: (1) Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 69 làng nghề; (2) sản xuất

hàng thủ công mỹ nghệ có 22 làng nghề; (3) sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ 197 làng nghề; (4) sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh có 13 làng nghề; (5) xử lý chế biến, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn 16 làng nghề; (6) các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn 05 làng nghề;

Mỗi làng nghề đều mang một bản sắc riêng, tạo ra những sản phẩm độc đáo, tinh xảo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Các sản phẩm của làng nghề đa dạng, nhiều chủng loại, đa số mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, một số có thế mạnh cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, như: sản phẩm may mặc; sản phẩm gốm sứ; sản phẩm dệt và thêu, ren truyền thống; đồ gỗ phục vụ tiêu dùng và xây dựng, sản phẩm cơ khí, chế biến nông sản thực phẩm (bánh, bún, kẹo, giò chả, bánh chưng, chè, ...).

Để bảo tồn và phát triển làng nghề của Thủ đô phải kể đến vai trò quan trọng và quyết định của các nghệ nhân thợ giỏi ngày đêm năm tháng từ tư duy đến khối óc và đôi bàn tay thiên định để chắt chiu thổi hồn vào từng

tác phẩm để gửi gắm những thông điệp hồn cốt của làng nghề đến với bạn bè trong nước và quốc tế. Hà Nội hiện có 303 nghệ nhân trong đó 47 nghệ nhân nữ và 256 nghệ nhân nam. Có 13 nghệ nhân nhân dân, 42 nghệ nhân ưu tú, 248 nghệ nhân Hà Nội các nghệ nhân được Nhà nước phong tặng, trong năm 2023 đang xét cho 46 hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội và đã trình cấp Trung ương 38 hồ sơ đề nghị xét Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú là những "đầu tàu" gìn giữ những bản sắc, nét văn hóa truyền thống của các làng nghề. Đây cũng là những người thợ giỏi, những người thầy để lớp kế cận có thể học hỏi và nối tiếp những truyền thống, bản sắc văn hóa của các làng nghề. Sự phát triển làng nghề tạo nhiều cơ hội việc làm, không chỉ việc làm đối với người trong độ tuổi lao động mà còn giải quyết việc làm thêm cho cả người già, người khuyết tật, trẻ em. Làng nghề phát triển giúp tăng thu nhập cho người dân, rút ngắn khoảng cách về thu nhập cho người nghèo ở nông thôn. Hơn nữa, sự phát triển của làng nghề còn tạo điều kiện kết nối cộng đồng, phát triển những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, lưu giữ những tinh hoa nghệ thuật, lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Để thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; hỗ trợ phát triển làng nghề nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; giũ

gìn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống làng nghề của Thành phố, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, hàng năm, UBND Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền về làng nghề, ngành nghề nông thôn, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, kinh tế hộ và trang trại, gìn giữ, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng có nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Và

Để góp phần vào việc gìn giữ, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng có nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các sản phẩm, Thành phố Hà Nội thường xuyên tổ chức các sự kiện, Hội chợ, tuần hàng, Hội thi, lễ hội, tham gia hội chợ trong nước và quốc tế để tôn vinh các sản phẩm làng nghề; tạo sân chơi và khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi giao lưu học hỏi trao đổi kinh nghiệm để gìn giữ bảo tồn nét văn hóa đặc sắc của làng nghề, bên cạnh đó còn phát huy ý tưởng mới, tạo tác ra những tác phẩm mới phù hợp hội nhập với nhu cầu của thị trường đương đại trong nước và quốc tế.

Qua các hội thi hàng năm về thiết kế sáng tạo các mẫu mã sản phẩm và sản phẩm làng nghề tiêu biểu của Thủ đô; Các nghệ nhân thợ giỏi đã được thả hồn vào các tác phẩm để phát huy các trầm tích lịch sử văn hóa con người của địa phương cùng

với sự tạo tác đột phá để tạo nên những tác phẩm vừa gìn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc vừa phù hợp với xu thế tiêu dùng, mỹ thuật đương đại của trong nước và quốc tế.

Với bề dày lịch sử Thủ đô Hà Nội được mệnh danh là Đất trăm nghề thì du lịch trải nghiệm làng nghề đã và đang là hướng đi tất yếu cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Phải kể đến là làng nghề truyền thống gốm Bát Tràng nổi tiếng với nghề làm gốm cách đây hơn 500 năm, các nghệ nhân gốm với kinh nghiệm dày mì, uyên bác và đã khôi phục được một số đồ gốm từ thời xa xưa của thời nhà Lý, Trần, Lê, Mạc,... Gốm Bát Tràng được làm từ kỹ thuật tạo men và nung lò vô cùng tỉ mỉ và chuẩn xác để mang đến sự hài hòa nhất trong hình thể lẫn màu sắc của gốm.

Làng nghề Lụa Vạn Phúc với các sản phẩm lụa chất lượng và lâu đời nhất Việt Nam rất tinh xảo, các đường nét, hoa văn đa dạng, rất sang trọng và tinh tế làng lụa Vạn Phúc đang ngày càng phát triển và trở thành một điểm du lịch và tham quan cho khách du lịch khám phá, tìm hiểu về nét đẹp truyền thống của cha ông ta.

Làng nghề mây tre đan Phú Vinh là làng nghề thủ công truyền thống được ra đời và phát triển từ khoảng giữa thế kỷ 17. Làng nghề nổi tiếng với nghề đan tre truyền thống từ các nguyên liệu là tre, nứa, trúc,... qua bàn tay khéo léo và tinh hoa từ người thợ thủ công đã cho ra những tác phẩm mây tre vô cùng xuất

xắc và độc đáo, bảo vệ môi trường rất được du khách trong nước và quốc tế yêu thích.

Làng thêu ren Quất Động ra đời từ thế kỷ 17. Ban đầu, nghề chủ yếu là thêu các câu đối, câu trường,... để treo ở các đình, chùa và thêu các loại khăn, áo của trang phục cung đình. Nhưng về sau, làng thêu đã phát triển với những mặt hàng đa dạng hơn như áo gối, tranh thuê, quần áo,... những tác phẩm thuê đều được bàn tay khéo léo, tỉ mỉ của các nghệ nhân làm ra rất độc đáo và tinh xảo, thể hiện trong đó bao ý nghĩa sâu sắc.

Làng nón Chuông nổi tiếng với nghề làm nón cách đây vài thế kỷ chiếc nón lá gắn liền với người phụ nữ Việt Nam bên tà áo dài thướt tha tôn lên vẻ đẹp kiều diễm, e ấp vô cùng duyên dáng.

Làng nghề sơn mài Hạ Thái có từ khoảng thế kỷ 17. Lúc đó, làng mới chỉ có nghề sơn đồ nét, được trọng dụng vì nhiều nghệ nhân tài hoa, khéo léo. Chính vì chuyên nghề gia công đồ cho vua quan lúc bấy giờ nên người ta gọi nơi đây là làng nghề "dâng vua". Những năm 30 của thế kỷ trước, phường sơn son thếp vàng Hạ Thái có nhiều đổi thay lớn trong quá trình giao lưu cải biến văn hóa Đông - Tây. Những họa sĩ Việt Nam đầu tiên học trường Mỹ thuật Đông Dương đã tìm tòi, phát hiện thêm các vật liệu màu khác như vỏ trứng, ốc, cật tre... Đặc biệt là đưa thêm kỹ thuật mài để tạo nên kỹ thuật sơn mài độc đáo được làm từ đôi bàn tay tài hoa, sáng tạo và sự khéo léo của những người

nghệ nhân và thợ lành nghề trong làng.

Có thể thấy rằng bảo tồn và phát triển làng nghề đóng một vai trò quan trọng trong sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn ngoại thành, góp phần xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt ở các địa phương có làng nghề đã tăng trưởng cả về doanh thu, giá trị sản xuất và giá trị xuất khẩu qua các năm, trong đó, có khoảng 100 làng nghề đạt doanh thu từ 10 đến 20 tỷ đồng/năm, gần 70 làng nghề đạt từ 20 đến 50 tỷ đồng/năm và khoảng 20 làng nghề đạt trên 50 tỷ đồng/năm, đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương. Thu nhập bình quân của người lao động ở các làng nghề cao hơn nhiều so với lao động thuần nông, mức thu nhập bình quân phổ biến ở mức 4-5,5 triệu đồng/lao động/tháng. Các làng nghề khác nhau, mức thu nhập của các lao động cũng có sự khác nhau như: làng nghề mây tre đan thu nhập bình quân lao động đạt 11,2 triệu đồng/người/tháng, điêu khắc mỹ nghệ bình quân lao động đạt 10 triệu đồng/tháng. Đặc biệt gần đây các làng nghề trồng hoa, cây cảnh phát triển rất mạnh như: Làng nghề trồng hoa Giấy Phù Đổng: Thu nhập bình quân lao động đạt 26 triệu/người/tháng. Làng nghề hoa mai trắng thôn An Hòa thu nhập bình quân lao động 17 triệu/người/tháng, ... Các sản phẩm

làng nghề đã được xuất khẩu sang trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Để bảo tồn và phát triển làng nghề của Hà Nội ngoài việc phát triển sản phẩm kết nối với các quốc gia và vùng lãnh thổ; thì làng nghề Hà Nội phấn đấu để trở thành thành viên của mạng lưới các thành phố thủ công sáng tạo trên thế giới; là điểm đến không thể thiếu được của du khách trong nước và quốc tế gần xa.

Thành phố sẽ chủ động phối hợp với các đơn vị của Trung ương và các tổ chức trong nước, quốc tế để thực hiện hiệu quả chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề từ đó sẽ góp phần nâng cao ý thức cho những làng nghề truyền thống tập trung hơn vào đổi mới sáng tạo, hình thức mẫu mã... để các sản phẩm thủ công mỹ nghệ vừa gìn giữ được những bản sắc văn hóa hồn cốt của quê hương đất nước đồng thời có những bước cải tiến đột phá phù hợp xu thế hiện đại hội nhập, khẳng định vị thế của sản phẩm làng nghề Hà Nội "Hội tụ - kết tinh - lan tỏa" với cả nước và trên thị trường quốc tế. Nhằm thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023./.

Nghệ nhân có vai trò quan trọng trong phát triển làng nghề truyền thống ở Việt Nam

Ông Lưu Duy Dân

Chủ tịch Hiệp hội Làng nghề Việt Nam

Nghề thủ công truyền thống Việt Nam đã có lịch sử phát triển từ hàng nghìn năm nay. Bàn tay tài hoa của ông cha đã ghi dấu ấn trên tất cả các di tích lịch sử văn hóa, qua các triều đại. Cuộc khai quật khảo cổ Hoàng Thành Thăng Long (Hà Nội) đã phát hiện nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ được làm ra cách đây nghìn năm với công nghệ truyền thống, nghệ thuật tinh xảo tuyệt vời.

Sự phát triển của các ngành nghề truyền thống Việt Nam hiện nay không chỉ có vai trò nâng cao mức sống cho người dân mà còn là dấu ấn truyền thống văn hóa dân tộc qua mỗi thời kỳ. Đó là kho tàng văn hóa quý giá rất cần được gìn giữ và bảo tồn. Những năm đầu của thế kỷ XXI này, đã xuất hiện nhiều nghệ nhân, doanh nhân xuất chúng... những con người quy tụ ở họ gần như toàn bộ vốn liếng

và tài năng sáng tạo của cộng đồng về một hay vài lĩnh vực nào đó của văn hóa. Những người này đã tự mình sáng tạo hoặc chắt lọc, sáng tạo của cả cộng đồng, góp phần bổ sung, làm giàu thêm cho bản sắc văn hóa cộng đồng. Tổ chức giáo dục, khoa học, văn hóa của Liên hợp quốc - UNESCO đề nghị tặng họ danh hiệu "Báu vật nhân văn sống" của nhân loại, còn chúng ta phong tặng họ là Nghệ nhân.



Nghệ nhân Đặng Văn Hạ tạo ra nhiều sản phẩm tờ he hấp dẫn phục vụ du khách

Có những Nghệ nhân xuất chúng lưu danh cho đến ngày nay như Tổ nghề gốm Chu Đậu Bùi Thị Hý vào thế kỷ XV. Bà là chủ của hơn 10 trang phường gốm sứ, nay thuộc làng Quang Tiền, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Vào thời Lê Hiển Tông, ông tổ nghề khăm trai là Nguyễn Kim, người làng Thuận Nghĩa, tỉnh Thanh Hóa. Ông rất giỏi nghề khăm, vì bị sách nhiễu đã lánh nạn ra làng Chuyên Mỹ, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (bây giờ thuộc Hà Nội) và truyền dạy nghề cho dân làng tại đây.

Tổ nghề vàng bạc là 3 anh em họ Trần: Trần Hòa, Trần Điện, Trần Điện sống tại làng Định Công vào cuối thế kỷ thứ VI. Ba ông học được nghề này trong một cuộc lưu lạc tại một nước láng giềng sau đó đem về truyền dạy lại cho dân làng. Sau này thợ làng Định Công di chuyển về Thăng Long, cư trú tại phố Hàng Bạc.

Với mỗi người dân, tổ nghề luôn là những bậc thánh nhân mà họ hướng về với tài năng,

đức độ mà đời sau không ngừng học hỏi. Người dân tin rằng Tổ nghề sáng chế ra ngành nghề vẫn theo sát họ, quan tâm và phù hộ cho họ phát triển nghề nghiệp, hành nghề phát đạt.



Nhiều nghệ nhân trẻ tài hoa luôn sáng tạo nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề Việt Nam

Người Việt Nam luôn ghi nhớ và tôn thờ các Tổ nghề. Họ được người dân thờ phụng ở từ đường, đình làng, có khi được tôn là Thành hoàng làng nghề... Hàng năm, tại các nơi làm nghề thường có ngày giỗ Tổ và hội làng với các nghi thức tưởng nhớ công ơn tổ nghề và tôn vinh nghề rất long trọng và tôn kính.

Các vị Tổ nghề đều được dân làng thờ phụng với tất cả lòng thành kính và biết ơn. Các thế hệ nghệ nhân nối tiếp nhau từ đời này sang đời khác giữ nghề truyền thống cho đến ngày nay.

Hiện nay, đang có một đội ngũ nghệ nhân lâu năm, giàu kinh nghiệm nắm giữ gia tài nghề truyền thống của cha ông để lại. Họ thật sự là nòng cốt nuôi sống làng nghề, tạo dựng

thương hiệu cho làng nghề phát triển. Họ rất tâm huyết với nghề, vượt qua mọi khó khăn, vất vả dành cả cuộc đời cho nghề. Với bàn tay tài hoa, óc sáng tạo, họ đã lưu giữ được tất cả những tinh túy của nghề truyền thống, có công lớn trong việc giữ nghề, với bao công sức của nghệ nhân mà trải qua bao thăng trầm của lịch sử, nghề truyền thống thể hiện rõ nét tinh hoa văn hóa dân tộc vẫn tồn tại đến ngày nay.

Có thể nói những nghệ nhân lâu năm giàu kinh nghiệm là linh hồn của làng nghề, là "báu vật sống" nắm giữ tinh hoa của nghề truyền thống. Đó là chỗ dựa vững chắc cho làng nghề tồn tại và phát triển. Trong cuộc sống hiện đại, hàng tiêu dùng công nghiệp sản xuất hàng loạt bằng máy móc tràn ngập thị trường đã lấn át thủ công. Nhưng không vì thế mà hàng thủ công mất hẳn chỗ đứng mà ngược lại nó vẫn vươn lên thể hiện bản ngã độc đáo của mình. Khác hẳn với sản phẩm làm bằng máy móc đồng loạt, mỗi sản phẩm thủ công đều in đậm bàn tay tài hoa, sáng tạo, vốn tinh hoa văn hóa truyền thống của nghệ nhân. Mỗi nghệ nhân đã thể hiện tất cả kinh nghiệm cả đời, tài hoa, tình cảm, suy nghĩ, sáng tạo của mình lên mỗi sản phẩm và thổi hồn cho nó. Nghệ nhân giống như nghệ sỹ, làm việc với tâm hồn phong phú của mình khiến cho sản phẩm sống động với những nét riêng độc đáo mà các sản phẩm làm bằng máy móc không thể có được.

Ở nhiều nước công nghiệp phát triển trên thế giới, các sản phẩm thủ công vẫn tồn tại và phát triển mang đặc trưng văn hóa của mỗi nước. Hàng thủ công muốn tồn tại và phát triển phải dựa vào sức mạnh của mình tức là sức mạnh phải hàm chứa yếu tố văn hóa dân tộc. Thực tế cho thấy hiện nay trong các ngôi nhà hiện đại vẫn xuất hiện những bộ salong mây tuyệt đẹp, những chiếc lọ hoa, bộ ấm chén gốm sứ độc đáo, những bức tranh thêu cầu kỳ sang trọng, đồ thờ cúng gia tiên lồng lẫy,...ghi dấu ấn tài hoa của những người thợ thủ công. Dù cuộc sống có hiện đại đến mấy, mỗi người dân Việt Nam đều mong muốn ngôi nhà của mình

có dáng vẻ mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Ở các điểm du lịch, du khách trong nước và quốc tế đều mua các sản phẩm độc đáo của địa phương để làm đồ lưu niệm. Nhiều làng nghề

dệt thổ cẩm đã thu hút được nhiều du khách và bán được nhiều sản phẩm làm cho đời sống nhân dân được cải thiện.



Nhiều nghệ nhân đã gắn kết hoạt động nghệ nghiệp của mình với phát triển cộng đồng bền vững

Nghệ nhân giữ vai trò quan trọng như vậy, nhiều năm qua chưa được sự quan tâm đúng mức của các ngành, các cấp chính quyền và cả xã hội. Trước đây các làng nghề đã có lúc xuất khẩu tới hơn 1 tỷ USD, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động ở nông thôn. Trong những năm gần đây sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Việt Nam đã có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm gần 10% nhu cầu của thị trường toàn cầu. Kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam giai đoạn 2015-2019 tăng trung bình 9,5%/năm, từ 1,62 tỉ USD (2015) lên đến 2,23 tỉ USD (2019), khả năng có thể đạt gần 4 tỉ USD vào năm 2025.

Nhiều làng nghề truyền thống có mức sống cao từ 3-5 lần mức sống của các làng nghề thuần nông. Chính nơi này đang là bộ mặt xâ

dựng nông thôn mới. Nhưng bây giờ trong thời buổi kinh tế khó khăn toàn cầu, các làng nghề đang phải giải quyết hoàng loạt khó khăn như thiếu vốn, thiếu mặt bằng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn, chưa có vùng nguyên liệu ổn định, vấn đề ô nhiễm môi trường cũng trở nên nhức nhối... Nhiều nghệ nhân muốn vay vốn nhưng không được ưu đãi, từ đó ảnh hưởng lớn tới công việc sản xuất và đời sống của họ. Chưa có một cơ chế chính sách nào hỗ trợ nghệ nhân phát huy tài năng sáng tạo. Nhiều nghệ nhân nổi tiếng ngày càng già yếu, sức khỏe suy giảm đã bị rơi vào quên lãng. Đường như trong lĩnh vực này, chưa hề có chính sách trọng dụng nhân tài. Nhiều nghệ nhân cứ âm thầm, lặng lẽ làm việc không có bất kỳ quan tâm giúp đỡ nào trong hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, điều kiện làm việc thiếu thốn.

Hiệp hội Làng nghề Việt Nam được Nhà nước cho phép vinh danh và tôn vinh các nghệ nhân. Từ năm 2007 đến nay, Hiệp hội đã vinh danh được 72 Làng nghề tiêu biểu, 835 nghệ nhân Làng nghề Việt Nam, 72 Đơn vị kinh tế Làng nghề tiêu biểu, 95 sản phẩm TCMN Làng nghề tiêu biểu, 52 thợ giỏi Làng nghề Việt Nam, 115 Bằng vàng Gia tộc. 76% Nghệ nhân Làng nghề được Hiệp hội vinh danh Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam được Chủ tịch nước Phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân Nhân dân. Riêng lần Vinh danh các danh hiệu làng nghề Việt Nam lần thứ 10 năm 2022. Hiệp hội đã tiếp nhận hơn 300 hồ sơ gửi về từ các tỉnh thành trong cả nước. Hội đồng xét tặng cho 01 Làng nghề Văn hóa Du lịch tiêu biểu, 187 Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam, 16 Nghệ nhân VHNT ẩm thực làng nghề Việt Nam, 04 Bảo vật tinh hoa làng nghề Việt Nam, 05 Sản phẩm Thủ công Mỹ nghệ Tinh hoa làng nghề Việt Nam, 09 Bằng vàng gia tộc nghề Truyền thống Việt Nam, 16 Thợ giỏi Làng nghề Việt Nam, 03 Kỷ lục Độc bản.

Hoạt động tôn vinh Làng nghề và Nghệ nhân của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam đã có tác dụng rất lớn trong việc bảo tồn, xây dựng và phát triển làng nghề, chăm sóc nghệ nhân làng nghề gìn giữ và phát triển tinh hoa của nghề truyền thống.

Ở danh hiệu cấp Quốc gia, Nhà nước đã phong tặng nghệ nhân Nhân dân và Nghệ nhân Ưu tú cho 22 Nghệ nhân Nhân dân, 192 Nghệ nhân Ưu tú, trong đó có 15 Nghệ nhân Nhân dân, 135 Nghệ nhân Ưu tú là nghệ nhân làng nghề, hội viên của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam.

Những nghệ nhân và thợ giỏi của các làng nghề ngày nay vẫn đang phát huy trí tuệ của mình, phát minh những công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, mà lao động lại được giảm nhẹ. Ví như nghệ nhân Nguyễn Hữu Vụ ở làng chạm bạc Đồng Xâm đã sáng tạo ra khuôn đúc bằng kim loại thay thế cho khuôn đất, nên khuôn bền hơn và chất lượng sản phẩm được nâng cao hơn. Hoặc nghệ nhân Nguyễn Thanh Luân ở Làng thêu Văn Lâm đã phát minh ra chiếc bút vẽ mẫu bằng cách gắn một mỏ tơ điện nhỏ vào chiếc bút bi. Khi vẽ, chiếc bút bi có thể chấm lỗ rất nhanh và đều

đặn, với độ sâu đồng đều, tạo những nét vẽ mượt mà và gọn gàng. Công nghệ của ông đã được ứng dụng rộng rãi ở làng nghề, tạo điều kiện cho thợ vẽ mẫu chạm được những hình vẽ đẹp với công suất cao hơn và đẹp hơn vẽ tay nhiều lần.

Tại làng tranh Đông Hồ, nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế tuy đã ngoài 80 tuổi nhưng hàng ngày vẫn đến xưởng tranh của mình dù đã có con trai quản lý công việc. Trong khuôn viên xưởng vẫn có những bao tải đầy vỏ điệp và chiếc cối già vỏ điệp để làm giấy vẽ; những dãy chum sành ngâm các loại hoa-lá-rễ cây để chế biến màu vẽ từ thiên nhiên; những người thợ vẫn hàng ngày quét bột điệp lên giấy dó, cắm cuí chạm khắc những bản mẫu in... Căn nhà riêng của gia đình ông có treo bức ảnh lớn vẽ sơ đồ dự án phát triển doanh nghiệp, thể hiện ước mơ của ông sẽ phát triển theo hướng kết hợp làng nghề với du lịch và giáo dục truyền thống.

Thời nay, có những nghệ nhân được học hành bài bản, kết hợp tài năng trời phú, sự tinh xảo của đôi tay với kiến thức của nhà trường để gửi vào sản phẩm những sáng tạo độc đáo. Ví như nghệ nhân Nguyễn Danh Tú của Làng gốm Bát Tràng, trên nền những kiến thức học được từ Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp, đã phát huy sức sáng tạo của mình, làm chủ được kỹ thuật gốm thấu quang, khắc hoa văn trên đèn gốm thấu quang (còn gọi là ám họa). Những chiếc đèn lớn được trang trí bằng những họa tiết mềm mại và tinh xảo, được thực hiện hoàn toàn thủ công một cách điêu luyện, tỉ mỉ từng li từng tí, chỉ một góc sản phẩm vài chục cm² mà có khi phải khổ công cả tháng trời. Không chỉ vậy, đòi hỏi một kỹ thuật nung gốm có tay nghề cao và kỳ công thì mới bảo đảm chất lượng, giữ nguyên được các đường nét tinh tế của các họa tiết, làm cho sản phẩm có hồn.

Có thể nói, những nghệ nhân là người nắm giữ những bí quyết riêng trong việc sáng tạo những sản phẩm độc đáo; những kỹ năng thao tác và cả những điều tinh tế chỉ có thể cảm nhận chứ khó phân tích bằng lời. Họ chính là người giữ nghề, bảo đảm cho làng nghề truyền thống tồn tại và phát triển.



Nghệ nhân là hồn cốt của các làng nghề

Các nghệ nhân lâu năm đến nay vẫn giữ nghề nhờ việc truyền nghề từ đời này sang đời khác, “cha truyền con nối”. Mỗi nghệ nhân đều dày dặn kinh nghiệm được tích lũy qua năm tháng của cuộc đời. Việc truyền nghề thường được diễn ra trong một gia đình cho nên mỗi người đều nắm một bí quyết gia truyền. Nay những nghệ nhân-bảo tàng sống ấy ngày càng cao tuổi và dần dần sẽ đi vào cõi vĩnh hằng mang theo tất cả tài sản quý giá mà họ nắm giữ. Một câu hỏi đặt ra ai là người giữ nghề Tổ. Chỉ có một cách duy nhất mà cha ông ta đã làm là truyền nghề cho lớp người trẻ tuổi, truyền cho con cháu. Công việc này vô cùng khó khăn trong bối cảnh hiện nay khi làng nghề chưa tìm kiếm được thị trường, sản xuất ngưng trệ, nghệ nhân không có “đất dụng võ” để sống lâm vào cảnh túng thiếu. Những người trẻ tuổi không thiết tha với nghề khi cầm cùi làm nón cả ngày mới chỉ được năm sáu trực đồng trong khi đó chạy ra thành phố có thể kiếm việc làm thu được số tiền gấp ba, năm lần như vậy. Chính vì vậy, đã xảy ra tình trạng “cha truyền con không

nối”, nghề Tổ đứng trước nguy cơ bị thất truyền.

Theo GS.TSKH Tô Ngọc Thanh, chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam cho biết: “Muốn giữ nghề thì nhà nước, các cơ quan chức năng cần quan tâm hơn đến các nghệ nhân, sớm hoàn thiện các quy định về chế độ ưu đãi, công nhận danh hiệu nghệ nhân cho họ. Các nghệ nhân là báu vật của các làng nghề nhưng việc đai ngộ đối với họ chưa được tương xứng, cụ thể là việc công nhận và phong tặng danh hiệu nghệ nhân chưa được thực hiện tốt. Rất nhiều nghệ nhân tới già, thậm chí đến lúc mất, vẫn chưa được công nhận”.

Một vấn đề nữa cần được cơ quan quản lý chú trọng là công tác trao truyền. Ngoài vinh danh các nghệ nhân, việc gây dựng các thế hệ kế tục sự nghiệp gìn giữ, phát huy giá trị di sản nghề là rất quan trọng. Để làm tốt việc này, cần thực hiện tốt các chính sách đai ngộ nghệ nhân “báu vật nhân văn sống” song hành với việc bảo tồn, phát huy, khai thác các giá trị văn hóa trong làng nghề. Nếu thực hiện tốt, các nghệ nhân và di sản văn hóa vừa là “kho báu” vừa là “chiếc cần câu”, là nguồn lực phát triển kinh tế trước mắt cũng như lâu dài của người dân, chính quyền địa phương và cả quốc gia.

Trong việc này, vai trò của lớp trẻ - những người kế cận bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, di sản nghề cũng rất quan trọng. Với thế mạnh hiểu biết về khoa học kỹ thuật, công nghệ, thế hệ trẻ cần phát huy khả năng sáng tạo trong việc khai thác nguồn tài nguyên “kho báu” và phát triển thành những sản phẩm hiệu quả đóng góp cho nền công nghiệp văn hóa đất nước.

Bảo tồn làng nghề: Dưới góc nhìn Văn hóa và Phát triển

TS. PHẠM VIỆT LONG

Việt Nam đã từng bước tiến vào một thời đại hiện đại với các thành tựu về công nghệ và kinh tế. Tuy nhiên, không được quên mất rằng một phần quan trọng của di sản văn hóa Việt Nam nằm trong các làng nghề truyền thống và làng nghề sáng tạo. Các làng nghề này đóng góp không chỉ vào vẻ đẹp đa dạng của văn hóa Việt mà còn là nguồn tạo ra giá trị văn hóa, thương mại, và du lịch đáng kể.

Giá trị văn hóa của làng nghề

Làng nghề Việt Nam đã và đang đóng góp một phần quan trọng vào sự phong phú và đa dạng của văn hóa Việt. Các làng nghề truyền thống và làng nghề sáng tạo không chỉ là nơi thể hiện những kỹ thuật và bí quyết nghề nghiệp, mà còn là nguồn tạo lập những tác phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo.

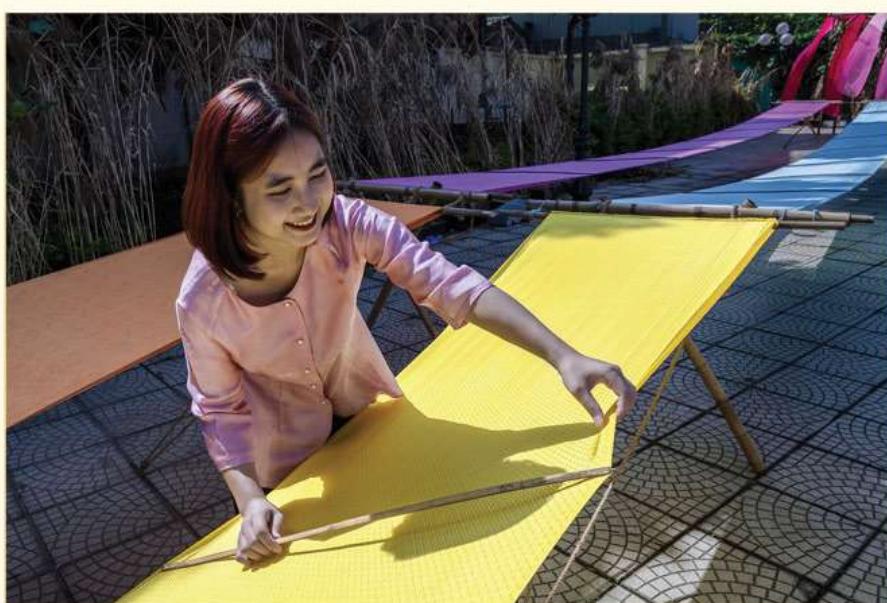
Các làng nghề truyền thống

ở Việt Nam, như làng gốm Bát Tràng, làng đúc đồng Đại Bá, và làng lụa Vạn Phúc, là những kho tàng kiến thức và kỹ thuật truyền thống. Chúng bắt nguồn từ lịch sử lâu đời, có bản sắc riêng biệt và liên kết mật thiết với địa phương. Những kỹ thuật và bí quyết nghề nghiệp truyền thống ở các làng nghề này đã được trao truyền qua nhiều thế hệ, tạo ra những sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo.

Những sản phẩm từ các làng nghề truyền thống không chỉ mang giá trị sử dụng mà còn có ý nghĩa văn hóa, tâm linh và biểu tượng của làng nghề, vùng miền, và dân tộc. Lễ hội và hoạt động văn hóa dân gian liên quan đến làng nghề thể hiện sự đoàn kết, sáng tạo, và tự hào của cộng đồng.

Làng nghề sáng tạo, một phần quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể, đã thích ứng với nhu cầu và xu hướng của thị trường và xã hội hiện đại. Chúng kết hợp những kinh nghiệm và bí quyết từ làng nghề truyền thống với kiến thức, công nghệ, và nguồn lực mới để tạo ra những sản phẩm thủ công mỹ nghệ có chất lượng cao, độc đáo, đa dạng, và phong phú.

Sản phẩm làng nghề không chỉ có giá trị thương mại cao mà còn có giá trị thẩm mỹ. Chúng là những tác phẩm nghệ thuật kết hợp giữa những yếu tố truyền thống và hiện đại, sáng tạo và đa dạng. Các sản phẩm này phản ánh những giá trị lịch sử, xã hội, tâm linh và triết học



Phơi lụa làng Vạn Phúc

của dân tộc, mang trong mình tinh hoa của đất nước.

Những sản phẩm làng nghề không chỉ là những đại diện văn hóa của Việt Nam, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Chúng là nguồn tài liệu quý báu cho việc tìm hiểu về lịch sử, phát triển và sự thay đổi của làng nghề qua thời gian.

Các sản phẩm làng nghề còn có khả năng quảng bá hình ảnh và thương hiệu của Việt Nam ra thế giới. Đồng thời, chúng là nguồn cảm hứng cho sự sáng tạo và phát triển của nền văn hóa dân tộc, giúp thế

hệ trẻ hiểu và trân trọng giá trị văn hóa truyền thống.

Giá trị văn hóa du lịch của làng nghề Việt Nam là một khía cạnh độc đáo và hấp dẫn của văn hóa dân tộc. Chúng tạo ra không chỉ cơ hội quảng bá hình ảnh và thương hiệu của Việt Nam trên thế giới mà còn thu hút sự tò mò và sự yêu thích của du khách cả trong và ngoài nước.

Những khu du lịch văn hóa, nông thôn và sinh thái không chỉ tạo ra những trải nghiệm độc đáo cho du khách mà còn mang lại thu nhập, việc làm và cơ hội phát triển cho người dân nông thôn và làng nghề.

Giá trị kinh tế của làng nghề

Làng nghề đã đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Trước hết, ngành này đã tạo ra một lượng lớn việc làm cho người dân, giúp cải thiện thu nhập và chất lượng cuộc sống. Theo Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, có trên 5.400 làng nghề và làng có nghề trên toàn quốc, trong đó gần 2.000 làng nghề truyền thống thu hút khoảng 11 triệu lao động tham gia. Các ngành sản xuất và thủ công trong làng nghề đã cung cấp hàng triệu công việc, đặc biệt là tại các vùng nông thôn.



Làng nghề cũng đã đóng góp vào xuất khẩu sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế. Sản phẩm từ các làng nghề ở Việt Nam đã được tiêu

thụ tại hơn 160 quốc gia trên thế giới, đạt doanh số xuất khẩu 1,7 tỷ USD hàng năm. Sự đa dạng trong kinh tế và phát triển cộng đồng cũng

là một đặc điểm quan trọng của làng nghề. Các ngôi làng nghề thường tập trung ở các khu vực cụm, tạo ra cơ hội kinh doanh và việc làm cho người

dân. Điều này không chỉ giúp cải thiện thu nhập mà còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như giao thông, giáo dục và dịch vụ, đóng góp vào sự phát triển mạnh mẽ của cộng đồng.

Cuối cùng, làng nghề còn thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và công nghệ của Việt Nam. Các kỹ thuật sản xuất tiên tiến và quy trình làm việc hiệu quả đã được áp dụng trong nhiều lĩnh vực, từ sản xuất điện tử đến công nghiệp ô tô, góp phần vào sự hiện đại hóa và nâng cao năng suất trong nền kinh tế quốc gia.

Bảo tồn làng nghề

Bảo tồn làng nghề là nhiệm vụ tất yếu và cấp bách. Mặc dù có giá trị văn hóa lớn lao, có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước, nhưng làng nghề đang đối mặt với nhiều thách thức và nguy cơ suy thoái trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển kinh tế. Một số nguyên nhân chính gây ra tình trạng này là: sự cạnh tranh gay gắt của hàng hóa công nghiệp hóa, sự thiếu hụt nguồn nhân lực và vốn đầu tư, sự mất đi của những kỹ năng và bí quyết truyền thống, sự thiếu hợp tác và liên kết giữa các làng nghề, sự thiếu quan tâm và hỗ trợ của nhà nước và xã hội, sự ô nhiễm và hủy hoại môi trường do quá trình sản xuất.v.v.

Theo Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, có đến 46% số làng nghề trong diện điều tra có môi trường bị ô nhiễm nặng đối với không khí, nước, đất

hoặc cả 3 dạng trên và có đến 27% số làng nghề bị ô nhiễm dạng vừa. Để bảo tồn làng nghề, cần có sự tham gia và đóng góp của nhiều bên liên quan, như nhà nước, các tổ chức xã hội, các nhà khoa học, các nhà sản xuất, các nhà tiêu dùng, các du khách.v.v. Một số giải pháp có thể được đề xuất như sau:

Đầu tiên, cần nghiên cứu và khảo sát về tình hình hiện tại, tiềm năng và đặc điểm của các làng nghề, để hiểu rõ những giá trị văn hóa và kinh tế mà chúng mang lại.

Thứ hai, cần xây dựng và thực hiện các chính sách và quy định nhằm bảo vệ và khuyến khích các làng nghề, ví dụ như cấp bằng chứng nhận, cấp quyền sử dụng đất, miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính, tạo điều kiện xuất khẩu.v.v. Các chính sách và quy định này cần phù hợp với đặc thù của từng làng nghề, có tính khả thi và hiệu quả, và được giám sát và đánh giá thường xuyên.

Thứ ba, cần tổ chức các hoạt động đào tạo và truyền bá kỹ năng và kiến thức về làng nghề cho các thế hệ trẻ, để duy trì và phát triển những nghề truyền thống. Các hoạt động này có thể bao gồm các lớp học, các hội thảo, các cuộc thi, các chương trình truyền hình. v.v. để tạo sự hứng thú và tôn trọng đối với các làng nghề.

Thứ tư, cần khuyến khích và hỗ trợ các làng nghề phát triển các sản phẩm mới, sáng tạo và đa dạng, để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của thị trường

trong và ngoài nước. Các sản phẩm này có thể kết hợp giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa các nghệ thuật và công nghệ, giữa các văn hóa và phong cách. v.v. để tạo ra những sản phẩm độc đáo và hấp dẫn.

Cuối cùng, cần thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong quá trình sản xuất của các làng nghề, để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe của con người. Các biện pháp này có thể bao gồm việc sử dụng các nguyên liệu và năng lượng tái tạo, giảm thiểu và tái chế các chất thải, áp dụng các tiêu chuẩn và quy trình sản xuất xanh.v.v.

Tóm lại, làng nghề Việt Nam đóng góp không chỉ vào kinh tế mà còn vào sự phát triển văn hóa và xã hội. Bảo tồn và phát triển làng nghề là một phần quan trọng của việc đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, đồng thời giữ vững và phát triển những giá trị truyền thống quý báu của Việt Nam.

100

NGHỆ NHÂN THỢ GIỎI TIÊU BIỂU TOÀN QUỐC

Tại Festival Bảo tồn và Phát triển Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND thành phố Hà Nội tổ chức từ ngày 9-12/11/2023 tại Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long, BTC đã tôn vinh 100 Nghệ nhân, Thợ giỏi tiêu biểu toàn Quốc năm 2023. Dưới đây là danh sách:



1. Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả

Sinh năm: 1963

Địa chỉ: Khu phố Đông Khê, phường Song Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Sản phẩm sản xuất: Tranh Đông Hồ.

Danh hiệu: Năm 2012, ông đã được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam phong tặng Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam. Năm 2017, ông được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh phong tặng Nghệ nhân cấp tỉnh. Năm 2020, ông được Chủ tịch nước phong tặng Nghệ nhân Uy tín. Tác phẩm: "Lúa ngô khoai sắn" đạt Giải Ba cấp Bộ.

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Phúc Lộc Thọ" là sản phẩm tiêu biểu tại "Hội thi sản phẩm thủ công Việt Nam lần thứ 6 năm 2009"; Năm 2010, sản phẩm "Sắc phong" đạt sản phẩm tiêu biểu vòng Chung khảo "Hội thi sản phẩm thủ công Việt Nam lần thứ 7, cúp Thăng Long 1000 năm; Năm 2011 sản phẩm tranh gỗ "Tứ bình" được vào vòng Chung khảo Hội thi sản phẩm thủ công Việt Nam lần thứ 8, đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch.



2. Nghệ nhân Vũ Văn Hoan

Sinh năm: 1984

Địa chỉ: thôn Vân Dương, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Sản phẩm sản xuất: Điêu khắc gỗ (Thủ công mỹ nghệ).

Danh hiệu: Thợ giỏi

Một số thành tích đạt được: Có tác phẩm "Mầm sống" đạt Giải Ba; tác phẩm "Cây lúa" đạt Giải Nhất và được tặng Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT.



3. Nghệ nhân Lê Ngọc Hùng

Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Làng nghề truyền thống Trống Đọi Tam, tỉnh Hà Nam.

Sản phẩm sản xuất: Trống.

Danh hiệu: Nghệ nhân ưu tú

Một số thành tích đạt được: Được Hội di sản văn hóa Việt Nam tặng bằng khen và kỷ niệm chương, Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam tặng bằng khen; Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn; Chứng nhận thương hiệu

an toàn vì sức khỏe cộng đồng của công ty CP đầu tư sản xuất và TM Tràng Tiền 35; Hiệp hội Làng nghề Việt nam tặng bằng khen; Chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực các năm 2017, 2018, 2020; Hiệp hội Chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam tặng bằng khen; Chứng nhận sản phẩm thủ công mỹ nghệ làng nghề tiêu biểu năm 2018 của Hội làng nghề Việt Nam; Sản phẩm thùng rượu rõ sồi của nghệ nhân đạt TOP10 sản phẩm chất lượng cao Việt Nam; Thương hiệu trống thanh hùng đạt danh hiệu thương hiệu xuất sắc 3 miền năm 2017; Sản phẩm bộ trống định âm của nghệ nhân đạt Giải Khuyến khích bình chọn sản phẩm tiêu biểu tại Festival nghề truyền thống Huế năm 2019; được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam tặng bằng khen.



4. Nghệ nhân Nguyễn Ngọc Minh

Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Làng Đúc đồng Vạn Điểm, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Sản phẩm sản xuất: Đúc đồng

Danh hiệu: Nghệ nhân bàn tay vàng của Hội nghệ nhân và Thương hiệu Việt Nam

Một số thành tích đạt được: Đã có nhiều tác phẩm đúc đồng đạt các giải tại các Hội thi của chuyên ngành của các hiệp hội, tỉnh Nam Định và toàn quốc.



5. Nghệ nhân Thảo A Dũng

Sinh năm:

Địa chỉ: Bản Xì Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Sản phẩm sản xuất: Khèn Mông

Danh hiệu: Thợ Giỏi

Một số thành tích đạt được: Bằng khen của UBND huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu về có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Lai Châu đợt 2 năm 2022 (Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Tam Đường; Giữ gìn kho tàng văn hóa người Mông; truyền nghề sản xuất Khèn Mông.



6. Nghệ nhân Nguyễn Long Biểu

Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Làng đá mỹ nghệ Non nước 55 Huyền Trân Công Chúa, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Sản phẩm sản xuất: Điêu khắc đá mỹ nghệ

Danh hiệu: Nghệ nhân nhân dân năm 2016

Một số thành tích đạt được: Huân chương lao động hạng 3; 02 bằng khen thủ tướng chính phủ năm 2003, 2007; Bằng khen bộ văn hoá, 02 bằng khen tp đà nẵng năm 2003, 2005.



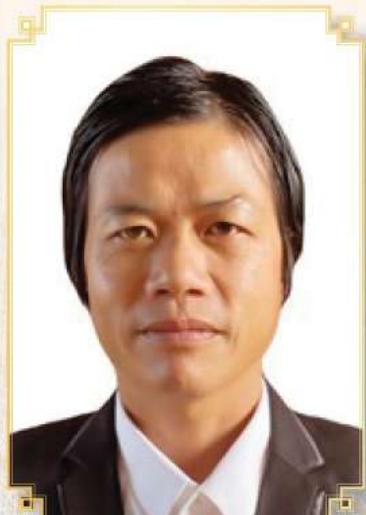
7. Nghệ nhân A Huynh

Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Làng Chốt, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Sản phẩm sản xuất: Tượng gỗ dân gian, Dân tộc Gia Rai

Danh hiệu: Nghệ nhân ưu tú Một số thành tích đạt được: Giấy chứng nhận Nghệ nhân Ưu Tú A Huynh đã cống hiến xuất sắc trong công tác hỗ trợ tập luyện cho các đội tham gia hội thi "Tại hội thi Công chiêng, xoang các dân tộc thiểu số lần thứ nhất tỉnh Kon Tum năm 2022" đã được Giám đốc Sở Văn hóa thể thao và du lịch.



8. Nghệ nhân Lê Trọng Nghĩa

Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Sản phẩm sản xuất: Chạm khắc mỹ nghệ

Danh hiệu: Nghệ nhân cấp tỉnh

Một số thành tích đạt được: UBND tỉnh chứng nhận đạt danh hiệu nghề chạm khắc mỹ nghệ 2015; Bằng khen của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng năm 2012, 2016; Bằng khen của Hội Sinh Vật Cảnh Việt Nam năm 2012, 2014; Giấy khen của UBND thành phố Đà Lạt năm, 2013, 2015; Giấy khen của Sở Công thương Lâm Đồng; Đạt giải sáng tạo Thủ công mỹ nghệ năm 2014; Tác phẩm "Tượng gỗ đúc mộc" đạt giải khuyến khích Hội thi sáng tạo CN TTCN năm 2014; Giấy khen của UBND huyện Lâm Hà 2015.



9. Nghệ nhân Lê Ngọc Thuận

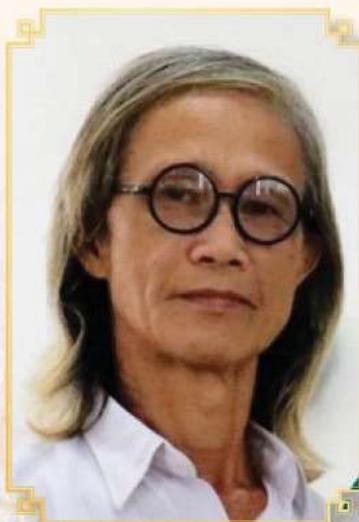
Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Làng Củi Lũ, tỉnh Quảng Nam.

Sản phẩm sản xuất: Điêu khắc gỗ mỹ nghệ

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Đã có nhiều tác phẩm Điêu khắc gỗ mỹ nghệ đạt các giải tại các Hội thi của chuyên ngành của các hiệp hội, tỉnh Nam Định và toàn quốc.



10. Nghệ nhân Lê Văn Nghĩa

Sinh năm: 1958

Địa chỉ: Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Sản phẩm sản xuất: Tranh từ lá sen

Danh hiệu: Tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Giải nhì Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2022 (tranh Bác Hồ làm từ lá sen) của Bộ NN&PTNT. Giấy khen sản phẩm đạt giải thưởng tại Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2022 của Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn. Giấy chứng nhận Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực năm 2022 của Cục Công thương địa phương. Chứng nhận Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Huyện, Tỉnh năm 2020.



11. Nghệ nhân Nguyễn Văn An

Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Làng trống Bình An, 364B, ấp Bình An, xã Bình Lãng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Sản phẩm sản xuất: Trống

Danh hiệu: Nghệ nhân cấp tỉnh

Một số thành tích đạt được: 01 Bằng chứng nhận của TW Đoàn TNCSHCM; 12 Bằng khen UBND tỉnh long An; 24 giấy khen Huyện Tân Trụ; 7 giấy khen xã Bình Lãng; 5 giấy chứng nhận nông thôn tiêu biểu cấp huyện và tỉnh.



12. Nghệ nhân Nguyễn Văn Tốt

Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Làng nghề đóng xuồng, ghe huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Sản phẩm sản xuất: Đóng xuồng ghe

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Giấy chứng nhận của UBND huyện chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện năm 2016; Giấy chứng nhận của UBND Tỉnh chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Tỉnh năm 2016. Chứng nhận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2021.



13. Nghệ nhân Phạm Thanh An

Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Làng nghề dệt choàng xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Sản phẩm sản xuất: Thủ dệt

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Giấy chứng nhận của Bảo tàng Dân tộc học: Đã tham gia hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân gian trong chương trình Trung thu 2017: Sắc màu văn hóa Đồng Tháp tại Bảo tàng dân tộc học Việt Nam

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp: Đã có thành tích tiêu biểu trong bảo tồn và phát huy Nghề thủ công truyền thống "Nghề dệt choàng" xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp: Đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong đóng góp xây dựng xây dựng và thực hiện Đề án phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015 – 2020; Giấy chứng nhận của Cục trưởng Cục Công thương địa phương: Bộ sản phẩm Khăn choàng và sản phẩm làm quà tặng đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2022.



14. Nghệ nhân Lê Hoàng Hà

Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Sản phẩm sản xuất: Thiết kế mỹ thuật giấy da

Danh hiệu: Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam

Một số thành tích đạt được: Đã có nhiều tác phẩm Thiết kế mỹ thuật giấy da đạt các giải tại các Hội thi của chuyên ngành của các hiệp hội, tỉnh Nam Định và toàn quốc.



15. Nghệ nhân Hạ Bá Định

Sinh năm: 1943

Địa chỉ: Phường Tân Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Sản phẩm sản xuất: Thiết kế mỹ thuật gốm

Danh hiệu: Nghệ nhân Uu tú

Một số thành tích đạt được: Nghệ nhân Hạ Bá Định đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Uu tú năm 2016 do có công đóng góp một phần cho việc giữ gìn và truyền nghề cho các thế hệ sau. Nhiều sản phẩm của Nghệ nhân Hạ Bá Định trực tiếp sáng tác có giá trị về văn hóa, nghệ

thuật, thẩm mỹ cao và đã được Văn phòng Chính phủ lựa chọn làm quà tặng cho Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Nguyên Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tặng khách trong những năm qua.



16. Nghệ nhân Nguyễn Ngọc Thạch

Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Sản phẩm sản xuất: Đan cói bèo bồng

Danh hiệu: Nghệ nhân cấp tỉnh

Một số thành tích đạt được: Đạt giải khuyến khích hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2020 với sản phẩm Bộ giỏ xách nội trợ xanh và sản phẩm bao bì, năm 2022 với Bộ sản phẩm thời trang cói Việt được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp; Giấy khen đã có sản phẩm đạt giải thưởng hội thi

sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2022 được Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn cấp; Giấy chứng nhận bình chọn là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2014 với sản phẩm Mũ bẹ ngô được UBND tỉnh cấp; Giấy chứng nhận đạt giải C cuộc thi mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ tỉnh Ninh Bình năm 2017 với sản phẩm Làng cói du lịch Ninh Bình, đạt giải B năm 2019 với sản phẩm Bộ sản phẩm túi xách thời trang được Sở Công Thương cấp. Huân chương chiến công hạng Ba, Huy chương chiến sỹ vẻ vang hàng ba, Huy chương của nhà nước Lào trao tặng.



17. Nghệ nhân Nguyễn Việt Võ

Sinh năm: 1957

Địa chỉ: thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Sản phẩm sản xuất: Giày da

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Bằng khen Sản phẩm suất sắc cuộc thi mẫu Giày Nam tháng 9 năm 2023. Bằng khen trong việc bảo tồn và duy trì Làng nghề của các hiệp hội chuyên ngành và chính quyền địa phương.



18. Nghệ nhân Lê Nam Trung

Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Tổ 94 Khu Đồn Điền, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Sản phẩm sản xuất: Nuôi cấy, chế tác ngọc trai

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Giấy chứng nhận "Hoàn thành khóa thực tập kỹ thuật nuôi cấy trai nước mặn" được trao bởi tỉnh trưởng tỉnh Kumamoto ngày 17/03/1995. Đạt giải Ba Hội thi sáng tạo kỹ thuật nông nghiệp nông thôn tỉnh Quảng Ninh lần thứ I Với giải pháp kỹ thuật sản xuất giống trai Mã

thị Pinctada martensii. Các giống trai nuôi cấy đạt giải OCOP 5 sao năm 2017. Được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phát triển hội doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Ninh - năm 2013. Được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Tỉnh Quảng Ninh tặng Giấy khen do đã có thành tích xuất sắc tham gia xây dựng Hội Doanh nghiệp trẻ và hoạt động công tác Đoàn, phong trào TTN tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2009 - 2012 - năm 2012. Được Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam tặng Bằng khen do Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Ninh năm 2016 - năm 2016. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen do Đạt danh hiệu "Doanh nhân xuất sắc" năm 2009 - năm 2009. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen do Đã có thành tích xuất sắc đóng góp xây dựng tỉnh Quảng Ninh năm 2005 - năm 2006

Bộ trưởng bộ thủy sản Bangladesh sang để học hỏi kỹ thuật nuôi cấy trai.



19. Nghệ nhân Nguyễn Thị Hiep

Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố Lò Cang, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sản phẩm sản xuất: Gốm sứ và thủy tinh

Danh hiệu: Thợ giỏi tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Bộ lọ Dưới ánh trăng" đạt Giải Nhì, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



20. Nghệ nhân Nguyễn Thị Kim Hoa

Sinh năm: 1982

Địa chỉ: 82A tổ 23, KP5 Trảng Dài, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sản phẩm sản xuất: Gốm sứ và thủy tinh

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Em và Rừng" đạt Giải Ba, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



21. Nghệ nhân Trần Thị Hiền

Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ 1, phường Cầu Mây, thị xã SaPa, tỉnh Lào Cai.

Sản phẩm sản xuất: Dệt, thêu đan, móc

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Hương rừng Sapa"" đạt Giải Nhì, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



22. Nghệ nhân Đặng Việt Bảo

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: 46 Nguyễn Hoàng, phường Kim Long, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sản phẩm sản xuất: Dệt, thêu đan, móc

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Bộ cravat Khí Chất Triều Đại" đạt Giải Ba, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



23. Nghệ nhân Thân Thị Thu Hoài

Sinh năm: 1986

Địa chỉ: 40 Tổ 21 khu phố 2, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sản phẩm sản xuất: Dệt, thêu đan, móc

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm Tranh thêu tay "Tháng năm rực rỡ" đạt Giải Ba, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



24. Nghệ nhân Nguyễn Thị Liên

Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Ngõ 312, gác 3, Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Sản phẩm sản xuất: Mây, tre, lá tự nhiên

Danh hiệu: Nghệ nhân

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Khăn choàng" đạt Giải Khuyến khích, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



25. Nghệ nhân Vi Văn Thắm

Sinh năm:

Địa chỉ: Bản Hậu, Tam Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Sản phẩm sản xuất: Mây, tre, lá tự nhiên

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Bộ túi giỏ hoa" đạt Giải Nhì, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



26. Nghệ nhân Lò Văn Hoan

Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Bản Lùa, xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Sản phẩm sản xuất: Mây, tre, lá tự nhiên

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Túi xách" đạt Giải Ba, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



27. Nghệ nhân Lê Đức Ngọc

Sinh năm: 1952

Địa chỉ: 17/2C Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Sản phẩm sản xuất: Mây, tre, lá tự nhiên

Danh hiệu: Nghệ nhân ưu tú

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Mùa Gặt" đạt Giải Ba, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đồng hạng nhì do sở VHTT và DL tỉnh Cần Thơ năm 2019, sản phẩm Ghép gỗ. Cưa lọng và tranh lá - Hạng 3, Bộ Nông Nghiệp tổ chức 2022 tranh lá.



28. Nghệ nhân Huỳnh Sướng

Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Tổ 18A, thôn Phước Trung, xã Cẩm Kim, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Sản phẩm sản xuất: Mây, tre, lá tự nhiên

Danh hiệu: Nghệ nhân ưu tú

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Khúc hòa tấu mùa hè" đạt Giải Khuyến khích, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



29. Nghệ nhân Nguyễn Đình Vinh

Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Hoài Trung, Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Sản phẩm sản xuất: Sơn mài, khảm trai, gỗ mỹ nghệ

Danh hiệu: Nghệ nhân ưu tú

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm “Đôi câu đối khảm ốc” đạt Giải Nhì, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



30. Nghệ nhân Đặng Văn Hiệu

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Đại Từ, Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Sản phẩm sản xuất: Sơn mài, khảm trai, gỗ mỹ nghệ

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm “Mùa vải” đạt Giải Khuyến khích, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



31. Nghệ nhân Trần Quốc Huy

Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 5, phường Quyết Tiến, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Sản phẩm sản xuất: Chạm khắc đá

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Bộ bàn cờ vua độ bền cao" đạt Giải Khuyến khích, Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.



32. Nghệ nhân Trần Thị Ngọc Lan

Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Lụa tơ tằm

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Bộ ngũ hành mẫu Trống Đồng – Hà Nội đạt Giải Nhì - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023; Giải nhất cuộc thi thiết kế mẫu năm 2022 - Sở Công thương Hà Nội. Top 2 - hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích 2019.



33. Nghệ nhân Nguyễn Phương Thảo

Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Gốm sứ

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Bộ sản phẩm trò chơi trí tuệ ghép mảnh gốm lân sư rồng đạt Giải Nhì - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.



34. Nghệ nhân Nguyễn Văn Sử

Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Hoà Bình, Thường Tín, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Thủ công mỹ nghệ sừng

Danh hiệu: Nghệ nhân Hà Nội

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Chùa một cột" Giải Nhì - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.



35. Nghệ nhân Vũ Văn Định

Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Thượng, Xã Chuyên Mỹ, H.Phú Xuyên.

Sản phẩm sản xuất: Đồ gỗ mỹ nghệ khảm trai

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm “Ống bút gỗ trắc khảm ốc” đạt Giải Nhì - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.



36. Nghệ nhân Nguyễn Tấn Phát

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Thủ công mỹ nghệ sơn mài

Danh hiệu: Nghệ nhân Hà Nội

Một số thành tích đạt được: Bộ bình gốm xưa đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023. Giải nhất Cuộc thi thiết kế thủ công mỹ nghệ Hà Nội 2014, 2019 - Sở Công thương Hà Nội. Giải nhì Cuộc thi thiết kế thủ công mỹ nghệ Việt Nam-Bộ Nông nghiệp năm 2012, 2021.



37. Nghê nhân Đỗ Danh Nam

Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Văn Hà, Đông Anh, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Thủ công mỹ nghệ đồ gỗ

Danh hiệu: Nghê nhân Hà Nội

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm “Cành nhú ý mai điểu” đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.



38. Nghê nhân Đặng Mai Linh

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Phố An Hòa, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Sản phẩm tết dây thủ công

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm “Cây sưa sống” đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.



39. Nghệ nhân Nghiêm Văn Đạt

Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Áo dài truyền thống

Danh hiệu: Nghệ nhân

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Áo dài nam" đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023. Giải nhì Cuộc thi thiết kế thủ công mỹ nghệ năm 2020 - Sở Công thương. Giải nhì Cuộc thi thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ năm 2021 - Sở Công thương. Giải khuyến khích Cuộc thi thủ công mỹ nghệ Việt Nam 2022-Bộ Nông nghiệp.



40. Nghệ nhân Nguyễn Thị Hương Thủy

Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Nghệ thuật hoa đất nặn

Danh hiệu: Nghệ nhân Hà Nội

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Tranh hoa Phượng" đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023. Giải nhì Cuộc thi thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ Hà Nội năm 2019 - Sở Công thương. Giải Khuyến khích Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2020 - Bộ Nông nghiệp.



41. Nghệ nhân Nguyễn Huy Hoàng

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Gốm sứ

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Bình liên hoa" đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023. Giải nhì Hội thi sản phẩm thiết kế thủ công mỹ nghệ Việt Nam 2022 - Bộ Nông nghiệp.



42. Nghệ nhân Lục Quốc Hội

Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Quảng Bá, Chương Mỹ, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Thủ công mỹ nghệ thêu ren

Danh hiệu: Thợ tay nghề cao

Một số thành tích đạt được: Tác phẩm "Khăn trải bàn" đạt Giải Ba - Hội thi Sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.



43. Nghệ nhân Nguyễn Gia Thọ

Sinh năm: 1953

Địa chỉ: 189 Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Sinh Vật Cảnh

Danh hiệu: Nghệ nhân Sinh Vật Cảnh Việt Nam năm 2015

Một số thành tích đạt được: Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2022, Kỷ niệm Chương vì sự nghiệp Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Bằng khen của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. Đã có nhiều tác phẩm Sinh Vật Cảnh, Cây cảnh nghệ thuật đặc sắc được nhiều giải thưởng tại các Hội thi, triển lãm của Trung ương và nhiều tỉnh thành phố, Triển lãm Bonsai Châu Á Thái Bình Dương năm 2018. Hiện là Phó Chủ tịch Thường trực Hội Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Chủ tịch Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội.



44. Nghệ nhân Nguyễn Gia Hiền

Sinh năm: 1954

Địa chỉ: Tân Triều, Triều Khúc, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Sinh Vật Cảnh

Danh hiệu: Nghệ nhân Sinh Vật Cảnh Việt Nam 2015

Một số thành tích đạt được: Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2015, Kỷ niệm Chương vì sự nghiệp Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Bằng khen của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc các năm 2018, 2019, 2021. Đã có nhiều tác phẩm Sinh Vật Cảnh, Cây cảnh nghệ thuật đặc sắc được nhiều giải thưởng tại các Hội thi, triển lãm của Trung ương và nhiều tỉnh thành phố. Hiện là Phó Chủ tịch Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội.



45. Nghệ nhân Đỗ Văn Hải

Sinh năm: 1951

Địa chỉ: Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Sinh Vật Cảnh

Danh hiệu: Nghệ nhân Sinh Vật Cảnh Việt Nam 2015

Một số thành tích đạt được: Kỷ niệm Chương vì sự nghiệp Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Bằng khen của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc các năm 2017, 2018, 2021. Đã có nhiều tác phẩm Sinh Vật Cảnh, Cây cảnh nghệ thuật đặc sắc được nhiều giải thưởng tại các Hội thi, triển lãm của Trung ương và nhiều tỉnh thành phố. Hiện là Phó Chủ tịch Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội.



46. Nghệ nhân Chu Mạnh Hùng

Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Nguyễn Thái Học, Đống Đa, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Sinh Vật Cảnh

Danh hiệu: Nghệ nhân Sinh Vật Cảnh Việt Nam 2015

Một số thành tích đạt được: Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội năm 2022, Kỷ niệm Chương vì sự nghiệp Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Bằng khen của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam 2022. Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc các năm 2017, 2018, 2021. Đã có nhiều tác phẩm Sinh Vật Cảnh, Cây cảnh nghệ thuật đặc sắc đạt nhiều giải thưởng tại các Hội thi, triển lãm của Trung ương và nhiều tỉnh thành phố. Hiện là Phó Chủ tịch Hội Cây cảnh nghệ thuật Hà Nội.



47. Nghệ nhân Nguyễn Anh Tuấn

Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Sinh Vật Cảnh

Danh hiệu: Nghệ nhân Sinh Vật Cảnh Việt Nam 2016

Một số thành tích đạt được: Kỷ niệm Chương vì sự nghiệp Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Bằng khen của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Bằng khen của Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội 2022. Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc các năm 2019, 2020. Đã có nhiều tác phẩm Sinh Vật Cảnh, Cây cảnh nghệ thuật đặc sắc đạt nhiều giải thưởng tại các Hội thi, triển lãm của Trung ương và nhiều tỉnh thành phố. Hiện là Chủ tịch Hội Cây cảnh nghệ thuật huyện Đông Anh.



48. Nghệ nhân Nguyễn Văn Ngọc

Sinh năm:

Địa chỉ: Xã Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội

Sản phẩm sản xuất: Sinh Vật Cảnh

Danh hiệu: Nghệ nhân Sinh Vật Cảnh Việt Nam

Một số thành tích đạt được: Kỷ niệm Chương vì sự nghiệp Sinh Vật Cảnh Việt Nam, Bằng khen của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Bằng khen của Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội 2020. Nghệ nhân, Doanh nhân, Chủ nhà vườn tiêu biểu toàn Quốc các năm 2019. Đã có nhiều tác phẩm Sinh Vật Cảnh, Cây cảnh nghệ thuật đặc sắc đạt nhiều giải thưởng tại các Hội thi, triển lãm của Trung ương và nhiều tỉnh thành phố.



49. Nghệ nhân Phạm Hồng Vinh

Sinh năm: 1961

Địa chỉ: 173 C - Quảng Trung, Hà Đông, Hà Nội.

Sản phẩm sản xuất: Tranh kính nghệ thuật

Danh hiệu: Nghệ nhân Ưu tú

Một số thành tích đạt được: Được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú năm 2021; Được Giải thưởng Atcimet của Hiệp hội Sở hữu Trí tuệ Quốc tế năm 2022; Được Unesco Bảo trợ nghề mới tranh kính nghệ thuật; Sáng chế nghề tranh kính nghệ thuật với 32 công dụng đã được cấp Độc quyền sáng chế tại Việt Nam; Có nhiều tác phẩm tranh kính nghệ thuật đạt các giải trưởng trong nước và Quốc tế. Tranh điện điêu khắc thần SAKASAVATI đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT.

50. Nghệ nhân Nguyễn Văn Tường

(Làng Yên Viên, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) là Thợ giỏi có tay nghề cao đã có nhiều thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

51. Nghệ nhân Lê Khắc Hoạt

(130 Chợ Lũng, Đằng Hải, Hải An, TP Hải Phòng), là Thợ giỏi có tay nghề cao đã có nhiều thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

52. Nghệ nhân Nguyễn Văn Ninh

(Làng Xốm, xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ), là Thợ giỏi có tay nghề cao đã có nhiều thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.

53. Nghệ nhân Nguyễn Trọng Nghĩa

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội) có tác phẩm “Thiền Đức Tuệ Đặng” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

54. Nghệ nhân Nguyễn Quý Sơn

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội), có tác phẩm “Bàn bộ gốm ghép mảnh hoa hồng văn khối” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

55. Nghệ nhân Ngô Anh Tuấn

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội) có tác phẩm “Thạp tích lộc” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

56. Nghệ nhân Nguyễn Đức Tuấn

(Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội) có tác phẩm “Hồn Việt” có tác phẩm “Thạp tích lộc” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

57. Nghệ nhân Phạm Ngọc Sơn

(Giang Cao, Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội) có tác phẩm “Ngư Long chầu ngọc” có tác phẩm “Thạp tích lộc” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNTn tổ chức.

58. Nghệ nhân Nguyễn Khắc Lộc Thạch

(Giang Cao, Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội) có tác phẩm “Bộ ấm trà: Bách hoa sen ngọc” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

59. Nghệ nhân Nguyễn Xuân Dục

(Thôn Bình Lăng, xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, Hà Nội), có tác phẩm “Lọ hoa mẫu đơn” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

60. Nghệ nhân Lê Văn Nguyên

(xã Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội), có tác phẩm “Hoa sen quê hương” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

61. Nghệ nhân Nguyễn Thị Hằng

(Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội), có tác phẩm “Quốc hoa đón xuân” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

62. Nghệ nhân Phan Thị Thuận

(Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội), có tác phẩm “Khăn lụa tơ tằm vẽ tre” đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

63. Nghệ nhân Hoàng Văn Hạnh

(Phú Vinh, Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội), có tác phẩm "Khăn lụa tơ tằm vẽ tre" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

64. Nghệ nhân Nguyễn Phương Quang

(Phú Vinh - Phú Nghĩa- Chương Mỹ- Hà Nội), có tác phẩm "Đèn đan mây trang trí" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

65. Nghệ nhân Nguyễn Văn Tĩnh

(Phú Vinh - Phú Nghĩa - Chương Mỹ- Hà Nội), có tác phẩm "Thùng chữ nhật trang trí" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

66. Nghệ nhân Hoàng Như Phương

(Phú Vinh, Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội), có tác phẩm "Bộ trang sức mây tre" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

67. Nghệ nhân Lê Văn Tuy

(Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội), có tác phẩm "Bộ nón lá (nón truyền thống, nón cô dâu, nón 2 mặt lụa, nón 1 mặt lụa, nón chùm, nón nhà sư, nón vẽ)" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

68. Nghệ nhân Nguyễn Thị Minh Thu

(Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội), có tác phẩm "Tủ sơn mài cẩn trứng" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

69. Nghệ nhân Nguyễn Trọng Nghĩa

(Thôn Trang, Chương Mỹ, Hà Nội), có tác phẩm "Hoa khai phú quý" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

70. Nghệ nhân Nguyễn Thị Liên

(Hà Khê, Văn Hà, Đông Anh, Hà Nội), có tác phẩm "Tranh cành trúc" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

71. Nghệ nhân Bùi Bá Trọng

(Canh Nâu, Thạch Thất, Hà Nội), có tác phẩm "Bách điểu triều phุง" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

72. Nghệ nhân Đỗ Văn Cường

(Thiết Úng, Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội), có tác phẩm "Liên vũ Đồng Dao" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

73. Nghệ nhân Vũ Văn Mạnh

(Canh Mậu, Thường Tín, Hà Nội), có tác phẩm "Tủ chè khảm" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

74. Nghệ nhân Quách Phan Tuấn Anh

(Định Công Thượng, Hoàng Mai, Hà Nội), có tác phẩm "Hộp kim phượng lưu châu" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

75. Nghệ nhân Đỗ Việt Dũng

(phố Hàng Nam, Đống Đa, Hà Nội), có tác phẩm "Đàn đáy khảm trai ốc, phím xương" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

76. Nghệ nhân Đặng Văn Hậu

(Xuân La, Phương Dực, Phú Xuyên, Hà Nội), có tác phẩm "Bộ hát bội tuồng cổ" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

77. Nghệ nhân Lê Đình Sơn

(xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội), có tác phẩm "Góc quê" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

78. Nghệ nhân Lê Đình Sơn

(xã Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội), có tác phẩm "Góc quê" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

79. Nghệ nhân Lê Thị Thuận

(xã Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội), có tác phẩm "Hoa mùa xuân như ý" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

80. Nghệ nhân Nguyễn Minh Phú

(Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội), có tác phẩm "Bộ lọ trang trí" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

81. Nghệ nhân Lê Thị Lan Hương

(Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội), có tác phẩm "Quạt giấy dó châm kim vẽ hình Hoa sen và Khuê Văn các" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

82. Nghệ nhân Đặng Thị Või

(Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội), có tác phẩm "Chợ nổi Nam bộ" đạt Giải tại Hội thi sản phẩm Làng nghề Việt Nam 2023 do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

83. Nghệ nhân Hà Thị Vinh

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội), Chủ tịch Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và làng nghề Hà Nội.

84. Nghệ nhân Nguyễn Việt Cường

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội), có tác phẩm "Mai bình đại cát" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

85. Nghệ nhân Trần Anh Tú

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội), có tác phẩm "Bộ 02 sản phẩm "Hũ mộc thạch" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

86. Nghệ nhân Trần Anh Tú

(Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội), có tác phẩm "Trần Thị Ngọc Lan" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

87. Nghệ nhân Lê Việt Cường

(Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội), có tác phẩm "Ruộng bậc thang" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

88. Nghệ nhân Lê Xuân Hướng

(31A P. Văn Miếu, Q.Đống Đa), có tác phẩm "Hũ táo hạnh phúc mở nắp đa sắc" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

89. Nghệ nhân Nguyễn Thị Lương

(Lưu Thượng, Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội), có tác phẩm "Lồng đèn mây trăng cổ cao" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

90. Nghệ nhân Nguyễn Thị Nga

(Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội), có tác phẩm "Đàn đáy" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

91. Nghệ nhân Trương Thị Thủy

(Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội), có tác phẩm "Hộp đan mây tre giang" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

92. Nghệ nhân Trương Thị Thủy

(Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội), có tác phẩm "Hộp đan mây tre giang" Đạt giải Hội thi sản phẩm Làng nghề thành phố Hà Nội 2023.

93. Nghệ nhân Nhân dân Quách Văn Hiếu

(Phố Định Công Thượng, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội), Nghệ nhân tiêu biểu của Thành phố Hà Nội.

94. Nghệ nhân Nhân dân Nguyễn Văn Trúc

(Xã Hiền Giang, Huyện Thường Tín, Tp Hà Nội), Nghệ nhân tiêu biểu của Thành phố Hà Nội.

95. Nghệ nhân Nhân dân Nguyễn Mai Hạnh

(Phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội), Nghệ nhân tiêu biểu của Thành phố Hà Nội.

96. Nghệ nhân Nhân dân Vũ Giỏi

(Xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, TP Hà Nội), Nghệ nhân tiêu biểu của Thành phố Hà Nội.

97. Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đức Biết

(Xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội), Nghệ nhân tiêu biểu của Thành phố Hà Nội.

98. Nghệ nhân Đặng Văn Tiên

(Xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội), Nghệ nhân tiêu biểu của Thành phố Hà Nội.

99. Nghệ nhân Phạm Khắc Hà

(Phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, TP Hà Nội), Chủ tịch Hiệp hội làng nghề Vạn Phúc.

100. Nghệ nhân Trần Quốc Hưng

(Xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội), Chủ tịch Hội làng nghề cơ kim khí Phùng Xá.

SẮC PHONG TẶNG LƯU THIÊN TỬ ĐẠI VƯƠNG NIÊN HIỆU CẨM HƯNG



Sắc cho: Lưu Thiên Tử Đại Vương là vị Thần đã có những mĩ tự là Nguyên bão¹, Thịnh minh², Linh ứng, mày nồng điểm lợ, rồng hiện thân hóa, sóng phía bắc một phương trời yên định, xóm làng hiền rõ an lành thịnh vượng, công chức mừng lớn lao rủ xuống ban cho tốt lành; trời phương nam nhiều đổi vũng vàng, nước nhà thịnh vượng mạnh mẽ tôn vinh, súc âm phù ngầm giúp đỡ trời đất thực là rất linh thiêng, công nghiệp rạng rỡ đồng nên rõ trong bài sách mạnh ngũ ca sút túi đẹp.

Vị Vua kế nghiệp đã được tiến phong

Vương vị đã định, triều đình đã lập

Tông xã vững vàng, co dỗ lớn lao, lễ có nghi thức đăng trật, nên gia phong thêm ba mĩ tự, đáng gia phong là Nguyên bão, Thịnh minh, Linh ứng, Duệ triết³, Hùng nghị⁴, Hiển thánh, Thần du⁵, Cương đoán⁶, Anh phát⁷, Lưu Thiên Tử Đại Vương.

Cho nên ban sắc này.

Ngày mùng 8 tháng 8 năm thứ 28 niên hiệu Cảnh Hưng

1 Nguyên bão: cửa báu hàng đầu; 2 Thịnh minh: sáng suốt, thịnh vượng; 3 Duệ triết: hiếu biết sáng suốt
4 Hùng nghị: cường nghị mạnh mẽ; 5 Thần du: mưu như thần; 6 Cương đoán: quyết đoán cung rắn; 7 Anh phát: phát tiết tinh anh

SẮC PHONG TẶNG LƯU THIÊN TỬ ĐẠI VƯƠNG NIÊN HIỆU QUANG TRUNG



Sắc cho: Lưu Thiên Tử Đại Vương đã có những mĩ tự là Nguyên bão, Thịnh minh, Linh ứng, Duệ triết, Hùng nghị, Hiển thánh, Thần du, Cương đoán, Anh phát, Vĩ tích¹, Thần hưu², Hựu Khanh³, Đại lực⁴, Thịnh đức⁵, Hồng huân⁶, núi sông nuôi dưỡng tinh anh, sóng biển un dức đức tốt, theo cảnh ngô mà ban ơn, giúp đỡ nhân dân, khiến một phương ngửa đổi súc phù trì, nhờ sự sáng suốt của dù linh mà phù trì vạn nước, công lao quý sạch, dẹp yên giặc giã cả trăm lần trước đã chối ngồi trong sách sử, tôn sùng thư bá hợp với sự tăng thêm huy hiệu, vi ngầm giúp đỡ.

Dù đỡ Hoàng gia thu vé một mồi, lẽ nên có nghi thức đăng trật, nên gia phong thêm ba mĩ tự, đáng gia phong là Nguyên bão, Thịnh minh, Linh ứng, Duệ triết, Hùng nghị, Hiển thánh, Thần du, Cương đoán, Anh phát, Vĩ tích, Thần hưu, Hựu Khanh, Đại lực, Thịnh đức, Hồng huân, Vĩ liệt⁷, Dũng lược⁸, Hiển ứng⁹ Đại vương.

Cho nên ban sắc này.

Ngày 29 tháng 3 năm thứ 29 niên hiệu Quang Trung

1 Vĩ tích: giúp đỡ lớn lao; 2 Thần hưu: rõ sự tốt lẩn; 3 Hựu Khanh: giúp làm những điều lành; 4 Đại lực: mưu lược lớn lao
5 Thịnh đức: đức độ to lớn; 6 Hồng huân: công lao lớn lao; 7 Vĩ liệt: vì đại oanh liệt; 8 Dũng lược: mưu lược lớn lao; 9 Hiển ứng: hiện hiện linh ứng

SẮC PHONG THỨ NHẤT CỦA VUA LÊ HIẾN TÔN (1783)



Nay ban sắc cho: Đường Cảnh Thành Hoàng quốc vương thiên tử A - Lã Đê Nương (là thần đã được tặng khen là):

- Linh ứng trứ tu
- Giúp dân yên lành
- Công minh gìn giữ
- Uy đức thẳng ngay
- Nga Hoàng Đại Vương đức lựng trời, đạo sánh ôn đất, diệu hiền, dáng vẻ nghiêm trang, một phuơng đưa, nho ôn đúc, tài giỏi ẩn phủ xã tắc, muôn đời gìn giữ co dỗ.
- Linh thiêng đã có công thần
- Khen thưởng sao cho hợp lý
- Nhân dịp tự vương được tấn phong, tham dự vương triều. Triều đình làm lễ thăng trấn, vây già phong cho thần 2 mĩ tự và phung chuẩn già phong cho thần là "Thượng đẳng thần".

Nay phong cho thần là: Đường Cảnh Thành Hoàng, Quốc vương thiên tử, A - Lã Đê Nương. Linh ứng phủ trấn, hộ dân quang khánh, minh chính bảo hộ, uy đức trù thuận, Diện Hữu tích khánh, phù vận Nga Hoàng đại vương.

Nay ban sắc

Cảnh Hưng năm thứ 44 ngày 26/7/1783

Hai mĩ tự được phong thêm là: Diện Hữu tích khánh, phù vận Nga Hoàng đại vương. Nghĩa hai chữ trên là bình yên, ban phúc giúp phù vận Nga Hoàng - Đại Vương.

SẮC PHONG THỨ HAI CỦA VUA LÊ HIẾN TÔN (1783)



Nay ban sắc cho: Đường Cảnh Thành Hoàng, Quốc vương thiên tử, A - Lã Đê Nương.

- Linh thiêng trấn ác
- Giúp dân yên lành
- Công minh gìn giữ
- Uy đức thẳng ngay

Nga Hoàng Đại vương, anh linh do núi sông hun đúc, tiếng thơm vang dậy Hải Hà, cao sánh với trời.

Dãy sáu lồng đất, biến hóa vô biên, hiển hách lừng danh, linh thiêng khắp cõi. Cơ huyền, vận tốt, công của thần ứng hiện bao phen.

Xét cẩn kẽ due hiếu để bao phong xứng với công lao.

Vì tự vương đức tấn phong tham dự triều chính, lễ cần phải già ăn thăng trật.

Nay già phong cho thần 2 mĩ tự: "Đường Cảnh Thành Hoàng, Quốc vương thiên tử, A - Lã Đê Nương. Linh ứng phủ trấn, hộ dân quang khánh, minh chính bảo hộ. Nga Hoàng trù uy. Thuận đắc Đại vương.

Nay ban sắc.

Cảnh Hưng năm thứ 44 ngày 26 tháng 7 (1783)

Được phong thêm hai mĩ tự: Nga Hoàng trù uy, Thuận đắc Đại vương.

TRANH LÀNG SÌNH - NÉT VĂN HÓA DÂN GIAN ĐẶC SẮC XỨ HUẾ

Trần Mạnh Thường

Nếu Kinh Bắc nổi danh với tranh dân gian Đông Hồ và Thăng Long Hà Nội vang tiếng với tranh Hàng Trống, thì miền Trung gió Lào cát trắng lừng danh với tranh dân gian làng Sinh.

Làng Sinh tên Nôm là làng Lại An, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 10 km nằm bên bờ sông Hương của xứ Huế mộng mơ. Và bên kia sông là cảng Thanh Hà, nổi tiếng từ thời các vua chúa Nguyễn, còn có tên Phố Lở. Cạnh đó là phố Bao Vinh, một trung tâm mua bán sầm uất, cận kề với đô thành Huế. Đây là một trung tâm văn hóa của vùng cố đô. Từ thế kỷ XVI đã được Dương

Văn An nhắc đến trong "Ô Châu cận lục" như một điểm giao thương nhộn nhịp: "Cầu Bao Vinh ngựa xe tấp nập, làng Lại An tiếng gà gáy sáng giục khách thương tài lợi cạnh tranh ..." hay "Xóm Lại An gà xào xạc/Giục khách thương mua một bán mười". Làng Sinh nằm cạnh ngã ba sông, nơi sông Hương hợp lưu với sông Bồ, trước khi đổ nước vào phà Tam Giang. Lang Sinh được hình thành khá sớm ở xứ Đàm Trong (thời Trịnh - Nguyễn phân tranh).



Tranh tứ bình, làng Sinh

Nói đến cái tên "Sinh" có nhiều cách giải thích khác nhau. Có người cho rằng đó là dấu ấn Chăm còn sót lại như:

làng Truồi, Sịa, Ô Lâu... Còn xuất phát từ lịch sử thì có người lại giải thích: "Sinh" là biến âm của chữ Hình - một thể võ của

làng. Hoặc Sinh là tên một ngôi chợ nổi tiếng của làng.

Điểm nổi bật nhất của làng Sinh là nghề làm tranh dân gian. Theo các cụ bô lão, từ xa xưa cha ông đã truyền lại rằng; tranh làng Sinh có nguồn gốc tương tự tranh Đông Hồ Kinh Bắc, tranh Hàng Trống Hà Thành. Tranh làng Sinh không chỉ đạt giá trị cao về nghệ thuật tạo hình tranh dân gian, mà nó còn gắn với chức năng tâm linh của xứ Huế thơ mộng. Đề tài tranh làng Sinh chủ yếu phản ánh tín ngưỡng cổ xưa. Ngoài các đề tài thờ cúng, còn có tranh tố nữ tranh sinh hoạt đời sống thường nhật.

Theo truyền thuyết kể rằng: Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, trong đoàn người tìm vào đất Thuận Hóa (Huế), định cư có ông Kỳ Hữu Hòa, mang theo nghề làm tranh giấy, in mộc bản của làng quê mình để mưu sinh và từ đó tranh làng Sinh ra đời.

Huế là xứ sở của nhiều tín ngưỡng văn hóa dân gian như lễ thờ cùng tổ tiên, lễ kỵ giỗ, lễ cúng "bất đắc kỳ tử", lễ tảo mộ, lễ cùng gia tiên, lễ thờ thần cửa ngõ... Chính vì đặc điểm này mà tranh làng Sinh có cơ sở phát triển lâu dài với các đề tài tâm linh thờ cúng. Tranh dân gian làng Sinh là một loại tranh in rời từng tờ một, theo

khuôn khổ bản khắc làm bằng gỗ thị, gỗ mít để tạo đường nét đen trắng của tranh. Sau khi in nét xong, nghệ nhân tô

màu lại bằng những gam màu được chế tác từ vỏ sò điệp. Màu được chế tác từ lá cây, tro rơm, gạch. Về in nét và tô màu

giống tranh Hàng Trống, Hà Nội (in nét trước, tô màu sau).



Một số tranh làng Sinh

Hầu hết các công đoạn từ tạo khuôn (bản khắc), in ấn, tô màu đều làm bằng thủ công - có tất cả 7 bước để tạo nên một tác phẩm hoàn chỉnh: xén giấy, quét điệp, in tranh trên mộc bản, phơi tranh, pha màu, tô màu và cuối cùng là điểm nhấn.

Giấy in tranh là loại giấy dó, có loại giấy khổ to giống giấy in báo. Các nghệ nhân phải dùng dao chuyên dụng để cắt giấy thành nhiều khổ khác nhau,

phù hợp với từng khổ tranh.

Quét điệp là khâu rất quan trọng để tạo nên sự khác biệt của bức tranh làng Sinh với các loại tranh khác. Để có điệp, người dân làng Sinh phải đi thuyền dọc phà Tam Giang, đến đầm Cầu Hai để cào điệp. Đây là loại vỏ sò mỏng có nhiều màu óng ánh. Vỏ điệp được giã thành bột, trộn với hồ loảng. Dùng hỗn hợp này bôi hai lần đều lên giấy dó. Nhờ vậy, khi nhìn vào bức tranh ta sẽ thấy

một lớp mầu óng ánh ngọc trai của vỏ sò, sờ tay lên cảm thấy sần sùi, thô ráp. Đây là sự khác biệt tạo nên vẻ đẹp riêng của tranh làng Sinh.

Khi lớp điệp đã khô, nghệ nhân tiến hành in nét tranh trên mộc bản. Mộc bản là những khuôn tranh được khắc chạm từ trước, với nhiều hình thù (đường nét của các hình) và kích thước khác nhau. Mộc bản có nhiều loại gồm 40 – 50 tấm.

Loại mực in vô cùng đặc biệt. Mẫu đen: đốt rơm nếp thành tro, được hòa vào nước, lọc lấy nước sạch, đem nấu cô lại thành mực đặc sệt.

Sau đó nghệ nhân đặt tấm ván in xuống mặt đất, dùng chổi (làm bằng xác dừa) quét mực đen lên ván in nét, tiếp theo lấy giấy đã quét điệp úp chồng lên mặt bản khắc, dùng chổi (làm bằng xơ mướp) xoa đều lên mặt giấy. Sau đó bóc giấy ra đem phơi khô nơi thoáng mát.

Công đoạn tô mầu lên tranh là khâu đòi hỏi sự khéo léo và năng khiếu mỹ thuật của nghệ nhân. Để làm công đoạn này, trước tiên phải pha mầu mầu. Cụ thể, mầu tím: làm từ quả mùng tơi chín, giã lấy nước rồi nấu cô lại đặc sệt. Màu vàng lấy hoa hòe, hay lá cây đung hoặc hoa giàn giàn. Màu lục pha chế từ cây mõi hoặc cây bông ngọt. Mầu vàng cam làm từ bột gạch mục. Bút tô mầu, có hai loại: bút to và bút nhỏ.

một nữ nhân cưỡi voi, ở trong một khung hình chữ nhật, phía sau có 2 thị nữ cầm quạt đứng hầu hoặc chỉ cưỡi voi và có thị nữ hầu cận hay ngồi trên một đài cao.

Tượng Bếp (còn gọi tờ bếp) là những bức tranh in hình 3 người ngồi trên trang bếp là bà Thổ Kỳ và hai ông Thổ công và Thổ địa, xung quanh là hình các khí dụng, vật phẩm, kẻ hầu người hạ.

Con ảnh: là những "tờ thế mạng", gồm ảnh xiêm in hình người đàn ông hoặc đàn bà để cầu đảo thế mạng cho người lớn và ảnh phèn in hình bé trai hoặc bé gái để thế mạng cho trẻ em. Ngoài ra còn có bộ tranh thờ thần để cầu an cho mọi người, như ông Đientes, ông Đốc, bà Thủy...

Tranh súc vật là tranh in hình 12 con vật cầm tinh cho thập nhị địa chi trong Âm lịch gồm: Tý (chuột), Sửu (trâu), Mão (mèo), Thìn (rắn), Tỵ (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó) Hợi (lợn, heo). Tranh in hình các loài gia súc: trâu, ngựa, heo, dê.. dùng để cúng tế hoặc treo trong các chuồng trại chăn nuôi gia súc, để cầu cho vật nuôi tránh được dịch bệnh, phát triển đầy đà; tranh có in hình linh thú như voi cọp (hổ) để dâng cung ở các miếu, nhằm tỏ lòng thành kính của con người với các loài mãnh thú và cầu mong các mãnh thú này không giáng họa cho con người.

Tranh đồ vật là những bức



Bản khắc tranh làng Sinh

Sau khi đầy đủ vật tư (các loại mầu), dụng cụ bút, giấy điệp...nghệ sỹ bắt đầu tô mầu theo chủ đề từng bức tranh. Mầu sắc hiện dần rất tươi tắn, khác hẳn với các loại mầu vô cơ (chế tác từ hóa chất).

Chủ đề tranh dân gian làng Sinh gồm 3 nhóm chính: Tranh nhân vật, tranh súc vật và tranh đồ vật.

Tranh nhân vật gồm các loại: Tượng Bà, tượng Bếp, con ảnh, ông Điếu, ông Đốc...

Tượng Bà là những bức tranh thờ trên những chiếc trang bà, treo trên xà nhà, gọi là trang bồn mạng. Bà sẽ là người giúp đỡ và giải hạn cho nữ gia chủ. Bà bồn mạng trên tranh làng Sinh thường được thể hiện trong hình tượng của

tranh in hình các loại áo quần, khí cụ, cung tên, hoặc các loại tế phẩm như áo ông, áo bà, áo binh có in hoa văn trang trí.

Tranh dân gian làng Sinh mang nhiều ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn và lưu giữ những làng nghề dân gian nổi tiếng. Đối với người dân làng Sinh đây là một nét văn hóa đẹp của cha ông để lại mang nhiều ý nghĩa thiêng liêng. Tranh làng Sinh là một dòng tranh chính phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của người dân xứ Huế đã có từ bao đời nay. Nó xuất hiện trong các dịp cúng bái. Sau khi cúng xong sẽ được đốt, hóa cho ông bà tổ tiên.

Xưa kia nhu cầu sử dụng tranh làng Sinh rất lớn, nhưng trải qua những thăng trầm lịch sử, tranh làng Sinh dần dần bị mai một. Nhất là sau năm 1945, chiến tranh diễn ra liên miên, không mấy ai để ý đến chuyện thờ cúng cho đúng với truyền thống, lễ nghi. Do đó, tranh làng Sinh sản xuất ra không ai mua. Nhiều nghệ nhân phải bỏ nghề. Nhiều khuôn bản mộc để in tranh xưa, đã thất lạc dần theo sự mai một của làng nghề. Rất khó tìm lại được những bản mộc xưa.

Ngày nay đất nước phát triển, người dân lao vào vòng xoáy mưu sinh, không mấy người còn giữ tục lệ thờ cùng với tranh làng Sinh. Nền kinh tế thị trường xâm nhập sâu rộng, người dân Huế cũng dần quên đi mình đã từng có một tín ngưỡng, một truyền thống tốt đẹp. Nghề tranh làng Sinh thật sự đã thất truyền.



Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước đang chế tác bản khắc

Năm 1996, Nhà nước ta có chủ trương phục hồi lại những nghề truyền thống, trong đó có nghề tranh dân gian làng Sinh. Tuy nhiên cho tới nay nghề làm tranh làng Sinh chỉ còn duy nhất một nghệ nhân là ông Kỳ Hữu Phước.

Năm 2007, tranh dân gian làng Sinh được tôn vinh như một di sản văn hóa của dân

tộc cần được giữ gìn và bảo tồn. Cùng với sự quan tâm của Nhà nước và sự phát triển của loại hình du lịch văn hóa làng nghề đã tạo điều kiện hồi sinh cho tranh làng Sinh. Tranh làng Sinh giờ đây dần dần lấy lại được hình ảnh và vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của một làng tranh truyền thống■



Dòng tranh làng Sinh xứ Huế đã có tuổi đời hơn 450 năm (Ảnh: Sưu tầm)

TRANH DÂN GIAN HÀNG TRỐNG

Mạnh Thường

Tranh dân gian Hàng Trống là một trong những dòng tranh dân gian độc đáo, kết tinh nhiều giá trị thẩm mỹ, tinh thần và tín ngưỡng của người dân Kinh kỳ xưa.

Sở dĩ gọi “tranh Hàng Trống”, vì loại tranh này được sản xuất tập trung ở phố Hàng Trống Hà Nội. Tuy vậy, tranh Hàng Trống cũng còn được làm và bày bán ở các phố Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Quạt..., xưa thuộc tổng Tiêu Túc (sau đổi là Thuận Mỹ, huyện Thọ Xương), nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Song chủ yếu tập trung làm và bán nhiều nhất vẫn ở phố Hàng Trống (xưa thôn Tự Tháp). Nói chính xác, Hàng Trống là nơi xuất phát dòng tranh Hàng Trống. Đây là khu vực nổi tiếng làm nghề thủ công mỹ nghệ như tranh dân gian, các loại trống các cỡ, tàn, lọng, tản, mũ mǎo, áo xiêm, cờ quạt, các loại hòm, tráp sơn, các kiểu nón... Người ta làm và bán các loại hàng thủ công ấy quanh năm suốt tháng, nhưng nhiều hơn cả là vào dịp Tết Nguyên đán. Hàng hóa phần lớn bán trong các cửa hiệu. Riêng tranh dân gian ngoài các

cửa hiệu người ta còn bày bán trong các quầy trên hè phố, nhất là vào dịp cuối năm để phục vụ khách hàng mua sắm Tết.

Cũng như các dòng tranh dân gian khác, tranh dân gian

Hàng Trống có hai dòng tranh chính: là tranh thờ và tranh Tết. Tranh thờ có tranh Phật, Tam hòa, Thánh mẫu, Tứ phủ, Ngũ hổ,... Tranh Tết có chúc phúc, tứ quý...



Tranh Tết Hàng Trống: Tổ nữ đồ, thời Nguyễn | Ảnh: CC BY-SA 3.0

Tranh thờ dùng trong sinh hoạt tín ngưỡng phục vụ ở đền, phủ của Đạo giáo, nhất là tranh thờ Đạo Mẫu (Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Giầy, Nam Định), tranh Tứ phủ Công đồng, Bà Chúa Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Ngũ hổ, Ông Hoàng cưỡi cá, cưỡi ngựa, cưỡi rắn, Ông Hoàng Mười, Bà Chúa Ba, Đức Thánh Trần... Các loại tranh này thường được các cụ chạm bằng vàng, hay bạc thật được dát mỏng.

Cho đến nay chưa có một tài liệu nào chính thức chứng minh thời điểm ra đời của dòng tranh dân gian Hàng Trống. Tuy vậy, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng dòng tranh Hàng Trống ra đời vào khoảng thế kỷ XVI, vì chịu ảnh hưởng rõ rệt của các luồng tư tưởng văn hóa tôn giáo vùng miền... là kết quả của sự giao thoa tinh hoa giữa Phật giáo, Nho giáo, giữa loại hình tượng thờ, các điêu khắc ở đình, chùa

với những nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa hằng ngày, phát triển trong một thời gian khá dài và rất mạnh vào cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX. Nhưng đến nửa cuối thế kỷ XX, dòng tranh này bắt đầu suy tàn, nhất là từ sau kết thúc chiến tranh Việt Nam, hầu như các nhà làm tranh đều bỏ nghề, nhiều nhà đốt bỏ hết các dụng cụ làm tranh như ván, bàn khắc,..., một phần do thú chơi tranh của người Hà Nội đã có sự thay đổi, một bộ phận do việc làm tranh thu nhập thấp (do sức mua giảm), nhiều nghệ nhân đã chuyển nghề.

Tranh Hàng Trống có kỹ thuật và phong cách khác biệt tranh Đông Hồ, Kinh Bắc. Nếu tranh Đông Hồ, in viền nét và in mầu đều dùng bản khắc gỗ, thì tranh Hàng Trống in tranh chỉ dùng ván khắc gỗ in nét tranh trên chất liệu giấy dó Bưởi. Nói cách khác tranh Hàng Trống dùng kỹ thuật nửa in nửa vẽ. Tranh chỉ in ván nét lấy hình, còn mầu là thuốc nước tô bằng bút lông, mềm, rộng bản, một nửa ngon bút chấm mầu, còn nửa kia của ngọn bút chấm nước lă. Tô tranh theo kỹ thuật vờn mầu. Mảng mầu đậm nhạt, tùy theo nội dung, đường nét và các loại tranh. Do cách tô mầu bằng tay nên tranh Hàng Trống mang đặc điểm ở mỗi tranh đều có nét sáng tạo riêng. Tranh có một bản nét đen đầu tiên, sau khi in thì tranh được tô mầu bằng tay. Từ các bản khắc gốc, những bức tranh được in ra bằng mực Tàu (mực Nho), mầu nguyên chất.



Tranh thờ Hàng Trống: Ngũ hổ (A) | Nguồn: Phạm Hải (2020)

Các ván khắc in tranh mầu đều phải theo mẫu tranh. Các mẫu tranh do các nghệ nhân đảm nhiệm, gọi là "ra mẫu". Người "ra mẫu" tranh Hàng Trống thường là người giỏi nhất của từng nhóm thợ, rất tinh tế, giàu kinh nghiệm, nên khi đặt bút vẽ trên tờ giấy bản là lập tức hiện ra hình ảnh như rồng bay phượng múa. Người vẽ mẫu cũng là người đặt lời (chú thích tranh) cho tranh. Chữ trên tranh phải đạt

yêu cầu: làm rõ nghĩa của bức tranh, đồng thời góp phần làm cân đối bố cục của tác phẩm, mà không rườm rà. Có bức tranh phải sáng tác hàng tháng mới hoàn thành.

Tiếp theo là giai đoạn bồi tranh. Tùy theo từng tranh cụ thể mà có tranh chỉ bồi một lớp, có tranh lại phải bồi hai ba lớp giấy. Khi hồ đã khô mới vẽ mầu. Có những bức tranh phải mất ba bốn ngày mới xong.

Tranh Hàng Trống được in trên giấy dó bồi dày hay giấy báo khổ rộng. Có những tranh bộ khổ to và dài thường bồi dày. Hai đầu tranh lồng suốt

trục để treo.

Công đoạn bồi là khâu quan trọng trong quá trình hình thành tác phẩm. Sự thành công và tồn tại lâu bền của tác

phẩm phụ thuộc chính vào công đoạn này, nó là sự truyền đạt kinh nghiệm tích lũy, khéo léo của những nghệ nhân đời trước để lại cho đời sau.



Tranh Hàng Trống tứ bình “Tố nữ”

Ván khắc tranh Hàng Trống thường dùng gỗ lõng mực hay gỗ thị. Mực in thường dùng những chất liệu dân dã, nhưng khá cầu kỳ và tinh xảo trong khâu chế tác. Trong tranh Hàng Trống, gam màu chủ đạo là lam, hồng đôi khi có thêm lục, đỏ, da cam và vàng... Tỉ lệ được tạo không đúng với công thức chuẩn, mà chỉ để cho thật thuận mắt và ưa nhìn. Mầu đen của tranh được làm bằng tro

rơm nếp hay tro lá tre, được đốt và ủ kỹ, mầu vàng lấy từ hoa hòe hay hoa giàn giàn, mầu chàm là các loại nguyên liệu từ núi rừng, mầu son của sỏi đồi tán nhuyễn. Những mầu sắc đã được pha với hồ nếp loảng cổ truyền tạo cho tranh một vẻ óng ả và trong trẻo, mà các loại tranh mầu hiện đại không thể nào có được.

Đề tài và nội dung tranh Hàng Trống rất phong phú

như “Lý ngư vọng nguyệt”; bộ tranh tứ bình “Tố nữ”; Tứ quý “Tùng, cúc, trúc, mai”; Tứ dân “Ngư, tiêu, canh, mục; “Chim công múa”; “Thất đồng”; “Tam đa”; “Chợ quê”...và hàng loạt tranh thờ: “Ngũ hổ”; “Bạch hổ”; “Hắc hổ”; “Đức Thánh Trần”; “Ông Hoàng Ba”; “Ông Hoàng Mười”; “Mẫu Thượng Ngàn”; “Tứ phủ”; “Công Đồng”; “Tam Phủ”... Tranh truyện có “Nhị độ mai”; “Thạch Sanh”; “Truyện Kiều”...



Tranh Tết Hàng Trống: Cá chép trông trăng
| Nguồn: thethaovanhoa.vn

Riêng về tranh Tết có tranh “Cá chép vượt vũ môn” là tranh dân gian Hàng Trống được đông đảo mọi người yêu thích, bởi vẻ đẹp và ý nghĩa tượng trưng cho khát vọng vươn lên của con người trong cuộc sống. Do đó, nhiều người thường trang trí ở phòng làm việc và phòng khách gia đình mình nhằm mong ước sự an lành, may mắn, thịnh vượng. Và đây cũng là loại tranh được dùng nhiều trang trí ngày Tết ở các văn phòng công ty...Bức “Tứ quý bốn mùa” tranh Hàng Trống là loại tranh thường được chọn trưng bày trong nhà vào những ngày Tết như biểu tượng cho bốn mùa: Xuân-Hạ-Thu-Đông. Hơn nữa những loại cây này còn tượng trưng cho những nét đẹp, tính cách cao quý của con người.

Những sản phẩm nghệ thuật đặc sắc của tranh dân gian Hàng Trống cũng như tranh Đông Hồ hay tranh làng Sinh (Thừa Thiên, Huế) hoặc tranh Kim Hoàng (Hoài Đức Hà Tây), từ lâu đời đã rất nổi tiếng, không chỉ ở trong nước mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Nhưng ta có thể dễ dàng bắt gặp tranh Hàng Trống ở những nơi linh thiêng nhất trong các đền, miếu, điện thờ, trong các bộ sưu tập tranh quý giá nhất của các tư nhân và các viện bảo tàng của nhiều nước trên khắp các châu lục./.



TRANH ĐÔNG HỒ

DI SẢN QUÝ CỦA NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VIỆT NAM

Trần Mạnh Thường



Trong văn hóa người Việt, tranh Đông Hồ là loại tranh dân gian được in khắc gỗ đã có từ lâu đời. Ngày nay xã hội phát triển, nhiều vật trang trí nội thất nhà cửa ra đời, nhưng loại tranh Đông Hồ vẫn luôn là sự lựa chọn tuyệt vời của nhiều người.

Tranh Đông Hồ tên đầy đủ là tranh khắc gỗ dân gian Đông Hồ, là một trong những dòng tranh dân gian xuất xứ từ làng Đông Hồ, tục gọi là làng Mái, thuộc Xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Trước đây, tranh sản xuất ra bán chủ yếu phục vụ cho dịp Tết Nguyên Đán, người nông dân đồng bằng Bắc Bộ mua tranh về dán lên tường, hết năm lại bóc bỏ dùng tranh mới.

*Đàn gà mẹ con*

Trong các dòng tranh dân gian Việt Nam, tranh Đông Hồ thuộc dòng tranh in từ ván gỗ, do người làng Đông Hồ sáng tạo, sản xuất và phát triển thành làng nghề. Tranh Đông Hồ là dòng tranh gắn bó và thể hiện sinh động xã hội nông nghiệp Việt cổ truyền, cuộc sống lao động của người nông dân bình dị, chất phác và phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân Việt.

Căn cứ vào nội dung chủ đề, có thể chia tranh Đông Hồ thành 8 thể loại chính gồm: tranh thờ, tranh chúc tụng, tranh lịch sử, tranh truyện, tranh phương ngôn, tranh cảnh vật, tranh phản ảnh sinh hoạt cuộc sống và tranh châm biếm.

Về quy trình sản xuất tranh dân gian Đông Hồ có nhiều công đoạn, trong đó có hai khâu chính: sáng tác mẫu (khắc ván) và in (vẽ tranh). Do đó để sản xuất tranh Đông Hồ, đòi hỏi mỗi nghệ nhân ít nhiều phải có năng khiếu thẩm mỹ bẩm sinh và kỹ năng lao động cao.

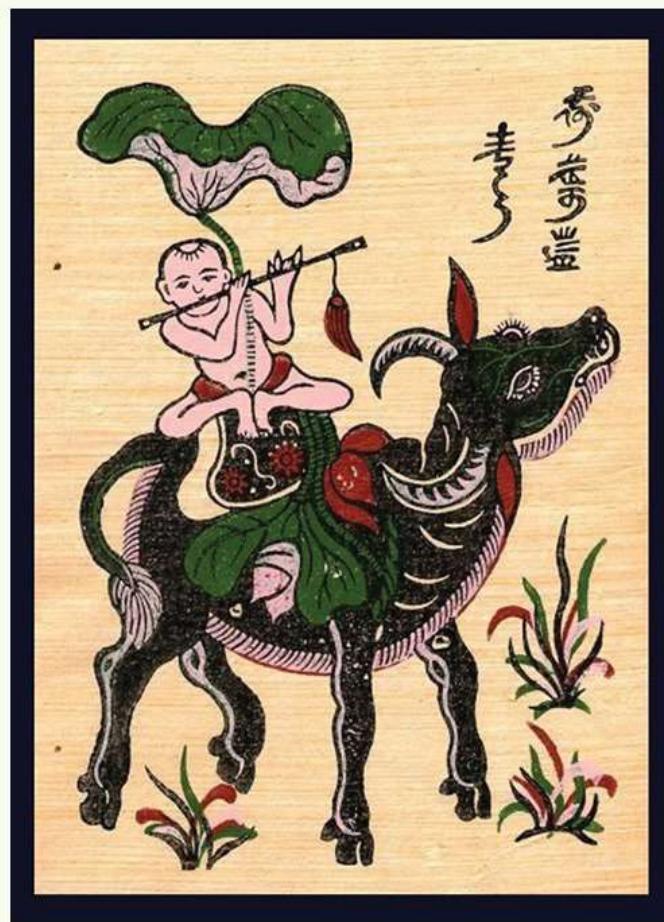
*Gà trống hoa hồng*

Công việc sáng tác mẫu tranh tốn khá nhiều thời gian, trước tiên phải chọn lựa đề tài có ý nghĩa, nội dung sâu sắc, màu sắc hài hòa, bố cục chặt chẽ và có giá trị nghệ thuật lớn. Khi sáng tác mẫu tranh, các nghệ nhân thường sử dụng bút lông và mực Nho, để vẽ lên giấy bản mỏng và phẳng, để người thợ khắc, đục ván theo đúng mẫu. Việc sáng tác mẫu tranh không phải là việc riêng của một nghệ nhân, mà thường là kết quả chung của một làng tranh, của nhiều thế hệ. Cũng chính vì thế mà tranh Đông Hồ có trường hợp một mẫu nhưng có nhiều dì bản khác nhau, hoặc một mẫu tranh có đến hai ba cách phân bố mẫu sắc khác nhau. Vì vậy, có nhiều mẫu tranh cổ đến nay vẫn chưa xác định được chủ nhân sáng tạo.

Để thể hiện một bức tranh cần có hai loại ván khắc: ván in nét và ván in mẫu. Ngoài bản nét đen chủ đạo, nếu là tranh mẫu: có bao nhiêu mẫu là có bấy nhiêu bản gỗ khắc in mẫu tương ứng.

Ván in nét đen thường làm bằng gỗ thị hoặc gỗ thừng mực. Gỗ thị có thớ đa chiều, vừa mềm, vừa dai lại dễ khắc, do đó, khi khắc ván in nét, nghệ nhân cần có kỹ năng chạm khắc giỏi, tạo được các nét gọn, thanh mảnh tinh vi và ván in lại mềm. Ván in mẫu được làm bằng gỗ mỡ, hoặc gỗ vàng tâm là loại gỗ nhẹ, thớ mềm, xốp dễ hút mực. Bởi vì khi phết mực lên để in tranh, các loại gỗ này có khả năng hút mực cao hơn nhiều các loại gỗ khác. Do đó, mẫu sắc tranh tươi tắn hơn.

Đối với những bức tranh khổ lớn như tranh; y môn, tranh tứ bình, tứ quý... thì ván in không làm to bằng khổ tranh, mà được chia nhỏ thành ba bốn ván, khi in tranh phải ghép các mảnh lại thành một tác phẩm hoàn chỉnh.



Mục đồng thổi sáo

Dụng cụ khắc ván in là những mũi đục (còn gọi bộ ve), được làm bằng thép cứng. Mỗi bộ ve có từ 30 đến 40 chiếc khác nhau.

Khác với các loại tranh thông thường, giấy in tranh Đông Hồ khá đặc biệt, đó là loại giấy dó thường hoặc giấy dó quét điệp (điệp làm từ vỏ con điệp được nghiền nát thành bột trộn với hồ lôang bằng bột gạo tẻ hoặc gạo nếp hay bột sắn), rồi dùng thết (loại chổi quét làm bằng lá thông) quét nhẹ lên mặt giấy, tạo nên những đường nét rất ấn tượng. Đặc biệt, thường dùng loại giấy điệp trắng pha chút nhũ sáng lấp lánh, làm toát lên thần thái của bức tranh.

Vật liệu, dụng cụ phục vụ việc in ấn gồm giấy dó (giấy dó điệp), các loại mực, ván in, ván bìa và thết.

Cách in: trước khi in tranh phải chuẩn bị sẵn giấy in để thành tập (khoảng 100 đến 200 tờ). Khi in người ta dùng thết nhúng vào chậu màu, rồi quét đều lên trên mặt bìa. Cách lấy mực để in tranh dân gian Đông Hồ theo cách xếp ván

tức là cầm “co” ván dập đi dập lại tấm ván xuống mặt bìa đã được phết mầu, để mầu thấm đều trên mặt ván. Sau đó đặt ván in lên tờ giấy định in sao cho cân đối, chính xác, ấn mạnh ván in vào tờ giấy, để có sự liên kết nhất định, rồi lật ngửa ván in có dính tờ giấy in tranh lên, lấy xơ mướp (hoặc bột xốp) xoa đều lên mặt sau tờ giấy, để cho phẩm màu trên mặt ván thấm đều trên mặt giấy. Sau đó gỡ tờ tranh ra khỏi ván in và mang tranh ra phơi nơi thoáng mát. Màu tranh vừa in đã khô, tiếp tục in các mầu khác. Bản nét đen được in cuối cùng.

Mầu sắc tranh dân gian Đông Hồ hoàn toàn là mầu tự nhiên, không pha trộn, gồm 4 mầu cơ bản: đen, vàng, xanh và đỏ. Mầu vàng làm từ hoa hòe hay hoa giàn giàn. Mầu xanh từ gỉ đồng hay lá chàm. Mầu đen của than lá tre, gỗ xoan hay rơm nếp. Mầu đỏ lấy từ gỗ vang hoặc

sỏi son lấy từ trên núi Thiên Thai.

Quy trình in mầu theo thứ tự: từ đỏ, xanh, đến vàng và đen. Mỗi lần in chỉ in được một mầu. Để các mảng mầu ăn khớp với nhau: ở mỗi tấm ván đều có 2 điểm cũ đánh dấu cạnh ván in. Mầu sắc được tô vẽ với độ đậm nhạt khác nhau tùy thuộc vào nội dung của bức tranh. Mầu tranh dân gian tuy đơn giản, nhưng tạo cảm giác rất ấn tượng. Vì thế người ta rất dễ phân biệt tranh Đông Hồ với tranh Hàng Trống Hà Nội và các loại tranh khác.

Bố cục tranh Đông Hồ được xây dựng rất rõ ràng. Nội dung tranh được lấy từ những hình ảnh gần gũi với đời sống thường nhật. Ví dụ tranh “Đám cưới chuột”; “Đàn lợn âm dương”; “Cuộc thi đấu vật”... Các bức tranh này mang lại cho người xem cảm giác yên bình, giản dị.



Đám cưới chuột

Mỗi loại tranh Đông Hồ được trang trí trong nhà vào những dịp khác nhau và ở những vị trí khác nhau. Thí dụ: Tranh nhị bình: “Cá chép trông trăng và chim công” thường được treo hai bên bàn thờ. Tranh “Ông Công Ông Táo”, treo ở

gian bếp. Tranh thờ dùng vào dịp Tết Nguyên đán là tranh “Tam phủ”; “Tứ phủ”... với nội dung khuyến thiện, trừ ác. Tranh “Gà Đại cát” để cầu chúc mọi người, mọi nhà đón Xuân, ăn Tết vui vẻ, tốt lành, may mắn. Tranh “Gà đòn” thể hiện

tình mẫu tử, tình yêu đồng loại. Tranh “Lợn ăn lá dại” thể hiện tinh thần âm- dương bình hành, có thái cực là có lưỡng nghi, có âm là có dương. Đó là sự sinh tồn, phát triển. Tranh lợn chứa đựng những ước nguyện của người nông dân khao khát cuộc sống sung túc, đông vui, hòa thuận, no đủ.

Bộ tranh nhị bình “Quốc gia thịnh trị thiên hạ thái bình”, với mong ước đất nước thanh bình, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

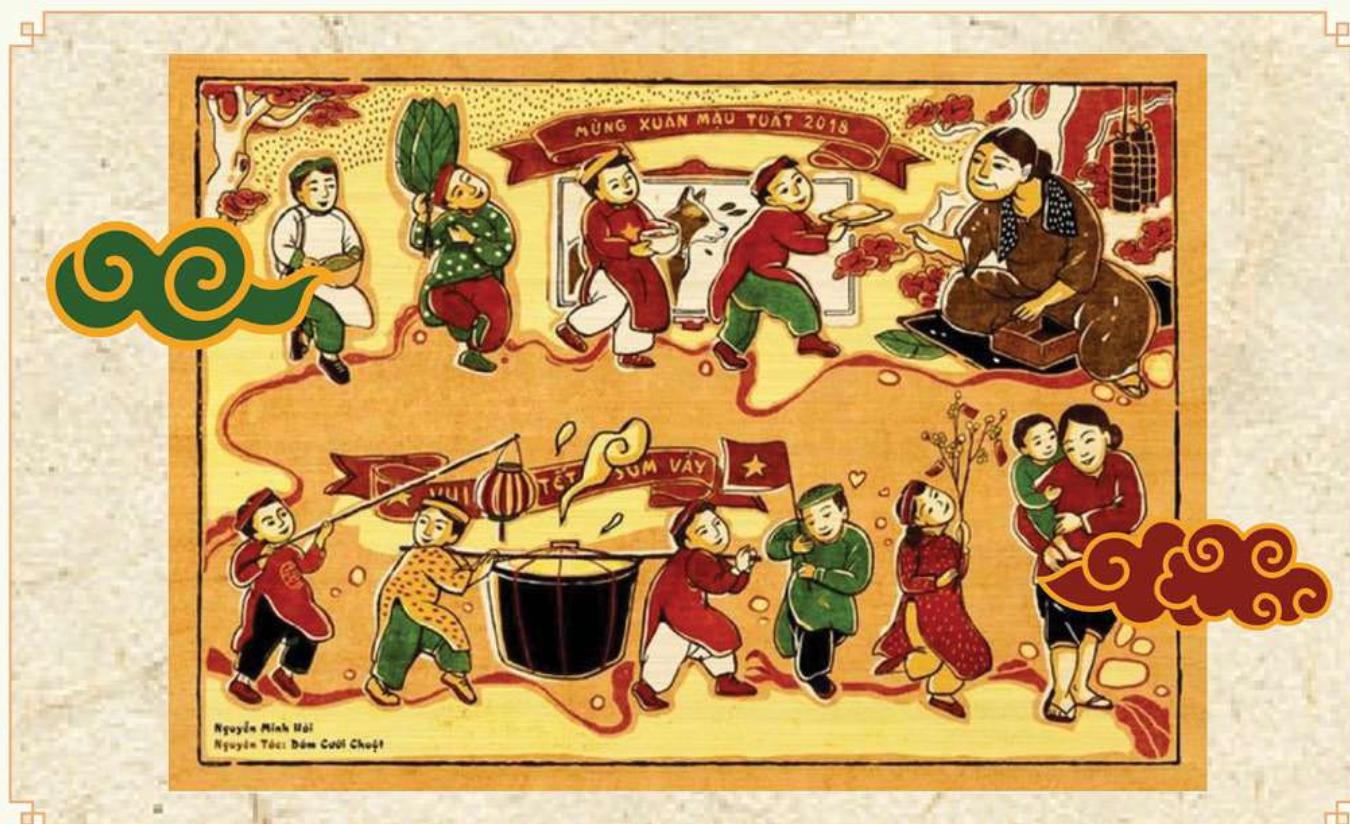
Tranh “Vinh hoa” (bé trai ôm con gà) thể hiện lời chúc có con trai khỏe mạnh, lớn lên sự nghiệp vinh hiển.

Tranh “Đám cưới chuột, nhắc nhở con người sống phải đạo, biết đối nhân xử thế, sống nhân hậu, nhân văn, nhưng vẫn kiên cường tràn đầy sức chiến đấu. Tranh “Mục đồng thổi sáo” thể hiện sự bình yên, thanh lạc trong cuộc sống, một cuộc sống nơi thôn dã mộc mạc.

Tranh tứ bình “Tố nữ” loại tranh phổ biến trong các gia đình thành thị. Tranh thể hiện vẻ đẹp, sắc vóc và tâm hồn phụ nữ Việt Nam. Tranh

“Lý ngư vọng nguyệt” (Cá chép trông trăng) thể hiện ý chí học trò mong đỗ đạt như hình ảnh cá chép vượt vũ môn hóa rồng. Cá chép trong văn hóa dân gian biểu trưng cho ý thức và nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

So với các loại tranh khác, nghệ thuật tranh Đông Hồ mang tính biểu trưng, trang trí, nhưng vẫn giữ được nét mộc mạc, dễ hiểu, gần gũi với đời sống của người dân vùng châu thổ Bắc Bộ, độc đáo trong việc sử dụng đường nét tiết giảm, các mảng màu dẹt đều, là mẫu tự nhiên của cỏ cây, hoa lá, tươi sáng trên nền giấy điệp óng ánh. Về nội dung tranh dân gian Đông Hồ phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần, vật chất của con người, xã hội, theo quan điểm thẩm mỹ học dân gian của người dân châu thổ sông Hồng. Đó là những bức tranh khắc họa ước mơ yêu đời của người lao động cuộc sống gia đình thuận hòa, ấm no, hạnh phúc, về một xã hội công bằng, tốt đẹp. Tranh dân gian Đông Hồ góp phần không nhỏ vào việc lưu giữ văn hóa truyền thống của dân tộc làm cho đời sống tinh thần của người Việt thêm phong phú./.



Gốm Chu Đậu

TINH HOA VĂN HÓA VIỆT TOÁ SÁNG KHẮP NĂM CHÂU

Trần Mạnh Thường

Chu Đậu là một trong những cái nôi nghề gốm Việt Nam. Thôn Chu Đậu thuộc xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (xưa huyện Thanh Liêm, châu Nam Sách, trấn Hải Dương). Theo tiếng Hán Chu là thuyền, Đậu là bến, Chu Đậu là thuyền đậu bến. Chu Đậu là một làng quê nhỏ, nằm nép mình bên tả ngạn sông Thái Bình, một nhánh của sông Lục Đầu, nơi thông thương với Thăng Long và ra biển rất thuận lợi.



Bát trà chân cao, thế kỷ XVI, men lam đỏ, Chu Đậu

Gốm Chu Đậu là một dòng gốm cao cấp có niên đại khoảng thế kỷ XIII – XIV và phát triển rực rỡ vào thế kỷ XV – XVI. Nhưng sang thế kỷ XVII, gốm Chu Đậu bị thất truyền, bởi do cuộc chiến giành quyền lực giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh-Mạc diễn ra rất ác liệt ở châu Nam Sách, trong đó có Chu Đậu bị tàn phá nặng nề, dân tình phải chạy tán loạn khắp nơi, mà kể từ đó gốm Chu Đậu không

ai khác chính là Trịnh Tùng, người dành thắng lợi trong cuộc chiến tương tàn ấy.

Nói đến gốm Chu Đậu không thể không nhắc đến những dòng họ danh giá nhất trong làng gốm, đó là họ Đặng, họ Bùi, họ Vương..., với những bậc danh tài như Đặng Huyền Thông, Đặng Hữu, Đặng Tính, trong đó công sức Đặng Huyền Thông được ghi trên nhiều văn bia còn lại đến ngày nay. Về họ Bùi có bà Bùi Thị Hý, một nghệ

nhân nổi tiếng, có tác phẩm được lưu giữ ở bảo tàng nước ngoài.

Gốm Chu Đậu tuy bị lụi tàn, nhưng những tinh hoa của nó vẫn còn tồn tại đến nay và đang được nhân loại gìn giữ trong các bảo tàng nghệ thuật nổi tiếng thế giới.

Năm 1980, trong một chuyến đi công cán sang Thổ Nhĩ Kỳ, ông Makato Anabuki, nguyên Bí thư thứ hai Đại sứ quán Nhật Bản tại

Hà Nội, đã nhìn thấy một chiếc bình gốm hoa lam, cao 54cm, được trưng bày tại Bảo tàng Topkapi Saray, Istanbul. Trên bình có ghi dòng chữ Hán: "Thái Hòa bát niên, Nam Sách châu, tượng nhân Bùi Thị Hý bút" (tức Thái Hòa năm thứ 8- đời vua Lê Nhân Tông, 1450 – thợ gốm là Bùi Thị Hý, người Nam Sách). Ông còn cho biết chiếc bình này đã có người trả giá tới 1 triệu USD, trong một phiên đấu giá.

Ông Makato Anabuki đã viết thư nhờ Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương lúc bấy giờ là ông Ngô Duy Đông xác minh xuất xứ bình sứ quý giá đó.

Những thông tin do ông Makato Anabuki cung cấp, đã giúp cơ quan văn hóa Hải Dương đẩy mạnh công tác nghiên cứu sưu tầm những dấu tích làng gốm cổ Chu Đậu. Tháng 4/1986, Sở Văn hóa Thông tin Hải Dương phối hợp với các nhà khảo cổ học đã khai quật di chỉ Chu Đậu, người ta đã tìm thấy cả một nền đồ gốm rực rỡ, hưng thịnh, gồm nhiều di vật gốm mỹ nghệ cao cấp, kéo dài ba bốn thế kỷ mà trọng tâm là ở phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Ở đây ngoài làng Chu Đậu, csc nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều lò gốm ở các làng Vạn Yên, Phú Điền, làng Phúc Lão và làng Cậy...

Đến nay đã qua 8 lần khai quật ở độ sâu 2m, trên diện tích 70.000m², tại xã Thái Tân, các nhà khảo cổ phát hiện nhiều gốm cổ và trên 100 lò gốm.



Bình gốm Chu Đậu

Ngoài các hiện vật gốm cổ trong các cuộc khai quật, người ta còn tìm thấy nhiều sản phẩm gốm ở hai con tàu bị đắm ở biển Pandanan (Philippine) và ở biển Cù Lao Chàm, Quảng Nam, Việt Nam vào các năm 1993 và 1997, đã thu được hơn 340.000 đồ gốm Chu Đậu, trong đó có khoảng 240.000 hiện vật còn nguyên vẹn. Qua việc trục vớt hai con tàu đắm, cho thấy, thời bấy giờ gốm Chu Đậu đã được xuất khẩu rộng rãi ra thế giới. Rõ ràng xưa kia Chu Đậu là nơi sản xuất đồ gốm dân dụng và mỹ nghệ của cư dân Việt. Sản phẩm gốm Chu Đậu đã đến với thế giới, vì chất lượng và vẻ đẹp của gốm.

Gốm Chu Đậu không chỉ tìm thấy ở các di chỉ khảo cổ, ở hai con tàu đắm, mà theo cuốn "Gốm sứ Việt Nam, một truyền thống riêng biệt" (Vietnamese Ceramics, a separate tradition) của NXB Art Media Resource ấn hành 1997, do John Stevenson và John Grey chủ biên, cho biết: Gốm Chu Đậu Việt Nam đã được

46 bảo tàng của 32 nước trên thế giới lưu giữ.

Ngoài Bảo tàng Topkapi Saray, Thổ Nhĩ Kỳ, còn có Bảo tàng Lịch sử Nghệ thuật Hoàng gia Bỉ đã trưng bày trên 3.000 cổ vật Việt Nam, trong đó gốm Chu Đậu nổi trội nhất là bộ sưu tập chân đèn thời Mạc, gồm 20 chiếc. Cũng tại Vương quốc Bỉ còn có Bảo tàng Hoàng gia Mariemont cũng có khoảng 150 cổ vật Việt Nam, trong đó có khá nhiều đĩa lớn, bình tì bà và đặc biệt là bộ sưu tập các con giống thuộc dòng gốm Chu Đậu, có niên đại thế kỷ XVI.

Riêng Bảo tàng Nghệ thuật Tokugawa ở Nagoya, Nhật Bản, đã trưng bày bộ sưu tập bát uống trà chân cao của Chu Đậu bằng men tam thái, trong đó đáng chú ý là chiếc bát trà của Tướng quân Tokugawa Ieyasu, có từ năm 1616, vẽ hoa văn men đỏ và men lục, vành ngoài vẽ hoa văn cánh sen, hoa cúc, đáy phủ men nâu. Chiếc bát trà chân cao này được coi là bảo vật của gia tộc Owari Tokugawa và được lãnh chúa Owari Tokugawa dùng làm mẫu để chế tác bát trà ở lò gốm của ông.

Nhà khảo cổ Philippe Trương cho rằng: Căn cứ vào kiểu dáng, lối trang trí độc đáo, kỹ thuật thể hiện và kiểu vẽ hoa văn, thì chiếc bát trà gốm Chu Đậu này được thừa nhận riêng biệt cho Tướng quân và gia tộc Tokugawa. Vì thế mà chiếc bát trà này được Chính phủ Nhật Bản đưa vào danh mục "Tài sản Văn hóa Quốc gia đặc biệt quan trọng của Nhật Bản". Chiếc bát trà gốm này đã có ảnh hưởng lớn đến kiểu dáng

và trang trí cho các đồ gốm của Nhật Bản từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX.

Trong số các đồ gia bảo của dòng họ quan Khâm sai vùng Nagasaki Ozawa Shiroemon Mitsunota có 8 món đồ sứ Chu Đậu và 1 món men trắng đời Lý. Hiện tại 4 trong số 9 món này thuộc sở hữu Bảo tàng Quốc gia Kyoto, Nhật Bản.

Tại Bảo tàng Guinet (còn gọi Bảo tàng Quốc gia Nghệ thuật châu Á Guinet) ở Paris, Pháp, có trưng bày bộ sưu tập gốm Chu Đậu rất hiếm của nước ta.

Tại Bảo tàng Nghệ thuật Dresden (CHLB Đức) có một số hiện vật gốm Chu Đậu vào thời Lê (thế kỷ XV) hoặc thời Lê – Mạc (thế kỷ XV – XVII).

Một điều, khiến nhiều người rất ngạc nhiên và lấy làm tự hào, bởi vào thời bấy giờ, người ta chưa có khái niệm về giải phẫu học con người (anatomy), nhưng người thợ gốm Chu Đậu đã tạo dáng được tượng hình người bằng gốm sứ, mà không một lò gốm nào chế tác được.

Sở dĩ, từ xa xưa gốm Chu Đậu đã lừng danh thế giới, được nhiều nước ưa chuộng bởi chất lượng gốm: "Mỏng như giấy, trong như ngọc, trắng như ngà, kêu như chuông". Hơn nữa từ dáng vẻ, chất men, họa tiết, hoa văn trang trí... đều mang đậm bản sắc Việt và đạt đến trình nghệ thuật độ cao.

Các bình gốm Chu Đậu được thiết kế rất đa dạng về kiểu dáng, kích thước phù hợp để trang trí trong các không gian. Đặc biệt men gốm Chu Đậu làm từ tro vỏ

trấu lúa nếp cái hoa vàng. Đây là dòng men tro trấu thiên nhiên đã được xác lập "kỷ lục độc bản" Việt Nam và được cả thế giới ngợi ca về độ bền cũng như giá trị nghệ thuật đỉnh cao.

Bình gốm Chu Đậu có giá trị cả về mặt thẩm mỹ, đồng thời mang ý nghĩa phong thủy sâu sắc. Người sử dụng đồ gốm sứ Chu Đậu thu hút tài lộc, giúp người dung có thể cải thiện vận khí và cuộc sống bản thân.

Gốm Chu Đậu thuộc dòng gốm cao cấp, bởi loại gốm này được sản xuất từ loại đất sét trắng chỉ có ở vùng Trúc Thôn, Chí Linh, nguồn nguyên liệu đặc biệt tạo nên độ bền và vẻ đẹp riêng của sản phẩm.



Tượng người

Nét nổi bật nhất của bình gốm Chu Đậu là thể hiện được nét văn hóa độc đáo, đặc sắc của dân tộc Việt Nam – phản ánh đời sống sinh hoạt cũng như giá trị nhân văn của Phật giáo, Nho giáo trong các tác phẩm gốm.

Đồ gốm Chu Đậu hình dáng thanh tao, nước men trong và

mỏng, hoa văn đầy đầy hình ảnh đời sống nông thôn Việt Nam. Men gốm Chu Đậu rất phong phú, như men ngọc (celadon), men nâu, men trắng, men lục. Những tiêu biểu nhất là men trắng trong và hoa văn mầu xanh (men trắng chàm) và men trắng trong với hoa vawnba mầu: vàng, đỏ nâu và xanh lục (men tam thái).

Men ngọc, men trắng, men nâu và men mầu đen thường bị lẫn với đồ gốm thời Lý – Trần. Tuy nhiên hoa văn trên men thời Lý thường được vẽ bằng cách khắc chìm hoặc đắp nổi, hoa văn Chu Đậu được vẽ bằng men mầu.

Men trắng chàm và men tam thái là hai loại men rất nổi tiếng và được ưa chuộng hơn cả. Men trắng chàm, (nền men trắng, hoa văn mầu xanh biếc), chiếm số sản gốm nhiều nhất. Các đồ gốm vót được ở con tàu bị đắm ngoài khơi Đà Nẵng đều được phủ lớp men trắng chàm.

Từ thông tin của ngài Bí thư Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam và qua công tác khảo cổ cũng như việc tìm thấy các hiện vật gốm trên hai con tàu đắm và ở các bảo tàng của các nước, những người con của Chu Đậu cảm thấy tự hào. Từ đó người dân Chu Đậu bùng khởi phục hồi lại nghề truyền thống mà cha ông họ đã để lại.

Nhờ thế, hiện nay các sản phẩm gốm Chu Đậu ngày càng phát triển cả về số lượng mẫu mã cũng như chất lượng và giá trị nghệ thuật và đã vượt ra ngoài lãnh thổ quốc gia trở thành sản phẩm xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới, thu được một lượng ngoại tệ lớn./.



ỦY BAN NHÂN DÂN

LỄ KHAI

Xuân Quê

Đồ Sơn, ngày 2

Giấy Dó Nét tinh hoa văn hóa Việt

Trần Mạnh Thường

Nghề làm giấy dó xưa đã đi vào ca dao người Việt, niềm tự hào nét tinh hoa văn hóa của người Kẻ Bưởi:

Mịt mù khói tỏa ngà sương,

Nhip chày Yên Thá, mặt gương Tây Hồ

Khoảng cuối thời Lý, đến đầu đời Trần đã thấy có tài liệu ghi rằng: "Ở phía Tây kinh đô Thăng Long có một xóm thợ thủ công chuyên nghề làm giấy. Đó là phường giấy làng Dịch Vọng...". Sau đó nghề này lan truyền sang các địa phương ven sông Tô Lịch như Yên Hòa (tục gọi là làng Giấy), Hồ Khẩu, Đông Xá, Nghĩa Đô..

Đến thế kỷ XV, một phường làm giấy khác nổi lên, phồn thịnh hơn, phát triển hơn phường Dịch Vọng, đó là phường giấy Yên Thái (làng Bưởi). Sách "Địa dư chí", trong "Nguyễn Trãi toàn tập" đã viết: "Phường Yên Thái, huyện Quảng Đức làm giấy". Làng An Thái làm giấy bẩn, làng Đông Xá làm giấy quỳ, làng Nghĩa Đô làm giấy sắc. Trong bài phú "Tụng Tây Hồ", Nguyễn Huy Lượng, thời Tây Sơn viết về nghề làm giấy rất thơ mộng:

*Chày Yên Thái nện trong sương chấn chấn
Lưới Nghi Tàm ngăn ngọn nước quanh co.*

Ở thế kỷ XVIII, nhà sử học Lê Quý Đôn, trong bộ sách Bách khoa "Vân đài loại ngũ", ông đã nghiên cứu khá kỹ về nghề làm giấy Kẻ Bưởi. Đến khi Đức Lý Công Uẩn của đất nước Đại Việt, định đô ở Thăng Long thì nghề giấy ở Yên Thái càng phát triển mạnh. Giấy dó Yên Thái là mặt hàng được vua Lý Cao Tông (1176 – 1210) chọn làm triều cống cho nhà Tống.

Điều đó chứng tỏ rằng nghề làm giấy ở nước ta đã có lịch sử lâu đời và đến thế kỷ XVIII,

càng phát triển mạnh và lan rộng ra nhiều địa phương trong cả nước. Sản lượng giấy sản xuất hàng năm đủ đảm bảo để in nhiều sách bằng giấy nội địa.



Lò giấy dó Bưởi

Kỹ thuật làm giấy cổ truyền ở Yên Thái xưa khá phức tạp, nó đòi hỏi từng loại thợ cho từng công việc cụ thể. Mỗi công đoạn sản xuất đòi hỏi người thợ có tay nghề cao, trải qua nhiều kinh nghiệm. Sự chuyên môn hóa ấy, chịu sự chi phối bởi mục đích sản xuất, sản lượng và chất lượng giấy theo yêu cầu của người tiêu dùng. Chính vì vậy mà nghề làm giấy Kẻ Bưởi trở thành một phường nghề nổi tiếng phát triển cho đến thế kỷ XIX, khi kỹ thuật chế bản ra đời với phương pháp in mới tiên bộ, loại giấy cũ của Kẻ Bưởi đã không còn phù hợp. Nghề giấy Bưởi lụi tàn dần.



Đem dãi rửa sạch

Các cụ cao niên Kẻ Bưởi kể rằng: "Trước kia, vào các buổi sáng sớm, cả làng Bưởi vang nhịp thình thịch của tiếng chày giã giấy xen lẫn tiếng gọi nhau ơi trong các lò giấy. Những ngày phiên chợ mồng bốn, mồng chín hàng tháng, cả làng bán giấy tại chợ Cầu (chợ Cầu Đông), kẻ bán người mua chen chúc, tấp nập. Cả làng trắng xóa giấy phơi".

Nguyên liệu chính làm giấy là vỏ cây dó. Người ta đem cây dó trên rừng về, đầu tiên bóc vỏ, giã vỏ đem nấu, lọc và seo giấy, phơi, sấy khô, đóng gói.



Công cụ ép kiệt nước

Bể seo giấy xây bằng xi măng, chiều ngang 10,5m, dài 3m, cho bột giấy vào bể. Người ta lấy hai cái gậy, đứng hai bên thành bể, đánh tơi bột. Dùng cái "liềm trúc" xúc lên thành từng tờ giấy ướt, chồng xếp lên nhau, cho đến hết bể bột giấy, đưa ra ép nước,

cho đến khi khô kiệt. Người ta bóc từng tờ giấy một, đem sấy ở lò hoặc đưa ra phơi nắng.

Sản xuất giấy dó cần nhiều nước sạch để ngâm, đái, nấu dó. Bột dó phải nấu mới thành giấy. Trước đây, lò nấu đắp đất bên bờ sông Tô. Miệng lò đặt chiếc vạc. Vỏ dó được đun cách thủy trong vạc. Khi vỏ dó chín, vớt ra đem ngâm nước vôi. Sau đó bóc hết vỏ đen, phần vỏ còn lại màu trắng muốt, đem giã nhuyễn bằng cối lớn.

Nghề làm giấy cực nhọc, vất vả. Người làm nghề giấy truyền lại rằng: Khi xưa con gái làng Bưởi ra đường không dám mặc áo cộc tay, vì khi seo giấy, các cô phải tì tay vào thành bể, nên bị xay xát, thành chai sạn, thành sẹo. Con trai ra đường, người ta biết ngay người làng Bưởi, bởi anh nào đi cũng hơi vẹo một bên do khi gánh nguyên vật liệu làm giấy dưới thuyền lên, bằng một bên vai. Cái vất vả đó đã đi vào ca dao:

*Giã nay rồi lại giã mai,
Đôi chân tê mỏi. dó ơi vì mày!
Seo đêm rồi lại seo ngày,
Đôi tay tê buốt vì mày giấy ơi!*

Giấy dó có nhiều loại. Chợ giấy trên đất kinh kỳ xưa kia rất nhộn nhịp vào dịp Tết Nguyên đán với giấy dó. Người làng Bưởi đã sáng tạo ra nhiều loại giấy với đặc tính, chức năng khác nhau. Tốt nhất là giấy dó lụa, giấy quỳ, giấy lệnh, giấy sắc.



Các xếp chồng lên nhau (uốn), đem ép

Giấy quỳ thường dùng để dát "vàng bạc" lên đó. Giấy lệnh dùng trong công việc hành chính của triều đình, để viết các lệnh, chỉ dụ của nhà vua. Giấy sắc là loại giấy quý nhất trong các loại giấy dó. Giấy này có khổ to nhỏ khác nhau. Khổ to nhất 2m x 0,75m, cỡ nhỏ nhất 1,3m x 0,52m. Giấy sắc rất dai, không bị thấm nước, không bị mối mọt, có thể lưu giữ trong vài trăm năm.. Với đặc tính quý đó, giấy sắc được giành riêng cho nhà vua dùng viết sắc chỉ để phong tước, phong công cho các triều thần, có công với nước và các bậc Thần Thánh có công được phong Thánh. Cũng vì điều này, mà trên bề mặt giấy sắc có in nổi nhẹ hình Rồng phun mây và Rồng – Phượng. Nhà vua sử dụng giấy hình nào cho việc sắc phong là tùy theo thứ cấp khi phong công, phong Thánh.

Vì thế, việc sản xuất giấy sắc rất cầu kỳ. Người thợ đặt tờ giấy lên mặt tảng đá nhẵn để "nghè"- tức là dùng vồ gỗ gõ khẽ, nhẹ đều tay lên mặt tờ giấy, làm cho mặt tờ giấy thêm nhẵn, đanh (vì vậy, giấy này còn có tên "giấy nghè" và làng Nghĩa Đô sản xuất loại giấy này được gọi là làng Nghè). Sau khi vẽ, trang trí hoa văn (Rồng, Phượng...), người thợ phết một lớp hoàng liên lên giấy tạo nên màu vàng. Cuối cùng phủ một lớp keo lên mặt giấy để làm cho giấy đanh thêm đồng thời để chống ẩm và mối mọt.



Bột giấy thả vào tàu seo

Ngoài ra còn có loại giấy dó lụa mỏng, mềm như lụa Hà Đông, gọi là giấy bản. Giấy dó lụa dùng in sách, chép thơ, chép kinh. Người thợ Kẻ Bưởi còn sản xuất giấy thô ráp để gói hàng, như giấy moi, giấy phèn.

Giấy dó lụa truyền thống Kẻ Bưởi được Henri Oger người Pháp viết trong cuốn "Kỹ thuật của người Annam" là loại giấy xốp nhẹ, bền dai, không nhòe, khi viết, vẽ và ít bị mối mọt. Giấy không bị dòn, gãy, ẩm nát, mềm mỏng như lụa. Người dùng có thể vò nát tờ giấy, nhưng khi vuốt ra, lại phẳng như trước. Giấy dó đã tạo được thương hiệu riêng cho mình.

*Cho dó vào cối già nhuyễn*

Đặc biệt đến đầu thế kỷ XX, nhờ có kỹ thuật bóc kép nhiều lớp và kỹ thuật cán giấy hiện đại, giấy dó vốn được bóc đơn, nay được chồng nhiều lớp, tạo những độ dày khác nhau. Những thớ sợi của vỏ cây vốn đã dẻo dai, nay được liên kết nhiều lớp: ngang, dọc, chéo, được cán chặt với nhau làm cho mặt giấy đanh, chắc. Tờ giấy nếu bị xé rất khó rách. Hơn nữa sản phẩm Kẻ Bưởi còn được tráng bề mặt giấy bằng lớp nhựa cây gỗ "mò", tạo thành một thứ giấy bền lâu.

Khi nghiên cứu giấy của người Việt, một học giả người Nhật đã nhận định: giấy dó truyền thống làng Yên Thái không chỉ là "một loại giấy độc nhất vô nhị ở Việt Nam mà còn xứng đáng có được một tầm vóc lớn trong lịch sử sản xuất giấy của thế giới".

*Chuyển dó vào vạc nấu*

Giấy dó Kẻ Bưởi đáp ứng cho nhiều nhu cầu khác nhau trong xã hội xưa, đặc biệt đối với việc in ấn sách kinh để lưu truyền mà tiêu biểu là bộ "Kinh thư Phật giáo". Sự phát triển của nghề giấy dó đã góp phần thúc đẩy nghề in mộc bản và việc tăng sản lượng cũng như nâng cao chất lượng của giấy dó Bưởi và các vùng khác đã đáp ứng ngày càng tăng của xã hội nước ta lúc bấy giờ.

Giấy dó đã đi từ hoang sơ, bước vào văn hóa Việt và trang điểm cho nền văn hóa lâu đời của người Việt- Khi xã hội phát triển, không dùng giấy dó để viết, vẽ nữa, thì nghề làm giấy dó đã bị mai một. Nhưng không vì thế làm giấy dó đi vào lãng quên. Bởi giờ đây giá trị ấy sẽ bước sang một giai đoạn mới giành cho nền nghệ thuật sáng tạo mới. Giấy dó vẫn còn là hồn cốt của tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống, Hà Nội... Và làng nghề Yên Thái vẫn còn đó như một chứng tích lịch sử về một vùng quê với nghề giấy dó nổi tiếng xưa kia./.



Tranh Kim Hoàng

TÂM LINH CỦA NGƯỜI VIỆT

Trần Mạnh Thường

Năm hết, Tết đến, người người, nhà nhà cùng nhau đi sắm Tết, mua tranh Tết, câu đối Tết trang trí nhà cửa. Nói đến tranh Tết, thường người ta nghĩ đến dòng tranh Đông Hồ, Kinh Bắc, tranh Hàng Trống, kinh thành Thăng Long, Hà Nội, ít ai biết Kim Hoàng cũng là một dòng tranh dân gian nổi tiếng của xứ Kinh kỳ xưa mỗi dịp Tết đến xuân về, một dòng tranh mang đậm tâm linh người Việt.

Khác với dòng tranh Đông Hồ và Hàng Trống, mặc dầu đến nay đã bị mai một, nhưng vẫn còn có nghệ nhân theo nghề, say sưa với nghề. Ngược lại tranh Kim Hoàng đã gần 100 năm biến mất, không còn một ai biết đến.

Tranh Kim Hoàng là tên thường gọi của một dòng tranh dân gian phát triển khá mạnh từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, ở làng Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ, nay là Hà Nội. Làng Kim Hoàng là sự hợp nhất hai làng Kim Bằng và Hoàng Bằng thành Kim Hoàng vào năm Chính Hoà thứ 22 (1701)^{1*} và có lẽ cũng từ đó là tiền đề chuẩn bị cho sự ra đời của nghề in tranh của làng Kim Hoàng?



Hàng năm vào rằm tháng Một (tháng 11 Âm lịch), đến giáp Tết, người làng Kim Hoàng bắt đầu in tranh. Nhưng trước khi in tranh cả làng tiến hành cúng tổ nghề.

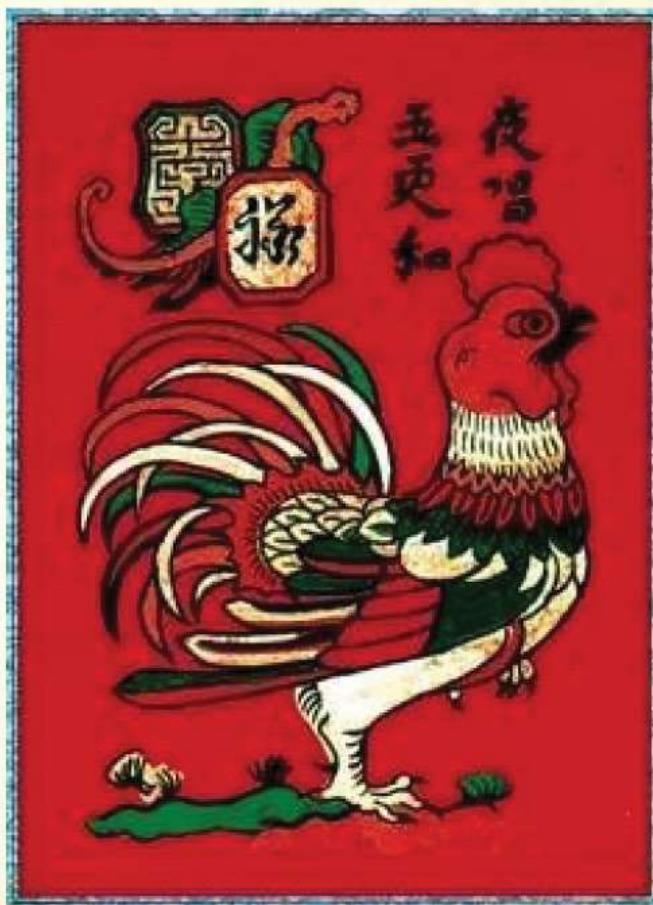
Tranh được in ra từ các ván in. Các ván in tranh do ông chủ phường có tài năng vẽ và khắc cất giữ. Ván in chỉ được phát cho các gia đình in tranh sau ngày giỗ tổ. Trong quá trình in, các gia đình đổi ván in cho nhau. Hết mùa tranh các gia đình giao nộp ván lại cho chủ phường.



Tranh Kim Hoàng gồm nhiều loại: Tranh thờ cúng, tranh chúc tụng như một số dòng tranh Đông Hồ, Hàng Trống, nhưng tranh Kim Hoàng biết kết hợp các ưu điểm của hai dòng tranh đàn anh này, nên tranh Kim Hoàng có nét khắc tinh tế, thanh mảnh và tỉ mỉ hơn tranh Đông Hồ và màu sắc tươi tắn hơn tranh Hàng Trống.

Về màu sắc tranh Kim Hoàng dùng mực tàu in đường nét, mầu trắng dùng thạch cao, phấn, mầu chàm, xanh chàm dùng mực tàu hoà với nước chàm.

Khác với tranh Đông Hồ in trên giấy quét điệp, tranh Hàng Trống dùng giấy xuyên trắng, còn tranh Kim Hoàng phần lớn in trên giấy mầu đỏ, giấy hồng điểu, giấy tàu vàng. Bởi thế người xưa gọi tranh Kim Hoàng là “tranh đỏ”.



Trước đây, để có bức tranh mầu đỏ rực rỡ, tươi tắn, nghệ nhân Kim Hoàng thường dùng những bản khắc gỗ thị, gỗ mít hay gỗ vàng tâm, với những nét khắc tinh xảo, kỹ thuật in ngừa ván.

Giấy hồng điểu để vẽ tranh mua ở phố Hàng Mã, Hà Nội. Đây là loại giấy được sản xuất từ vỏ

cây dó . Xơ dó kết lại với nhau tạo nên tờ giấy dó. Sự kết mạng này làm cho tờ giấy xốp, nhẹ, tạo mặt vân có những sợi dó, Để giảm bớt độ loang nhoè của giấy dó, người ta dùng nước hồ và phèn chua cho vào một trong những công đoạn làm giấy. Hỗn hợp hồ - phèn chua càng nhiều thì độ loang của giấy càng giảm.

Khi in, người ta dùng những bản khắc gỗ có sẵn, quét mực tàu lên bản khắc, rồi đặt tờ giấy trên mặt bản khắc, thật phẳng và dùng xơ mướp khô xoa nhẹ, đều, để làm nổi rõ đường nét các hình, rồi đem phơi nắng. Chờ cho tranh khô, đem tô màu và vẽ thêm đường nét cho bức tranh sinh động hơn. Lối tô màu này gần giống tranh Hàng Trống, nhưng khác với tranh Đông Hồ, có ván in mầu riêng. Vì vậy, làm tranh Kim Hoàng tốc độ chậm, nhưng cho những bức tranh đa dạng, phong phú.



Trong các kỹ thuật làm tranh Kim Hoàng thì khâu khắc ván in là khó nhất. Kỹ thuật khắc tranh Kim Hoàng cho thấy sự công phu từ khâu chọn gỗ thị (mít hay vàng tâm), phải có tính mềm, dẻo, bền, và không bị nứt. Để hoàn thành một bản khắc người thợ phải dùng tới 40 loại đục khác nhau và nhiều dao trổ khắc tranh.

Chối để tô mầu, làm bằng rơm nếp, tạo độ mềm mại vừa phải và dễ điều chỉnh cho mỗi nét tô. Vì vậy, nhìn tranh Kim Hoàng nét vẽ mộc mạc, ngây ngô nhưng rất sinh động. Bởi vì tranh Kim Hoàng sinh ra từ miền quê nông thôn, nhằm phục vụ nông dân lao động và chính điều đó ảnh hưởng rất lớn đến màu sắc của tranh Kim Hoàng. Với người nông dân lao động mỗi độ xuân về Tết đến, là dịp người ta đi mua sắm, nào câu đối, tranh màu đỏ mang về trang trí nhà cửa, nhằm hy vọng Năm Mới may mắn đến với mọi người.

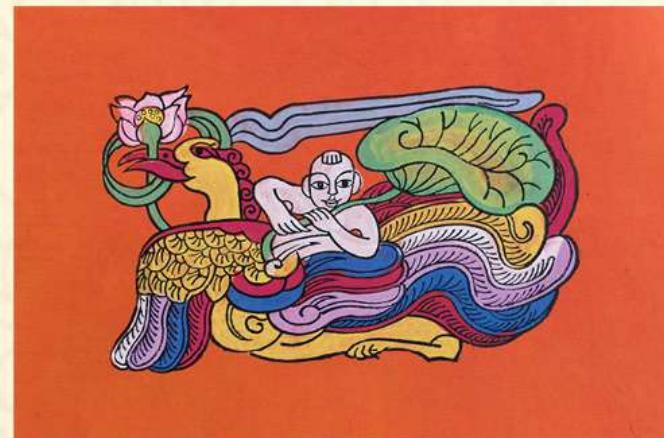
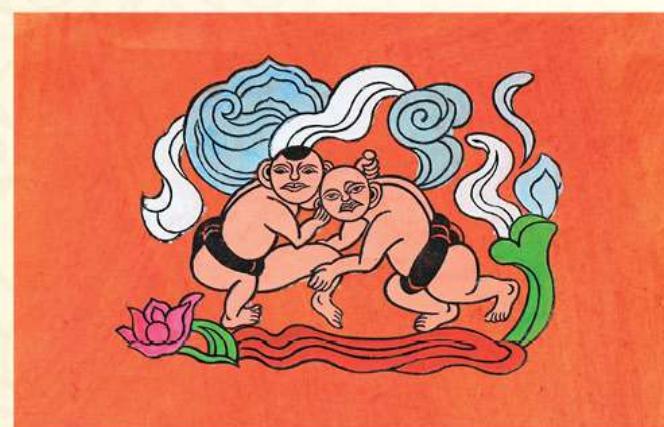


Tranh Kim Hoàng màu sắc tự nhiên tươi tắn, rực rỡ. Màu sắc tự nhiên bao giờ cũng làm từ mầu thiên nhiên[A1], nên sau một thời gian màu sẽ trong không bị đục mờ.

Để tài tranh dân gian Kim Hoàng cũng rất phong phú được lấy từ chính cuộc sống mộc mạc giản dị quen thuộc của người nông dân đồng bằng Bắc Bộ, chân lấm tay bùn, nên dễ dàng đi vào lòng người. Đó là hình ảnh con trâu, con bò đang cày bừa trên đồng ruộng là con lợn đang ủn ỉn trong chuồng là con gà gáy sáng buổi bình minh...

Khác với tranh Đông Hồ Hàng Trống, tranh Kim Hoàng không chỉ có hình ảnh mà còn được trang trí những câu thơ chữ Hán, được viết theo lối chữ thảo, ở phía trên góc trái bức tranh, tạo cho bức tranh có một bố cục chặt. Hình vẽ và thơ thể hiện trên tranh tạo nên một sự hài hòa cả về nội dung lẫn hình thức. Có được bố cục này chứng tỏ nghệ nhân không chỉ thạo chữ Hán, mà còn có trình độ hiểu biết nhất định và cảm thụ được từ thơ để phù hợp với tranh. Đó là đặc điểm nổi trội nhất của tranh Kim Hoàng./.

1*) Đời vua Lê Hy Tông có hai niên hiệu: niên hiệu Vĩnh Trị (1/1676 – 9/1680) và niên hiệu Chính Hoà (10/1680 – 3/1705).



PHƯỚC TÍCH LÀNG GỐM ĐỎ LỬA TRÊN 5 THẾ KỶ

Trần Mạnh Thường

Phước Tích ngôi làng cổ thuộc thôn Phước Phú, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, Huế, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 40 km về phía Bắc, theo Quốc lộ 1A, đến cầu Mỹ Chánh rẽ về phía biển, ta sẽ bắt gặp làng Phước Tích. Làng Phước Tích nằm ở vị trí khá đặc biệt, nơi giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên, Huế, được bao bọc bởi dòng Ô Lâu huyền thoại.

Làng Phước Tích được hình thành vào năm 1470 (năm Canh Dần), đúng vào thời gian mở mang bờ cõi về phương Nam của nhà nước phong kiến Đại Việt. Theo ghi chép trong gia phả của dòng họ Hoàng, dưới thời vua Lê Thánh Tông cuối niên hiệu Hồng Đức thứ nhất 1470 và đầu niên hiệu Hồng Đức thứ hai 1471,

Hầu tước Hoàng Minh Hùng, tục gọi là ông Nỗi, người làng Cẩm Quyết, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, sau khi chinh phạt quân Chiêm Thành thắng lợi, trên đường trở về, Hầu tước nhận thấy vùng đất này là nơi “đất lành chim đậu”. Ông dừng chân lại đây và cho lập làng. Và ông trở thành thuỷ Tổ họ Hoàng của làng.



Lò nung cổ xưa

Buổi bình minh, làng có tên là Phúc Giang (dòng sông có nhiều phúc lộc) còn gọi xứ Cồn Dương. Đến thời Tây Sơn làng đổi tên thành Hoàng Giang, để tưởng nhớ đến dòng họ Hoàng, người “khai canh lập ấp” vùng đất này. Năm 1802, vua Gia Long lên ngôi Hoàng đế, cho đổi tên là Phước Tích, theo ước nguyện của dân làng “tích luỹ phúc đức cho con cháu về sau”, đồng thời cũng để tránh tên huý chúa Nguyễn Hoàng.

Làng cổ Phước Tích, thuở trước là đất của người Chăm, đến thời vua Chế Mân, năm 1306, đã dâng hiến cho Đại Việt hai vùng châu Ô và châu Lý làm quà cưới Huyền Trần Công chúa.

Phước Tích tuy là một làng nhỏ nhưng có đến 12 bến nước, tượng trưng cho 12 dòng họ đầu tiên đến khai canh lập địa.



Om ngự

Cùng với việc lập làng, những lưu dân xứ Nghệ vào đây sinh cơ lập nghiệp, đồng thời họ mang nghề gốm cổ truyền theo, lại gặp nơi không có ruộng đất canh tác, nhưng quanh vùng này rất giàu loại đất sét quý, phù hợp cho nghề gốm phát triển, và là nơi cận sông nước, thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa. Từ đó, người dân Phước Tích chủ yếu sống bằng nghề gốm sứ.

Gốm Phước Tích làm từ đất sét. Sản phẩm gốm Phước Tích nổi tiếng khắp vùng quê không chỉ bởi độ bền, mà đặc biệt rất phong phú về kiểu dáng, không có cái nào giống cái nào và khác nhau cả về màu sắc. Các sản phẩm gốm Phước Tích tuy không tráng men, nhưng sau khi nung vẫn có một lớp men nổi bên ngoài không bị thấm thấu.



Ang

Lò nung nung gốm Phước Tích chủ yếu dùng củi, nhưng đây lại là một khó khăn của người thợ gốm, vì vùng này hiếm củi. Nhưng do Phước Tích là nơi sản xuất “om ngự”, nồi nấu cơm cho vua, chỉ dùng một lần rồi vứt bỏ. Dân gian có câu:

*Om Phước Tích ngon cơm Hoàng đế,
Sen Hà Trì quý thể Phú Xuân.*

Do đó, hàng tháng làng phải nộp cho triều đình Huế 30 chiếc “om ngự”. Nhờ vậy, làng được đặc ân đi các nơi khai thác những gì cần cho nghề gốm, mà không cần xin phép chính quyền địa phương, trong đó có việc vào rừng thuộc xã Mỹ Xuyên, hay sang Cồn Gióng, xã Hải Chánh, hoặc đến Dương Khánh, xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị để lấy củi.



Siêu nấu nước

Lò nung gốm Phước Tích là loại "lò cóc", vì có hình dáng bầu bầu như bụng con cóc. Lò dài chừng 30m, phía trên có mái che lợp bằng tranh.

Gốm Phước Tích làm hoàn toàn theo phương pháp thủ công truyền thống. Các sản phẩm được tạo hình bằng cách đặt đất sét lên bàn xoay, rồi dùng tay để tạo dáng sản phẩm.

Sách "Ô châu cận lục" ghi rằng: Tại vùng này có hai làng Phước Tích và Mỹ Xuyên đều làm nghề gốm nổi tiếng nằm cạnh nhau. Nhưng về sau người ta biết chỉ có làng Phước Tích làm nghề gốm. Thậm chí ngay cả người dân Mỹ Xuyên cũng không biết tại làng mình đã từng có lò nung gốm. Nhưng qua trận lũ năm 1990, làm xói mòn khu vực Cầu Máng (gần Cồn Trèng), làm lộ thiên các hiện vật gốm cổ. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đây là gốm Chăm. Một số khác lại khẳng định đây là gốm Việt. Thực ra giữa gốm Chăm và gốm Việt khác nhau chủ yếu qua công đoạn chế tác. Người thợ gốm Chăm chế tác không cần bàn xoay, mà dùng đôi bàn tay khéo léo để tạo dựng bất cứ sản phẩm nào. Họ không cần xây lò nung lớn như lò gốm Việt.



Tạo dáng trên bàn xoay

Sản phẩm gốm Phước Tích đa dạng về kiểu dáng, phong phú về chủng loại như: lu (chum), ghè, thạp, thống, om (niêu), ông Táo (bếp đun), đồ đồng ...

Trải qua một thời dài lịch sử, gốm Phước Tích thịnh suy theo thời gian. Ngày nay có nhiều sản phẩm gốm sứ công nghiệp với độ tinh xảo cao, màu sắc bền, mẫu mã vô cùng phong phú ra đời. Gốm Phước Tích không thể nào cạnh tranh nổi. Làng gốm Phước Tích chính thức tắt lửa vào năm 1980, sau 500 năm hoạt động bền bỉ, đã làm cho bao người nuối tiếc./.



Sản phẩm gốm Phước Tích



Nhà cổ Phước Tích



Đặc sản Miền Làng So: Từ thần tích ngàn năm đến sản phẩm OCOP

Vương Xuân Nguyên

Hà Nội là đất trăm nghề với nhiều đặc sản vùng miền nổi tiếng kết tinh những giá trị văn hóa từ những huyền tích gắn với sản phẩm được ông cha truyền qua bao thế hệ. Chính những câu chuyện văn hóa, huyền tích trong lịch sử hình thành sản phẩm gắn với một vùng đất không chỉ góp phần làm nên giá trị gia tăng cho sản phẩm mà còn tạo ra sự phát triển bền vững. Tiêu biểu cho dòng sản phẩm như thế phải kể đến đặc sản Miền làng So xã Cộng Hòa và xã Tân Hòa (Quốc Oai, Hà Nội) có quá trình hình thành phát triển "Từ thần tích ngàn năm đến sản phẩm OCOP".

Dặc sản Miền Làng So gắn với sự kiện Lý Công Uẩn giải vây ở Chùa Bối Khê ở bởi quân của Độc Nhĩ Vương - Đỗ Cảnh Thạc. Trước tình thế nguy cấp, ba vị chủ soái họ Cao đã tập hợp 300 tráng sĩ của Làng So - Trang Sơn Lộ đi giải vây cho nghĩa quân của Lý Công Uẩn. Tiễn những người con lên đường làm nhiệm vụ, người dân Làng So đã thiết đãi nghĩa quân món bún truyền thống (Đến ngày nay vẫn có câu "Mồng 3 ăn bún, mồng 4 ăn chè, mồng 5 giết sâu bọ"). Về sau bún không chỉ được làm từ bột gạo mà được làm từ nhiều chất liệu khác như: ngô, khoai, sắn... Riêng bún được làm từ củ dong riêng là loại thực phẩm phổ biến hơn cả và được gọi là Miến Dong). Năm 968 sau khi bình định xong sứ quân Đỗ Cảnh Thạc ở Đại La, Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng Đế lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng Đế đã ghi nhận công tích của nghĩa quân Làng So và phong cho 3 vị chủ tướng của 300 tráng sĩ Làng So là Tam vị hiện thông Nguyên Soái Đại Vương, đồng thời cho lập ngôi đền thờ phùng đời đời. Đặc biệt, đây là ngôi đền duy nhất ở các cửa ô có hướng chính hướng ra Hoàng Thành Thăng Long. Năm 1673, ngôi đền năm xưa được cải tạo thành ngôi đền đẹp nhất Xứ Đoài để tri ân công đức Tam vị Đại Vương là tướng nhà Đinh có công giúp Đinh Tiên Hoàng - Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.

Từ thần tích ngàn năm...

Từ hạt gạo con người đã chế biến ra nhiều loại thực phẩm khác nhau để phục vụ đời sống. Bún gạo là một trong những sản phẩm như thế. Hạt gạo trải qua quá trình chế biến thành bún sợi ở hai dạng bún ướt hoặc bún khô. Bún khô còn được gọi với tên gọi khác là miến gạo với đặc điểm bảo quản được lâu hơn và dễ dàng cho quá trình chế biến. Dần dần miến gạo được người dân làng So phát triển khi pha trộn gạo với những loại ngũ cốc khác để tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng hơn. Trong quá trình đó, người ta phát hiện ra bột củ dong riêng có thể dùng làm miến sẽ tạo ra một loại thực phẩm miến vừa dai vừa dòn và có thể bảo quản được lâu hơn. Sản phẩm miến dong của làng So nổi tiếng khắp các vùng miền với câu "Tiệc yến Miến So" để so sánh vị ngon của loại thực phẩm này không thể thiếu trong các tiệc yến cao lương mỹ vị quan trọng!

Ít ai biết rằng, đặc sản Miến So đã có truyền thống phát triển hơn 1000 năm trước gắn huyền tích người dân làng So khao nghĩa quân của ba vị Thành Hoàng làng So, Tam vị Thông Hiện Nguyên soái Đại Vương họ Cao cùng 300 tráng sĩ của làng đi phò Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân ở Thế kỷ thứ X.



Nhiều vị khách Quốc tế khi đến Việt Nam đã tìm về Làng So thăm lại ngôi đình đẹp nhất Xứ Đoài và tìm mua đặc sản Miền Làng So

Thần tích ngọc phả Đình làng So và các nguồn sử liệu chép rằng, vào mùa xuân năm Canh Dần (930), có ông Cao Hiển và bà Lã Thị Ẩ ở hương Vạn Kỳ, huyện Gia Định, phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc nhà vốn rất nghèo, làm nghề đánh cá trên sông. Hai ông bà rất thích làm việc thiện, một việc thiện dù nhỏ cũng làm. Một hôm hai ông bà chài lưới trên sông Như Nguyệt, kéo được 15 dật vàng. Từ đấy hai ông bà làm ăn cứ khấm khá mãi lên nên cuộc sống rất khá giả. Hiếm nỗi hai ông bà đã ngoài 50 tuổi mà vẫn chưa có con trai. Ông vẫn thường nói: Tiền ròng gạo bể mà không có con thì sống không được vui và bàn với bà đi tìm nơi cầu tự. Hai ông bà nghe nói ở đền Hữu Linh, làng So, trang Sơn Lộ là nơi linh ứng cầu gì được nấy, bèn cùng nhau sắm sửa lễ vật đến đó cầu tự. Sớm hôm sau ông bà làm lễ tạ rồi xuống thuyền cùng với hai người vạn chài xuôi dòng sông Đáy. Thuyền đang đi, trời bỗng nhiên tối sầm lại như đêm và một trận gió lớn ập đến. Lúc này thuyền chở ông bà đến địa phận trang Sơn Lộ, hai người ngẩng đầu nhìn lên trời thấy có đám mây vàng hướng vào bà mà hạ xuống. Lã thị hoảng sợ, nằm miên man. Sau đó bà có mang. Tháng 2 năm Quý Tỵ (933), bà

sinh được 3 người con trai. Ba chàng trai khỏe mạnh khỏe lớn khôn rồi theo Đinh Bộ Lĩnh đi dẹp loạn 12 sứ quân.

Chỉ trong vài năm, ba ông cùng Đinh Bộ Lĩnh lần lượt đánh thắng, bình định được 11 sứ quân. Tuy nhiên khi đối mặt với sứ quân hùng mạnh nhất do Đỗ Cảnh Thạc (Độc nhĩ vương) làm chỉ huy ở khu vực Thanh Oai, Quốc Oai, Thạch Thất, quân của Đinh Bộ Lĩnh chịu nhiều tổn thất. Bởi nơi đây không chỉ có thành cao hào sâu mà Độc Nhĩ Vương là người trí dũng mưu lược lại được lòng dân địa phương. Với nhân dân ở xứ này, Đỗ Cảnh Thạc là người có công trong việc mang các nghề Nông, Trang, Canh, Cửi...đem lại cuộc sống cho họ (Đến nay, nhiều nơi ở Thanh Oai, Quốc Oai đã tôn ông là Thành Hoàng làng và được thờ phụng ở một số di tích như đền Tam Xã, đình Sài Khê, đình Thụy Khê, đình Đa Phúc ở xã Sài Sơn, đình Ngô Sài ở thị trấn Quốc Oai, đình Cổ Hiền xã Tuyết Nghĩa thuộc huyện Quốc Oai; đình Bình Xá, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất và đền thờ ở làng Bình Đà, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai....).



Đặc sản Miến Làng So: Từ thần tích ngàn năm đến sản phẩm OCOP gắn với lịch sử ngôi đền được mệnh danh "Đẹp nhất Xứ Đoài"

Để đánh bại được sứ quân của Đỗ Cảnh Thạc, Đinh Bộ Lĩnh phải bàn mưu tính kế để đánh. Hai bên giao tranh ác liệt trong hơn một năm (966 - 967). Chiến công lớn của 3 ba vị chủ soái họ Cao cùng nghĩa quân làng So là trận chiến với sứ quân Đỗ Cảnh Thạc vùng Đỗ Động. Khi vượt sông Thanh Quyết, các ông đánh thành Thường Vệ, vây thành Bảo Đà, đánh thành Quèn (xã Liêm Tuyết, Quốc Oai) rồi đóng đồn doanh ở Sơn Lộ Trang. Khi Đinh Bộ Lĩnh bị vây hãm ở Bối Khê, tình thế vô cùng nguy cấp, lập tức ba ông mang quân đi giải vây. Dân trang Sơn Lộ đã chọn ra 300 tráng đinh khỏe mạnh đi theo các ông làm thần tử. Trước ngày xung trận, dân làng mở tiệc khao quân bằng những đặc sản nổi tiếng của quê hương khi đó là bún gạo, chè kho... trong 3 ngày liền đúng dịp Tết Đoan Ngọ (đến nay, người dân làng So vẫn có câu "Mồng ba ăn bún, mồng bốn ăn chè, mồng năm giết sâu bọ").

Vào trận, ba anh em họ Cao cùng nghĩa quân làng So tả xung hữu đột chém được chánh tướng Đỗ Thanh Long và hàng ngàn sĩ tốt, giải thoát cho Đinh Bộ Lĩnh. Năm 968, loạn 12 sứ quân được dẹp hoàn toàn, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế, hiệu là Đinh Tiên Hoàng đã sắc phong 3 anh em họ Cao là Tam vị Thông Hiện Nguyên soái Đại Vương. Sau khi ba vị hóa về trời, nhân dân suy tôn là Tam Thánh Thành Hoàng làng So và thờ tự của các ngài là một ngôi miếu được xây dựng vào thời nhà Đinh (968 - 980).

Đến năm 1673 thời Lê Trung Hưng (1533-1788), miếu được tu bổ cung như mở rộng thành đình So hoàn thành vào văn 1674 có hướng chính điện nhìn ra sông Đáy và Hoàng Thành Thăng Long.

Trải qua các triều đại, Tam Thánh Thành Hoàng làng So đều được sắc phong mỹ tự và cho trang Sơn Lộ đời đời thờ phụng. Đình làng So được biết đến là ngôi đền cổ kính có kiến trúc nghệ thuật độc đáo bậc nhất miền Bắc, được mệnh danh "Danh nam đệ nhất Xứ Đoài". Cùng với sự nổi tiếng của thắng tích Đình So, đặc sản Miến So cũng nổi tiếng khắp các vùng miền trong cả nước.

Đến sản phẩm OCOP

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của Hà Nội với mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; trọng tâm là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ... có lợi thế của từng địa phương. Sau một năm thực hiện, Chương trình OCOP của Hà Nội đến nay đã có thành công bước đầu, dần tạo sức lan tỏa rộng rãi...



Hà Nội là đất trăm nghề với hơn 7.200 sản phẩm nông sản, làng nghề tương thích với 6 nhóm ngành hàng theo chương trình OCOP gồm 2.881 sản phẩm thực phẩm (39,9%); 2.417 sản phẩm lưu niệm - nội thất - trang trí (33,5%); 1.396 sản phẩm vải và may mặc (19,3%). Nhiều sản phẩm OCOP của Hà Nội được gắn sao với ba mức là "3 sao", "4 sao" và "5 sao" không chỉ

đủ tiêu chuẩn phục vụ thị trường trong nước; mà còn có khả năng cạnh tranh. Trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu xây dựng Nông thôn mới đã góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, huyện Quốc Oai (Hà Nội) đã có nhiều việc làm thiết thực để cùng các hộ sản xuất, các tổ chức cá nhân có liên quan bước đầu đã đưa đặc sản Miến So là sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP.

Theo đó, chính quyền địa phương đã phối hợp cùng các cơ quan chức năng hướng dẫn các hộ sản xuất sản phẩm Miến dong đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; thường xuyên đổi mới quy trình sản xuất hiện đại an toàn và thân thiện môi trường; quan tâm nhiều hơn đến mẫu mã bao bì sản phẩm; chú trọng xây dựng

hình ảnh, uy tín và thương hiệu sản phẩm; tăng cường liên kết, thúc đẩy xúc tiến thương mại; bước đầu hình thành văn hóa tổ chức sản xuất kinh doanh kịp thời theo những yêu cầu ngày càng cao của thị trường... Nhờ đó, đặc sản Miến So ngày càng được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin dùng.

Gần đây, đặc sản Miến So đã xuất hiện tại hầu hết các hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm lớn của ngành Nông nghiệp và ngành Công thương. Tại các sự kiện trên, sản phẩm Miến So đã được ban tổ chức và người tiêu dùng đánh giá cao. Đặc biệt, Miến Làng So đã được người dân địa phương cải tiến mẫu mã, cải tiến quy trình sản xuất, tăng cường kết nối giao thương, bước đầu đã tiếp cận nhiều thị trường xuất khẩu trong khu vực và trên thế giới.



VINH COBA:

Nghệ nhân tranh kính siêu đẳng của Việt Nam

HÀNG NGA

Nghệ nhân ưu tú Phạm Hồng Vinh, còn được biết đến với biệt danh "Vinh Coba," đã đóng góp nhiều cho nghệ thuật tranh kính tại Việt Nam. Ông đã sáng lập và phát triển nghề tranh khắc kính trong nước trong suốt hơn 30 năm.

Nghệ nhân Vinh Coba sinh ngày 18/3/1961 tại Hà Đông, Hà Nội. Ông đã dành hơn 30 năm để tìm hiểu và học hỏi về nghệ thuật tranh kính, và ông là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kính nghệ thuật COBA. Ông đã kết hợp những tinh hoa của nghề tranh kính với "màu dân tộc" để tạo ra các tác phẩm tranh kính độc đáo. Trong những tác phẩm của ông, có những bức tranh tâm linh và các hình ảnh thể hiện nét đẹp và giá trị văn hóa của người Việt. Vinh Coba đã biến những tấm kính thông thường thành những tác phẩm nghệ thuật phong cách, ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như nội thất, ngoại thất, đồ gia dụng, quà tặng và nghệ thuật siêu thực.



Nghệ nhân Vinh Coba

Một điểm đặc biệt của tác phẩm của Vinh Coba là việc thể hiện văn hóa và truyền thống của Hà Nội và người Việt trong các bức tranh. Ông đã tạo ra các tác phẩm điêu khắc về Hà Nội, thể hiện sức mạnh và nét đẹp của đất nước, và mang những thông điệp về trang phục và nét đẹp của người dân Hà Thành. Ngoài các tác phẩm tâm linh, Vinh Coba cũng đã sáng tạo nhiều tác phẩm điêu khắc trên kính, đĩa, chai

lọ, với các danh lam thắng cảnh nổi tiếng trên khắp Việt Nam.

Vinh Coba muốn lưu giữ hình ảnh của Hà Nội cổ kính và hiện đại trên các tác phẩm tranh kính của mình, và mỗi hình ảnh này mang trong đó ký ức về quãng đời ông. Ông được gọi là "Phù thuỷ tranh kính" bởi sự tâm huyết và đóng góp của mình cho nghệ thuật tranh kính tại Việt Nam.

Ngoài việc là một nghệ sĩ tranh kính, Vinh Coba còn là doanh nhân và người sáng tạo. Ông đã không ngừng phát triển và cải tiến công nghệ sản xuất tranh kính, và sản phẩm của ông có độ bền cao và chất lượng vượt trội. Vinh Coba đã góp phần làm cho nghề tranh kính trở thành một ngành công nghiệp mới ở Việt Nam và là người tạo ra "làng nghề tranh kính trên đất nghìn năm."

Nói về nguồn gốc của tranh kính nghệ thuật, ông Vinh cho hay: Nhiều người lầm tưởng rằng tranh kính có mặt đầu tiên ở châu Âu nhưng thực tế không phải như vậy. Khi xuất hiện ở châu Âu, tranh kính hồi đó chỉ có các mảnh kính màu được gọt giũa, lắp ghép lại thường dùng để trang trí trong nhà thờ hoặc các ô cửa.



Còn với tranh kính Coba là loại tranh kính được mài rỗi sơn vẽ nên có tính độc đáo và rất bền. Để có được một bức tranh kính hoàn thiện, phải mất rất nhiều thời gian từ việc lên ý tưởng đến tiến hành sản xuất sản phẩm. Người làm tranh kính nghệ thuật cũng phải có đam mê và những kiến thức về hội họa, mĩ thuật.

Ông Vinh cũng không ngại chia sẻ công nghệ làm tranh kính với 8 bước cơ bản: thiết kế mẫu (vẽ, tạo phôi cảnh), thiết kế đồ họa, cắt vi tính, dán bìt vi tính (đề can), phun cát (khắc áp lực), mài (làm đẹp chi tiết điêu khắc), phun sơn, nung. Với các loại tranh kính phun sơn nội thất thì chỉ cần hấp ở nhiệt độ 120 độ C là thành sản phẩm. Còn tranh kính phun sơn ngoại thất thì phải được nung và tôt ở nhiệt độ 700 độ C, khi đó sẽ cho ra những sản phẩm tranh kính siêu bền, trường tồn cùng thời gian.

Ngày 13/7/ 2012, ông Vinh đã vinh dự đón nhận bằng sáng chế độc quyền về quy trình sản xuất tranh nghệ thuật Coba do Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

Trong dịp kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long, Hà Nội, nghệ nhân Phạm Hồng Vinh và sản phẩm tranh kính nghệ thuật siêu bền của ông đã vinh dự có mặt trong top "200 doanh nghiệp tiêu biểu 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, đợt 1".

Năm 2014, Phạm Hồng Vinh cùng 36 nghệ nhân thuộc một số ngành nghề khác vinh dự đón nhận danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội do UBND thành phố Hà Nội phong tặng.

Năm 2020, Nghệ nhân Phạm Hồng Vinh được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú cấp Quốc gia.

Hiện nay, các sản phẩm tranh kính của ông Phạm Hồng Vinh đang rất được thị trường ưa chuộng vì các sản phẩm bền, đẹp, mang tính thẩm mĩ cao và có tính ứng dụng rộng rãi trong thiết kế nội, ngoại thất. Các tác phẩm tranh kính của ông đa phần có xu hướng khai thác các yếu tố văn hóa Việt Nam, đặc biệt chú ý đến văn hóa dân gian truyền thống. Một số tác phẩm nổi tiếng của Vinh Coba có sử dụng chất liệu dân gian có thể kể đến như: Nghệ thuật hát xẩm, Chủ Đồng Tử, Lạc Long Quân... hay những tác phẩm khắc họa lại lịch sử hào hùng của dân tộc như: bức Lý Công Uẩn dời đô... Năm 2020, một số sản phẩm tranh kính Vinh COBA vinh dự được nhà nước công nhận là sản phẩm OCOP tiêu biểu.



Năm 2022, Nghệ nhân Ưu tú Phạm Hồng Vinh nhận huy chương vàng tại cuộc thi sáng chế quốc tế tại Liên Bang Nga. Ông đã vinh dự giành giải thưởng này sau nhiều vòng sàng lọc khắt khe. Giải thưởng này đã thể hiện khả năng và thành tựu của người Việt Nam trong lĩnh vực

tranh kính và nghệ thuật. Đặc biệt, năm 2023, Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam đã cấp bằng bảo trợ "Nghệ kính nghệ thuật Vinhcoba" và "nghệ nhân ưu tú Phạm Hồng Vinh là người có công lớn trong việc nghiên cứu sáng tạo và phát triển Nghệ kính nghệ thuật Vinhcoba".

LÀNG HOA SA ĐÉC RỰC RỠ, NGẬP TRÀN SẮC MÀU

THANH HÀ

Làng hoa Sa Đéc (tỉnh Đồng Tháp) là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng nhất của miền Tây Nam Bộ. Nơi đây được mệnh danh là "xứ sở hoa kiểng" với hàng ngàn loài hoa rực rỡ, lan tỏa hương thơm ngát.

Làng hoa Sa Đéc có lịch sử hơn 100 năm, bắt nguồn từ làng hoa Tân Quy Đông. Nằm bên bờ sông Tiền màu mỡ phù sa, nơi đây được thiên nhiên ưu ái với khí hậu mát mẻ, nguồn nước dồi dào, phù hợp cho sự phát triển của hoa kiểng.

Ban đầu, chỉ một vài hộ dân trồng hoa để trang trí và biểu

tặng. Dần dần, số hộ trồng hoa ngày càng nhiều với mục đích kinh doanh. Đến nay, làng hoa Sa Đéc có tổng diện tích trồng hoa hơn 500 ha, với trên 2.300 hộ dân trồng đa dạng các loại hoa kiểng.

Nét độc đáo của làng hoa là những luống hoa được trồng trên giàn cao. Mỗi khi mùa

nước, những người nông dân thường dùng thuyền nhỏ luồn lách qua các giàn hoa để chăm sóc và thu hoạch. Việc đưa hoa lên giàn cao giúp người dân có thể trồng hoa quanh năm mà không bị ảnh hưởng úng ngập do triều cường do lũ vỡ. Bên cạnh đó, việc này giúp giảm sâu bọ, đồng thời giữ cho cây hoa không lấm lem bùn đất.



Làng hoa Sa Đéc (tỉnh Đồng Tháp)

Trước kia, làng hoa chỉ kinh doanh theo mô hình "cha truyền con nối". Sau khi bước vào giai đoạn hội nhập, có cơ hội vận dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, vườn hoa ngày càng khởi sắc và góp phần tích cực đưa làng hoa Sa Đéc phát triển, mở rộng.

Hồi trước, nếu muốn tưới

cây, người dân chỉ có thể làm thủ công bằng cách xách nước bằng tay. Sau này, người dân có thể tưới bằng hệ thống máy tưới. Khoa học công nghệ giúp người nông dân đỡ vất vả. Thế nhưng vẫn có những công đoạn máy móc không thể thay thế được sự tinh tế và kinh nghiệm làm nghề hàng chục năm trời

của người thợ trồng tiền.

Khoảng 10 năm trở lại đây, làng hoa Sa Đéc trở thành địa điểm du lịch thu hút khách tham quan trong và ngoài nước cả bốn mùa. Vùng đất này được bao phủ bởi những luống hoa rực rỡ, đưa du khách bước vào một thế giới đầy sắc màu và ngát.



Người thợ trồng kiểng phải tính toán kỹ càng từng công đoạn

Mỗi loại cây đều có các giai đoạn sinh trưởng khác nhau với những nhu cầu về nước, ánh sáng, nhiệt độ khác nhau dựa trên biểu hiện của cây qua màu sắc, hình dáng. Người thợ trồng kiểng phải tính toán khi nào sẽ thực hiện kỹ thuật. Các công đoạn này đều đòi hỏi sự cẩn chỉnh thời gian chính xác đến từng ngày.

Làng hoa Sa Đéc trồng đa dạng các loại hoa, từ các loài hoa phổ biến như hoa hồng, hoa cúc, hoa lan,... đến các loài

hoa quý hiếm như hoa huệ, hoa sen, hoa mai,... Trong đó, hoa hồng Sa Đéc là loài hoa biểu tượng của làng nghề hoa Sa Đéc. Loài hoa này có màu đỏ nhung đậm, hoa trán màu đậm hơn khi trời lạnh hòa, có độ bền lâu có thể chung từ 5-7 ngày.

Điều đặc biệt, làng hoa Sa Đéc nổi tiếng với các loài cây kiểng, trong đó có nhiều cây quý hiếm như tùng, mai, trúc, bonsai... Qua bàn tay tỉ mẩn, tài hoa của các nghệ nhân, những

cây kiểng này đã trở thành những cây có dáng hình độc đáo, thu hút, được nhiều người yêu thích.

Với bề dày kinh nghiệm lâu năm và tiến bộ khoa học kỹ thuật, hoa làng Sa Đéc không chỉ được tiêu thụ trong nước mà còn được xuất khẩu đi các quốc gia xung quanh. Điều này đã khiến nơi đây trở thành một địa danh quen thuộc với khách sành chơi hoa kiểng.

MỘT VIỆT NAM RẤT "LẠ"

Dưới góc nhìn của nhiếp ảnh gia người Pháp

Jean Michel Gallet

NSƯT Nguyễn Hương Giang

Mặc dù vẫn là những hình ảnh nông thôn Việt Nam mộc mạc, chân phương nhưng hơn 25.000 bức ảnh dưới góc máy của nhiếp ảnh gia người Pháp Jean Michel Gallet đã ghi lại một chặng đường của nông nghiệp Việt Nam từ trước, trong thời kỳ đổi mới và phát triển hiện nay. Đây là tài sản vô giá đối với các nhà nghiên cứu về chính sách, khoa học cũng như những người bảo tồn các di sản văn hóa, làng nghề,..

Là một người Pháp mê khám phá các vùng đất trên thế giới, ông Jean Michel Gallet đến Việt Nam lần đầu tiên vào năm 1990. Với vai trò là người làm trong lĩnh vực nông nghiệp, ông đã có nhiều kết nối, hỗ trợ cho Việt Nam trong phát triển ngành chăn nuôi bò sữa, phát triển nông thôn, tiếp cận các khoản tín dụng ưu đãi để phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Sau này, ông đã có nhiều dịp quay trở lại Việt Nam và có tình cảm dành cho đất nước, con người nơi đây. Kể từ năm 1990 đến nay, ông đã có gần



40 chuyến bay sang mảnh đất hình chữ S để tham gia trao đổi các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp của hai nước.



Trong những lần ghé thăm Việt Nam, ông Jean Michel Gallet đã có hơn 25.000 bức ảnh ghi lại các bức ảnh về cuộc sống thường ngày của làng quê Việt Nam từ những năm 90. Nhiếp ảnh gia người Pháp khiến cho không ít người bất ngờ bởi tình yêu của ông đối với đất nước và con người trên mảnh đất hình chữ S.

Theo GS.TSKH Trần Duy Quý - Chủ tịch Hội Khoa học phát triển nông thôn Việt Nam, đây là tài sản vô giá đối với các nhà nghiên cứu về chính sách, khoa học cũng như những người bảo tồn các di sản văn hóa, làng nghề,..

"Những bức ảnh của ông Jean Michel Gallet ghi lại tất cả hoạt động ở nhiều thời kỳ ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là cảnh canh tác đời sống dân cư miền núi. Điều này đã đem lại những chân dung rất xác thực và là tài sản vô giá về mặt

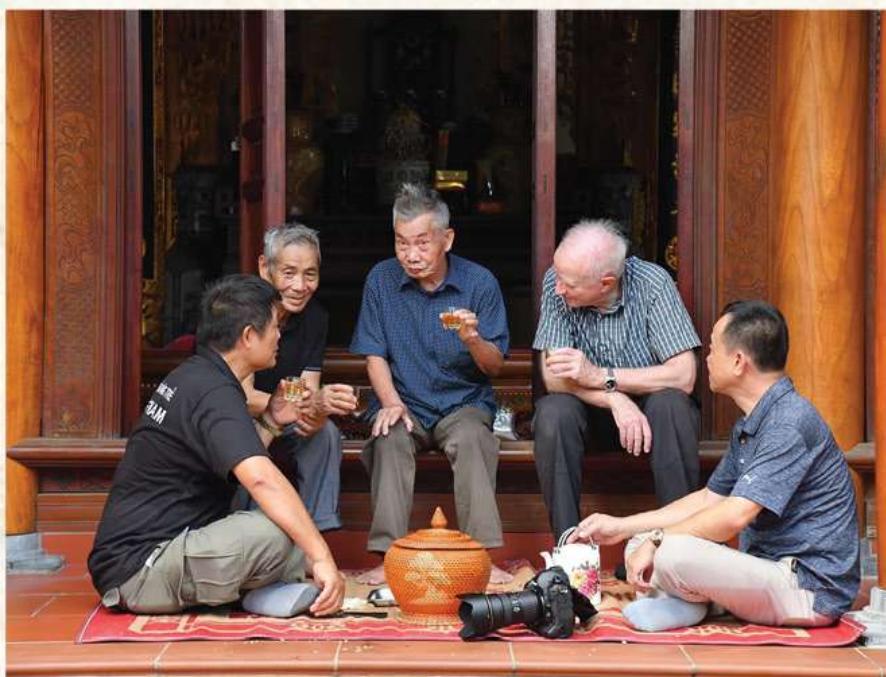
khoa học cho các nhà nghiên cứu về chính sách, những nhà nghiên cứu về khoa học, những người bảo tồn các di sản văn hóa, làng nghề; cũng như là một ngành quan trọng, đó là ngành nông nghiệp", GS Trần Duy Quý chia sẻ.

Từ đầu những năm 90, mặc dù ngành nông nghiệp Việt Nam nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung lúc đó chưa phát triển. Tuy nhiên, phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ cũng như sự cần mẫn, sáng tạo trong lao động, sự thân thiện, mến khách và sự hỗn hậu của con người; lịch sử, văn hóa đất nước Việt Nam đã cuốn hút nhiếp ảnh gia người Pháp. Không chỉ mang giá trị về lịch sử và quá trình phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam mà những bức ảnh của ông còn chứa đựng tình cảm của một người Pháp đối với đất nước và con người trên mảnh đất hình chữ S này.

"Khi mà tôi xem ảnh của ông Michel Gallet, tôi cảm thấy đây là một người rất yêu, tâm huyết với Việt Nam, cũng như là nông nghiệp của Việt Nam. Chính vì thế, cho nên mỗi một bức ảnh của ông là một câu chuyện để mà từ đó, chúng ta nhìn nhận được cái sự chuyển biến của nông thôn Việt Nam từ mấy chục năm qua cho đến nay", nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Trường Giang - Ban nghiệp vụ ảnh Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam cho biết.

Có cơ hội được tiếp xúc, làm việc cùng ông Michel Gallet, nghệ sĩ nhiếp ảnh Đào Minh Xuyên - Ban nghiệp vụ ảnh Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam bày tỏ sự cảm phục trước một nghệ sĩ có tâm với đất nước không phải quê hương mình, sự kiên trì, sáng tạo để sở hữu được bức ảnh quý giá về phong cảnh, cuộc sống và con người Việt Nam.

"Đã 15 năm nay ông Jean Michel Gallet chưa quay lại Việt Nam nhưng ông vẫn rất yêu đất nước Việt Nam. Gắn bó với Việt Nam từ ngày đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh, còn nghèo nàn, lạc hậu; ông ghi lại được những bức ảnh quý giá, để từ đó, chúng ta nhìn lại và nhận ra Việt Nam đang trên đà phát triển không ngừng. Như ông Michel Gallet chia sẻ với tôi, trước đây ông đi đến các vùng quê xa xôi, lạc hậu và để ghi được những bức ảnh về phong cảnh, cuộc sống và con người tại làng quê Việt Nam phải tốn rất nhiều thời gian, thế nhưng ông không hề cảm



thấy nản lòng và bỏ cuộc. Tôi rất cảm phục một nghệ sĩ có tâm với đất nước không phải quê hương mình. Qua đó, tôi cũng học tập được ông về sự kiên trì để sáng tạo những bức ảnh về một Việt Nam đang từng ngày thay đổi, phát triển", ông Xuyên cho biết.

Được biết, ông Michel Gallet cũng là người đã hỗ trợ Viện sĩ Đào Thế Tuấn xuất bản tờ bản tin Khoa học Phát triển nông thôn (tiền thân là Tạp chí Khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam ngày nay). Trở lại Việt Nam khi đã ở cái tuổi ngoài 80, ông mong muốn được trao lại những bức ảnh quý giá đó cho ngành nông nghiệp, để Việt

Nam có thêm những tư liệu quý cho quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam. Với những tình cảm và đóng góp của ông, vừa qua, ông đã được Hội Khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam trao Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam.

"Khi xem những bức ảnh của ông Michel Gallet, tôi nhận thấy có 2 vấn đề. Một là vấn đề nghệ thuật, có thể thấy, ông có những góc nhìn rất lạ, đối với người Việt Nam nhiều khi đã bỏ qua và không phát hiện ra.

với Việt Nam của ông Michel Gallet đã mô tả được nền nông nghiệp của những vùng cao còn nhiều khó khăn đó, giúp cho các nhà nghiên cứu của Việt Nam có được nguồn tư liệu rất quý giá", nhiếp ảnh gia Trần Mạnh Cường chia sẻ.

Lý giải về hình ảnh của một Việt Nam rất khác dưới góc nhìn lạ của nhiếp ảnh gia người Pháp, nhà báo Vương Xuân Nguyên cho rằng, với góc nhìn của một người phương Tây có nền công nghiệp phát triển và được đi đến nhiều nơi trên thế giới, các cái hoạt động sản xuất nông nghiệp dưới góc độ văn hóa sẽ mang đến nhiều sự khác biệt. Chính vì vậy mà những góc ảnh, tác phẩm ảnh của ông đã nói lên những cái ấn tượng hết sức là đặc trưng của nông thôn Việt Nam, văn hóa Việt Nam và của con người Việt Nam.

"Trong gần 40 năm qua, chính những bức ảnh của ông cùng với những hoạt động của Hiệp hội Nông dân Pháp đã truyền đi, giới thiệu về những hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam. Dưới góc nhìn của ông Gallet cho chúng ta thấy được những thế hệ hôm nay và mai sau, ngay cả những người Việt Nam biết được những cái bản sắc văn hóa, những cái sản xuất nông nghiệp ở các cái vùng miền của chúng ta có những cái đặc trưng rất là khác biệt.

Những nét văn hóa, các sinh hoạt làng quê thăm đắm những cái chất liệu của nền sản xuất về nông nghiệp trong



Điểm thứ hai là về nội dung, phải nói ông rất sâu sắc, am hiểu về nông nghiệp Việt Nam, đó là điều chúng ta cảm ơn bởi ông Michel Gallet đã chịu khó đi sâu vào những vùng nông nghiệp rất khó khăn, đặc biệt là các tỉnh vùng miền núi,

vùng cao như Lạng Sơn, Hà Giang hay là Lai Châu,... Những địa điểm này nhiều khi chính nhiếp ảnh của Việt Nam cũng thấy ngại vì sợ vất vả lại không đạt được kết quả như mong muốn. Những bức ảnh có từ sự nhiệt thành và tình yêu đối

các bức ảnh của ông là minh chứng cho khái niệm "ngôn ngữ nhiếp ảnh", mang cho người xem góc nhìn về những

dòng thời gian, những câu chuyện đặc trưng văn hóa", nhà báo Vương Xuân Nguyên chia sẻ.

những người Pháp và những người khác tại các quốc gia khác. Ở đó, nhà máy, các khu công nghiệp phát triển rất nhiều vì vậy, ông chỉ chụp những bức ảnh về nền nông nghiệp, người nông dân, hoạt động thường ngày và phong cảnh.

"Niềm đam mê của tôi khi chụp ảnh ở Việt Nam, đó là những hình ảnh về lao động và những sáng tạo của con người Việt Nam, đặc biệt là những hình ảnh hiếu khách, thân thiện của người Việt Nam và phong cảnh Việt Nam cũng tuyệt đẹp. Tuy nhiên, điều thực sự thu hút tôi chính là nền văn hóa, sự đa dạng nền văn hóa của đất nước các bạn. Những bức ảnh tôi chụp đó chính là những khoảnh khắc, những hình ảnh cho thấy đất nước Việt Nam ngày nay đã có nhiều phát triển, những người xem là bạn bè của tôi, những người nước ngoài chưa có dịp đến Việt Nam có thể hình dung ra đất nước Việt Nam những năm trước đây và sự phát triển ngày nay", nhiếp ảnh gia người Pháp bày tỏ.

Cũng theo ông Gallet, điều đặc biệt của người Việt Nam nói chung và nền nông nghiệp nói riêng đó là người Việt Nam rất ham học hỏi, chịu khó thích ứng nhanh. Người Việt Nam khi mà nhìn ra thế giới thì luôn cảm nhận, phân tích sau đó thì áp dụng điều đó vào trong môi trường của Việt Nam như thế nào cho phù hợp trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng và các lĩnh vực kinh tế nói chung.



Nhà báo Vương Xuân Nguyên và Nhiếp ảnh gia Jean Michel Gallet trong chuyến tác nghiệp ở làng So ngoại thành Hà Nội năm 2022

Với ông Michel Gallet, khám phá một đất nước là khám phá một nền văn hóa. Mỗi khoảnh khắc giơ máy ảnh lên chính là lúc thời gian dừng lại và những bức ảnh trở thành nhân chứng để ghi lại các quá trình phát

triển từng giai đoạn của một đất nước, đặc biệt là nền nông nghiệp của Việt Nam.

Lý do làng quê, nông nghiệp Việt Nam trở thành nguồn cảm hứng của ông Gallet là vì đối tượng mà ông hướng tới là

Khi được hỏi ông có lời khuyên nào cho công tác bảo tồn và phát triển Làng nghề, Nghề truyền thống Việt Nam trong kỷ nguyên số và hội nhập hiện nay, Jean Michel Gallet với gần 40 năm gắn bó với nông thôn Việt Nam đã thẳng thắn chia sẻ: "*Tôi nghĩ cũng giống như một con*

người muốn vững bước tiến về phía trước, thì phải có một chân trụ phía sau vững chắc, một chân sải dài vươn về phía trước. Với Làng nghề, Nghề truyền thống Việt Nam thì chân trụ chính là tinh hoa văn hóa, giá trị lịch sử, sự tài hoa và kinh nghiệm sản xuất của người nghệ nhân kết tinh và

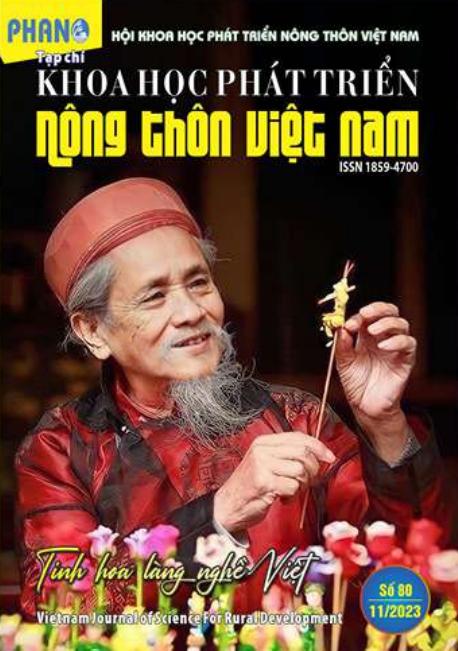
được trao truyền qua bao thế hệ. Còn chân trước chính là giá trị thời đại, là công nghệ, quy trình sản xuất khoa học, cải tiến mẫu mã, nắm bắt thị trường, mọi biện pháp tổng thể để có thể nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm làng nghề truyền thống..."





*Một số hình ảnh về làng nghề truyền thống
Việt Nam do NAG người Pháp - Jean Michel
Gallet chụp năm 1989*





Ảnh bìa: Gìn giữ Tinh hoa

Chủ tịch hội đồng biên tập
PGS.TS. Đào Thế Anh

Tổng Biên tập
GS.TSKH. Trần Duy Quý

Phó tổng Biên tập
TS. Lê Thành Ý
NB. Phí Văn Điện

Các ủy viên Hội đồng Biên tập

GS.TS. Nguyễn Tử Siêm

PGS.TS. Khuất Hữu Trung

GS.TS. Đinh Văn Tiến

GS.TS. Nguyễn Văn Song

PGS.TS. Vũ Trọng Khải

TS. Nguyễn Tiến Mạnh

TS. Trịnh Văn Tuấn

TS. Estelle Bienabe

ThS. Lê Đức Thịnh

GS.TS. Đỗ Kim Chung

GS.TS. Trần Khắc Thi

TS. Hoàng Xuân Trường

Tổng thư ký Tòa soạn

Nhà báo Vương Xuân Nguyên

Trụ sở tòa soạn

Nhà số 1 Ngõ 186 phố Trần Duy Hưng,
Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024. 33216162 - 08.4646.0404
Email: toasoan.khcs@gmail.com
Website: <https://nongthonvaphattrien.vn>

Văn phòng giao dịch

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
(Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội)

Văn phòng đại diện khu vực Bắc Trung Bộ
Số 3/84 đường Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, Nghệ An

Văn phòng đại diện miền Trung

Số 173 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương,
Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Văn phòng đại diện khu vực Tây Nguyên
Số 7/4 phố Nguyễn Du, thị trấn Di Linh,
tỉnh Lâm Đồng

Văn phòng đại diện phía Nam

Số 8, Nguyễn Bá Huân, Thảo Điền
Quận 2, TP Hồ Chí Minh

Giấy phép hoạt động báo chí in và điện tử
số 74/GP-BTTTT ngày 26/01/2022 của
Bộ Thông tin và Truyền thông
in tại Công ty CP Truyền thông Pháp luật và Thời đại

Giá: 110.000 đồng

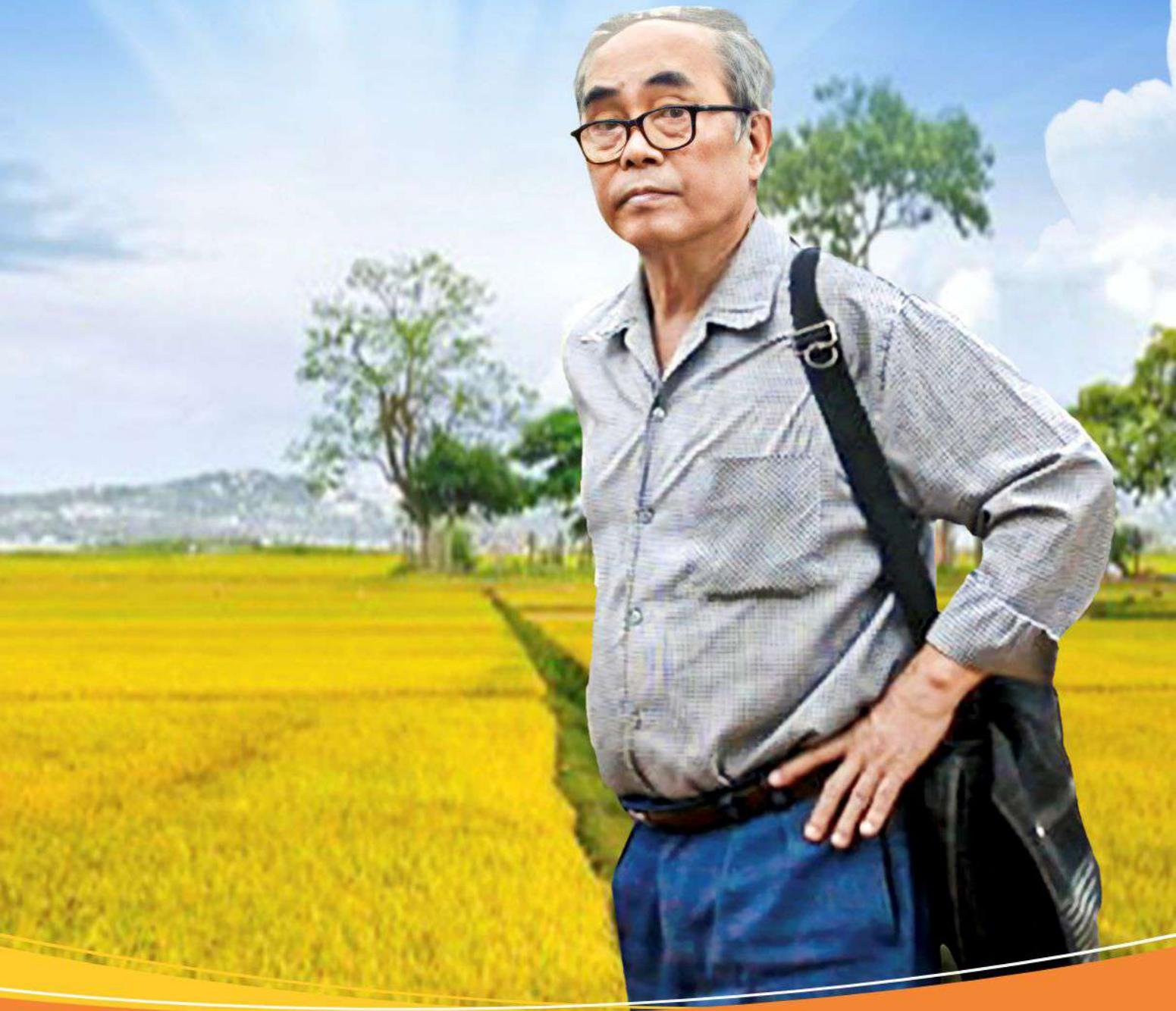
(Bản pdf 350.000 đồng/12 tháng)

MỤC LỤC

- Chúc văn giỗ tổ nghề Việt Nam..... 5
- Chú giải chúc văn giỗ tổ làng nghề Việt Nam..... 8
- Bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề phát triển nông thôn Việt Nam... - Quyết Tuấn (Thực hiện)..... 13
- Bảo tồn và phát triển làng nghề thủ đô Hà Nội "Hội tụ - kết tinh - lan tỏa" - ThS. Nguyễn Văn Chí..... 20
- Nghệ nhân có vai trò quan trọng trong phát triển làng nghề truyền thống ở Việt Nam - Lưu Duy Dần 23
- Bảo tồn làng nghề: Dưới góc nhìn Văn hóa và Phát triển - TS. Phạm Việt Long..... 28
- 100 nghệ nhân thợ giỏi tiêu biểu toàn quốc..... 31
- Tranh làng sinh - Nét văn hoá dân gian đặc sắc xứ Huế - Trần Mạnh Thường..... 64
- Tranhđângianhangtrống-MạnhThường..... 68
- Tranh Đông Hồ - Di sản quý của nghệ thuật tạo hình Việt Nam - Trần Mạnh Thường..... 72
- Gốm Chu Đậu, tinh hoa văn hoá Việt-Trần Mạnh Thường..... 78
- Giấy Dó, nét tinh hoa văn hoá Việt-Trần Mạnh Thường..... 80
- Tranh Kim Hoàng tâm linh của người Việt-Mạnh Thường..... 84
- Phuốc Tích làng gốm đỗ lửa trên 5 thế kỷ-Mạnh Thường..... 87
- Đặc sản Miến Làng So: Từ thần tích ngàn năm đến sản phẩm OCOP- Vương Xuân Nguyên..... 91
- VINH COBA: Nghệ nhân tranh kính siêu đẳng của Việt Nam - Hằng Nga..... 95
- Làng hoa Sa Đéc rực rỡ, ngập tràn sắc màu - Thanh Hà..... 98
- Một Việt Nam rất "lạ"- NSƯT Nguyễn Hương Giang..... 100
- Mục lục..... 104

"Việt Nam có một truyền thống công nghiệp nông thôn do các làng nghề phát triển nên. Hiện nay ở nhiều nơi đang hình thành các cụm công nghiệp làng nghề rất năng động tìm ra các hướng hội nhập với nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hoá. Việc phát triển cụm công nghiệp của Việt Nam có nguồn gốc từ mô hình Kẻ Chợ và 36 phố phường. Theo kinh nghiệm của một số nước tiên tiến đây là mô hình Hậu Ford (post-fordism) với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụm công nghiệp. Italia là một nước đã công nghiệp hóa từ các làng nghề đã chiếm nhiều ngành công nghiệp hàng đầu thế giới. Các cụm công nghiệp của các nước đã phát triển thành các Hệ thống đổi mới quốc gia (National innovation system) với sự tham gia của các tổ chức nghiên cứu và giáo dục để tìm ra các ưu thế cạnh tranh. Để có thể đuổi kịp các nước đi trước không thể chỉ bắt chước những gì mà các nước đã làm mà phải tạo lấy ưu thế cạnh tranh riêng của mình. Việt Nam có thể khai thác các di sản của Làng nghề phục vụ cho chiến lược công nghiệp hóa nông thôn..."

GS.VS.AHLĐ Đào Thế Tuấn





Gìn giữ nét tinh hoa

